



Chân dung bà Tăng Tuyết Minh (1905-1991) vào thời  
kết hôn với Nguyễn Ái Quốc (1926) [xem hồ sơ đặc biệt]

## Nội các Phan Văn Khải II

Hoà Vân

Ít ra thì người ta cũng có thể đọc trên danh sách chính thức của chính phủ được đăng trên các báo trong nước (xem trang 11, với thứ tự các bộ như trên Nhân Dân, Tuổi Trẻ ngày 9.8) một thứ tự - như thường lệ - phản ánh những ưu tiên đích thực của đảng cầm quyền : quân đội và công an đi đầu, nhằm bảo đảm vị trí quyền lực của đảng (theo ngôn từ chính thống là “ bảo đảm ổn định chính trị - xã hội ”, “ giữ vững an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội ”...). Phần còn lại hoặc giả được sắp theo vị trí trong đảng của cá nhân các bộ trưởng, hoặc giả cũng chẳng có gì quan trọng lắm ? Uyên tiên chính thức được nói ra, được nhắc đi nhắc lại trong các nghị quyết của đảng - “ coi khoa học - giáo dục là quốc sách hàng đầu ” - thì vẫn chỉ được gánh trên vai một phó thủ tướng (Phạm Gia Khiêm) không có chân trong hai tổ chức chớp bu của đảng là bộ chính trị và ban bí thư, và hai bộ trưởng nhẹ ký chính trị khác (các ông Nguyễn Minh Hiển, bộ giáo dục và đào tạo, và Hoàng Văn Phong, bộ khoa học và công nghệ). Chẳng có gì khác chính phủ 5 năm trước (xem DĐ số 67).

Cũng chẳng có gì khác biệt về những con người. Tuy rằng có tới 11 bộ trưởng mới, nhưng ngoài ông Lê Hồng Anh được đưa từ bộ máy đảng sang nǎm công an, 10 người kia là những thứ trưởng đã được chuẩn bị từ hơn một năm nay (từ đại hội đảng tháng 4.2001) để thay thế các bộ trưởng cũ. Tuổi trung bình của chính phủ (56 tuổi) chỉ kém tuổi trung bình chính phủ trước (vào năm 1997, khi được cử ra) hơn một tuổi. Ngay chính ông Khải (nǎm nay 69 tuổi) cũng chưa được phép về nghỉ hưu mặc dầu, theo nhiều nguồn tin, ông đã hơn một lần đặt vấn đề với bộ chính trị. Lý do chính thức dĩ nhiên là chưa kiểm được người thay thế. Làm sao kiểm được người trẻ có năng lực khi người ta chỉ tìm trong một đảng chẳng còn chút hào quang nào đủ hấp dẫn thanh niên, khi sự phai đạo chính trị là điều kiện át có để vươn lên trong bộ máy, và mọi tiếng nói, suy nghĩ không hợp khẩu vị các chức sắc - từ trung ương đến địa phương - đều bị kiềm tỏa tối đa ? Chưa kể, chính cái khẩu vị của các chức sắc ấy cũng phải bị nhạt nhòa

(xem tiếp trang 10)

## mục lục

### 2 Bạn đọc và Diễn Đàn

### thời sự & những vấn đề

- |                                |                  |
|--------------------------------|------------------|
| 1 Nội các Phan Văn Khải II     | Hoà Vân          |
| 4 Tin / Thời sự                |                  |
| 12 Trần Độ (1923-2002)         | Nguyễn Ngọc Giao |
| 14 Không gian xi be... mít đặc | Hàn Thuỷ         |
| 15 Mở cửa phóng khoáng         | Margot Cohen     |

### hồ sơ đặc biệt

- |                    |             |
|--------------------|-------------|
| 17 Tăng Tuyết Minh | Hoàng Tranh |
|--------------------|-------------|

### văn hóa & khoa học & nghệ thuật

- |                                  |                   |
|----------------------------------|-------------------|
| 21 Bảo tồn chữ Nôm...            | VNP               |
| 22 Laurent Schwartz (1915-2002)  | Bùi Trọng Liễu    |
| 26 Nhân đọc Nhà giả kim          | Nguyễn Ngọc Giao  |
| 28 Toàn cầu hóa & văn hóa        | Nguyễn Tường Bách |
| 31 Bao giờ cho đến bốn năm sau ? | Văn Ngọc          |
|                                  | Phạm Thị Hoài     |

# *sinh hoạt nghệ thuật*

**VNHELP** PROUDLY PRESENTS

**2002 fundraising event**

## **Mùa Thu Cho Em 7**

**FEATURING SINGING SUPERSTARS**

**Mỹ Linh and Trần Thu Hà**

Saturday, October 12, 2002, at 2:30 PM and 8:00 PM,  
Santa Clara Convention Theater

5001 Great America Parkway  
Santa Clara, California

### Ticket Information:

Tickets are available for sale now.

Ticket price: \$45, \$55, \$65 and \$100-VIP

Tickets can be purchased at the following locations:

\*\*\* on-line at <http://www.vnhelp.org/mtce7>

\*\*\* VNHELP office: (408) 206-9969 ; (408) 885-1791

Email: [info@vnhelp.org](mailto:info@vnhelp.org)

## **Đào Droste triển lãm**

1) **Heidelberg**, 1.9. - 3.10.2002, *Mahayana - Bilder von Dao Droste*, Willibald-Kramm-Preis-Stiftung, Sole d'Oro.

2) **Heidelberg**, 6.9. - 26.9.2002, *Installation aus dem Zyklus Helden von Dao Droste*, Deutsch-Amerikanisches Institut.

3) **Nürtingen**, 13.10. - 13.11.2002, Galerie Die Treppe.

4) **Nancy**, 22.10. (Vernissage: 17 h) - 22.11.2002, *Terra cantans - une nouvelle Installation au Sol de Dao Droste*, Parc de l'Institut Goethe Nancy,(Tél. 03 83 35 44 36).

**ATELIER & GALERIE DAO**, Wasserturmstr. 56 (Tél. 49 6221 765138) <http://www.daodroste.de>

## **Nguyễn Lê**

**September :**

17 to 22 **Berlin Philharmonie** M.A. Turnage "Blood on the Floor" w/ P Erskine & Simon Rattle Philharmonic

**October :**

12 **Lillehammer** Nguyễn Lê Hendrix

15 **Chambéry résidence Chambéry**

18 **Luxemburg** Huong Thanh Dragonfly

19 **Cité de la Musique Paris** Nguyễn Lê Hendrix project

25 **Innsbruck** Nguyễn Lê Hendrix project

26 **Ried** Nguyễn Lê Hendrix project

28 **Wien** Nguyễn Lê Hendrix project

30 **Langenau** Nguyễn Lê Hendrix project

31 **Passau** Nguyễn Lê Hendrix project

## **Bạn đọc và Diễn Đàn**

### **Ánh Mắt AVIGNON 2002**

Nhà biên đạo múa nổi tiếng Pháp Régine Chopinot đã trình diễn sáng tác mới *Ánh Mắt (La moelle des yeux)* trong chuông trinh 'off' của Festival Avignon 2002, rất tiếc ở một rạp hát hơi xa trung tâm. Sáng tác mới này được trình diễn lần đầu tiên tại La Rochelle, nơi cư trú thường xuyên của đoàn R. Chopinot, cách đây vài tuần. Đặc điểm của vở múa này là toàn bộ diễn viên múa là Việt Nam, tám nam hai nữ, thuộc Nhà hát lớn và Trường múa Hà Nội.

Múa của Régine Chopinot là loại múa 'hiện đại', hoàn toàn theo thể Âu Mỹ, các diễn viên múa với tất cả cơ thể của họ. Tôi không thấy ảnh hưởng nào của múa châu Á, như múa Nhật, chèo tuồng Việt Nam, kinh kịch Bắc Kinh, hay múa Ấn Độ, Kho-me... trong *Ánh Mắt* (được biết Régine Chopinot sẽ trình diễn tại Paris một vở mang tựa đề Nhật). Riêng phần nhạc đệm của vở múa *Ánh Mắt* là cổ điển Ấn Độ, do nhạc sĩ Ravi Prasad (gốc miền Kerala) vừa hát hò vừa dùng sáo, trống, đàn dây... Vở múa diễn tả một ngày của dân lao động, từ lúc sáng tinh dậy cho đến đêm khuya mệt nhoài. Suốt ngày lao động cực nhọc, không ngừng, vừa chạy, vừa khuân vác, có những cảnh như trong phim Charlot *Les Temps Modernes*. Régine Chopinot như bị xúc động bởi sự náo nhiệt trong đời sống hàng ngày ở Việt Nam, vừa phục vừa thương. Tôi cũng có cảm tưởng cả Châu Á đang bừng bừng sống dậy, bước vào sản xuất phát triển, sau một thời gian ngủ yên chìm lặng.

Các diễn viên đều ăn mặc một bộ áo quần màu trắng, mang giày da đen. Màu trắng đây chắc không phải màu trắng của 'tang thương' châu Á, nhưng là y phục hiện nay trong các nhà máy hiện đại. Hay là màu của 'trinh nguyên', như Régine Chopinot đã tuyên bố trong một bài báo :

"Múa mới hiện đại chưa thành hình ở Việt Nam. Họ chỉ biết múa dân tộc hay múa cổ điển theo trường phái Nga. Tôi làm việc với họ 'còn trinh nguyên', rất hăng say...". Quả thật các diễn viên Việt Nam múa rất dẻo, múa với tất cả cơ thể của họ. Đặc biệt hai nữ diễn viên vừa dẻo vừa khoẻ, gợi cảm, hoàn toàn khác biệt với lối diễn của phái nữ trong các màn chèo.

Tôi được gặp nói chuyện với anh Hà Thế Dũng, nghệ sĩ ưu tú và biên đạo múa. Anh cho biết vở múa này đã được tập diễn

### **DIỄN ĐÀN FORUM**

**Chủ nhiệm :** Nguyễn Quang Đỗ

**Tổng biên tập :** Hà Dương Tường

**Ban chủ biên :** Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,

Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc

**Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :**

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,

Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,

Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuý,

Đặng Tiến, Nam Trần, Hoài Văn, Kiến Văn,

Hải Văn, Hoà Văn

ở Festival Huế 2002. Quân chúng Việt Nam đã được xem lần đầu tiên những mô hình của múa hiện đại, sự trao đổi giữa các diễn viên và nhà biên đạo múa Pháp, cách tạo dựng cảnh trí (rất đơn sơ, với một số bàn gỗ thường) cũng như quần áo múa. Régine Chopinot đã tham dự Festival Huế 2000 (với vở *La Danse du Temps*), và sau đó đã mời 4 nghệ sĩ múa Việt Nam sang La Rochelle thực tập chín tháng để tìm hiểu múa hiện đại Âu Châu. Rồi đôi bên này ra ý định dựng vở múa *Ánh Mắt* cho năm 2002. Sau Avignon, *Ánh Mắt* sẽ đi lưu diễn một tháng ở Việt Nam. Các diễn viên rất hân diện được múa tại La Rochelle và Avignon, và thích thú được khán giả Pháp cổ vũ sau các buổi trình diễn. Trong tương lai có thể có một sáng tác mới của biên đạo múa Việt Nam. Anh cũng được xem vở *Requiem* của Ea Sola ở Festival Huế 2002, anh rất khen ngợi. Trong thời buổi ‘tòan cầu hoá’ ngay trên mặt văn hoá liệu ngành múa ‘hiện đại’ Việt Nam có chỗ đứng đặc sắc và đặc biệt không ?

Régine Chopinot, người mảnh khảnh nhưng nhiều nghị lực, tóc nhuộm bạc. Tuy là nhân vật có danh tiếng, nhưng bà rất bình dân, tươi cười thân mật. Tôi hỏi tại sao bà ‘đam mê’ Việt Nam, bà nhiêu giờ và công sức đi làm việc nhiều tháng ở Việt Nam ? Bà trả lời rằng sự ‘đam mê’ này hai chiều, bà rất thích dân chúng và phong cảnh Việt Nam. Bà muốn giúp Việt Nam xây dựng ngành múa ‘hiện đại’, xem như làm một việc ‘hữu ích’ (*me rendre utile*), ‘chứ ở đây lăm khi mình có cảm tưởng mình không cần thiết’. Régine Chopinot, múa hiện đại, múa với toàn cơ thể, múa với trí óc và trái tim.

Vũ Hồng Nam (Lyon, Pháp)

### *Thiên hạ ai người chẳng mộng đâu ?*

Sau bài của Alexandre LÊ : *Về tự Tố Như của Nguyễn Du qua ‘Hồ Xuân Hương nàng là ai?’* đăng trên *Diễn Đàn* số 117 (tháng 4.2002), chúng tôi nhận được bài viết 8 trang của tác giả Phạm Trọng Chánh. Đoạn chót như sau, rất ý nghĩa :

“ *Chuyện tình Hồ Xuân Hương và Nguyễn Du, thơ hai người viết cho nhau cũng là những giấc mộng. Tôi bỏ ba năm để dịch toàn bộ thơ Nguyễn Du và thơ Hồ Xuân Hương bằng chữ Hán. Tôi chìm đắm trong cõi mộng của hai người, nhiều đêm tôi nằm mơ thấy hai người làm thơ đối đáp. Tôi viết lại cuộc tình hai người bắt đầu bằng bài thơ Cảm Cực Kiêm Trình Cân Chánh Nguyễn Hầu - Hầu Nghi Xuân Tiên Diên Nhân, từ bài thơ đó tôi phát triển tìm kiếm và phát hiện 16 bài thơ Hồ Xuân viết cho Nguyễn Du và 11 bài Nguyễn Du viết cho Hồ Xuân Hương.* ”

“ *Nếu bạn thân Alexandre LÊ trách tôi mộng mơ “ đã để sự đan chéo giữa những tình cảm đặc biệt nhà thơ Nhất Uyên và tính khách quan của nhà nghiên cứu Phạm Trọng Chánh ”, tôi cũng xin mượn hai câu thơ Nguyễn Du để trả lời bạn :* ”

Tri giao quái ngã sâu đa mộng  
Thiên hạ hà nhân bất mộng trung ?  
  
Bạn thân thường trách ta sâu mộng  
Thiên hạ ai người chẳng mộng đâu ?

[Ngẫu đề, Nam Trung tạp ngâm]

Diễn Đàn sẵn sàng đăng một bài tham luận có chứng cứ và lập luận của tác giả về vấn đề này.

### *Phiếu mua báo Diễn Đàn*

Họ và tên : .....

Địa chỉ : .....

Email : .....

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng ..... (số ..... )  
Kèm theo đây là ngân phiếu : ..... €

*Giá mua 1 năm báo (11 số)*

Pháp (các tỉnh, lãnh thổ DOM TOM) : 40 €

Châu Âu ngoài Pháp : 45 €

Các nước ngoài Châu Âu : 50 €

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào trương mục của Diễn Đàn : CCP 4.414.16 W PARIS.

**Châu Âu** thuộc khối liên hiệp Âu châu UE : có thể ra bưu điện chuyển số tiền 45 € vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của Diễn Đàn.

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 45 € cho ông Trần, Am Stadtpark 6, D-92237 SULZBACH-ROSENBERG, hoặc chuyển khoản vào trương mục (Uberweisung) DIENDAN-FORUM (Bank: SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto: 380 48 94 76, blz 752 500 00).

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70FS/năm) vào trương mục JOURNAL DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1. Xin viết thư để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt 15\$ US, xin gửi ngân phiếu tương đương (bằng zloti) đề tên CHWISTEK và gửi về tòa soạn, hoặc chuyển vào trương mục của M. CHWISTEK, Bank : SLASKI - ODDIZIAL GLIWICE, Numer Banku : 10 50 12 85, Numer Konta : 22 55 95 51 85, Pesel : 480 91 64 10 10

Bạn đọc ở **Canada** xin gửi séc 70\$ CND đề tên ông DUNG TRAN và gửi về MR TRAN, 4817 Lalande Blvd, Pierrefonds, QUEBEC H8Y 3H4.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 50\$ US đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về tòa soạn (DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG LA REINE, France).

**Úc và các nước khác** : xin gửi 50 € bằng *money order* đề tên Diễn Đàn về địa chỉ tòa soạn (DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG LA REINE, France).

DIỄN ĐÀN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE)  
FAX : 33 1 43 68 91 44 (quốc tế), 01 43 68 91 44 (Pháp)

# TIN TỨC

## Lũ lụt khắp nước

Cũng như ở châu Âu và Trung Quốc, thời tiết mùa hè năm nay ở nước ta diễn biến ác liệt bất thường, ở cả ba miền bắc, trung, nam, gây nhiều thiệt hại về người và của.

Ở miền bắc, tới ngày 24.8, mức lũ sông Hồng đã xuống dưới mức báo động 2 (mực nước ở Hà Nội sáng ngày 23.8 là 9,9m, so với 12,01m ngày 18.8), và ở hệ thống sông Thái Bình cũng xuống dưới mức báo động 3 (còn 4,94m ở Phả Lại). Trận bão 3 đe doạ ở ngoài khơi vịnh Bắc bộ trung tuần tháng 8 cuối cùng đã đổi hướng, đổ bộ lên miền nam Trung Quốc thay vì vào nước ta. Song, trước đó, mưa lũ đã làm chết 26 người, nặng nhất là ở tỉnh Hà Giang (21 người chết, 8 người bị thương, 210 căn nhà bị tốc mái hoặc bị trôi, thiệt hại ước tính lên tới 4 triệu USD). Trên các tuyến đê điêu, nhiều sự cố xảy ra (riêng ở HN, xuất hiện 34 mạch sủi, thủng lậu nước trong), liên tục huy động người dân và lực lượng cứu ứng làm việc suốt ngày đêm trong nhiều ngày trời. Ngày 17.8, ban phòng chống bão lụt HN đã phải ra lệnh cho quận Tây Hồ mở hết 2 cửa cống Đặc Chín, trên đê bao ngoài bãi để cân bằng mực nước trong - ngoài, chống vỡ đê. Nước tràn vào vùng dân cư sát đê chính thuộc 3 phường Tứ Liên, Quang An, Nhật Tân, buộc 2140 hộ với 9000 dân phải khẩn trương sơ tán. Năm 1996, khi chưa có cửa cống này, lũ bất ngờ tràn làm vỡ hàng chục mét đê, nhấn chìm toàn bộ khu vực chỉ sau một giờ khiến người dân không kịp ứng phó.

Ở miền trung, sau một mùa hè khô cằn tới mức nhiều con sông, nhất là sông Hương, bị nhiễm mặn, do ảnh hưởng của dải hội tụ nhiệt đới có trực đi qua Trung Trung bộ, các tỉnh thuộc Trung bộ, Tây Nguyên và Nam bộ đã có mưa từ ngày 12.8, một số tỉnh có mưa to. Từ đêm 17 đến sáng 19.8, mưa trên diện rộng và rất to ở Thừa Thiên - Huế khiến mực nước sông Hương lên trên mức báo động 2. Lúc 18g ngày 19.8, nước sông Vu Gia đã chảy tràn qua cửa đập Đại Cường. Đập Duy Thành đang thi công dở dang bị nước lũ chảy xiết gây xói lở bờ tả. Khu vực nam Tây nguyên thuộc lưu vực sông Đồng Nai, La Ngà có mưa rất to, gây lũ lớn trong các huyện Cát Tiên, Đạ Tẻ, Đạ Hoai thuộc tỉnh Lâm Đồng, làm 2 người chết, 4000 nhà bị ngập trong đó 1050 nhà ngập sâu 2-3 m, hơn 5500 dân phải sơ tán. Theo UBND huyện đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi) tính đến ngày 20-8, vẫn còn 20 tàu đánh cá dài ngày trên biển của ngư dân trong huyện bị mất liên lạc với đất liền và với các tàu đánh cá khác. Những tàu đang bị mất liên lạc xuất bến hơn nửa tháng nay, tương đương khoảng thời gian khai thác dài ngày trên biển của mỗi chuyến ra khơi. Phần lớn các tàu thuyền đánh cá của ngư dân huyện đảo đã di chuyển vào trú bão tại các vũng neo đậu gần bờ thuộc địa phận tỉnh Quảng

Ngãi. Một số phương tiện khác không về kịp đã tìm được nơi trú ẩn an toàn, có thông tin về gia đình và địa phương.

Ở Nam bộ, theo thông báo lũ khẩn cấp trưa ngày 24.8, lũ tại các trạm đầu nguồn sông Tiền, sông Hậu đang lên rất nhanh với cường suất 12cm/ngày, tại vùng đầu nguồn các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Long An lên từ 7 tới 15 cm/ngày. Mực nước ở Tân Châu (4,31m), Châu Đốc (3,7 m) đều vượt mức báo động 3. Mực nước vùng Đồng Tháp Mười và tứ giác Long Xuyên tiếp tục tăng nhanh. Những ngày mưa to, giông mạnh ở vùng ven biển Cà Mau làm đoạn đê cửa Hương Mai (huyện U Minh, giáp tỉnh Kiên Giang) bị sóng biển đánh sạt lở gần 80 m. Tại cửa biển Khánh Hội, đất lở sâu vào đất liền hàng chục mét.

(tổng hợp nhiều bản tin báo điện tử VnExpress và Nhân Dân, cho tới chiều ngày 24.8.2002)

## Lũ lụt gây thiệt hại lớn cho cộng đồng người Việt ở Đức

Theo phóng viên TTXVN tại Berlin, cơn lũ kéo dài từ đầu tháng 8 không chỉ gây thiệt hại lớn cho nhân dân Đức mà còn gây ra những thiệt hại lớn về vật chất cho cộng đồng người Việt Nam đang làm ăn sinh sống ở những vùng lũ lụt.

Tại thành phố Dresden, thủ phủ bang Sachsen, khu vực bị nước lũ sông Elbe hoành hành dữ dội nhất, khoảng hơn 10 nghìn người Việt Nam cũng phải chịu tình cảnh chung như người dân trong vùng. Hàng trăm người đã phải sơ tán. Theo thống kê ban đầu của Hội người Việt Nam thành phố Dresden, hàng trăm tấn hàng hóa tại các cửa hàng, cửa hiệu, tại các trung tâm kho hàng của người Việt đã bị ngập nước. Một số hàng hóa đưa được về nơi an toàn cũng mất giá trị sử dụng vì bị ngâm nước. Thiệt hại của bà con người Việt ước tính lên đến hàng triệu euro. Bị thiệt hại nặng nhất là bà con người Việt ở Pirna, Freital, Coswig và Meissen, những thành phố phụ cận Dresden bị nước lũ sông Elbe phá vỡ đê bảo vệ tràn vào.

## Xuất bản bản đồ biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc ?

Ngày 16-8, Thủ tướng Chính phủ đã ra quyết định thành lập ban Chỉ đạo của Chính phủ về phân giới, cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc (ban Chỉ đạo phân giới, cắm mốc), do ông Vũ Khoan, Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban, ông Lê Công Phụng, thứ trưởng Ngoại giao, trưởng ban Biên giới bộ Ngoại giao là uỷ viên Thường trực. Ban Chỉ đạo phân giới, cắm mốc có nhiệm vụ chỉ đạo việc thực hiện Hiệp ước biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc, giải quyết những vấn đề còn tồn tại trong Hiệp ước và những vấn đề nảy sinh trong quá trình phân giới, cắm mốc, đê xuất với cơ quan có thẩm quyền chủ trương, biện pháp xử lý thích đáng. Ban chỉ đạo sẽ chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện kế hoạch tổng thể phân giới, cắm mốc trên tuyến biên giới đất liền Việt - Trung nhằm chuyển chính xác đường biên giới từ Hiệp ước ra thực địa. Đồng thời, Ban Chỉ đạo chỉ đạo soạn thảo nghị định thư và ký nghị định thư biên giới đất liền, **xuất bản nghị định thư và bản đồ kèm theo nghị định thư xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý biên giới** (ĐĐ nhấn mạnh) (theo ND điện tử 20.8.2002).

## Nhân sự nhà nước (ngoài chính phủ)

Ngoài chính phủ, kỳ họp đầu tiên của QH khoá XI, bắt đầu ngày 19.7, cũng đã cử ra các chức vụ khác trong bộ máy nhà nước, theo sự ‘giới thiệu’ của hội nghị lần thứ 6 ban chấp hành trung ương ĐCSVN khoá IX, họp hai tuần trước đó (ngày 5.7).

Như dự tính, các ông Trần Đức Lương, Nguyễn Văn An và Phan Văn Khải đã tái cử các chức vụ chủ chốt : chủ tịch nước, chủ tịch QH và thủ tướng chính phủ - tuy rằng, trái với thường lệ, cả ba đều không được sự “nhất trí tán thành” của QH, và theo phóng viên AFP, một số “bất bình thường” đại biểu đã bỏ phiếu không tín nhiệm ông An, vì những tiếng đồn ông có dính líu với Năm Cam.

Các chức vụ khác bao gồm :

*Phó chủ tịch nước* : bà Trương Mỹ Hoa.

*Toà án nhân dân tối cao* : ông Nguyễn Văn Hiện.

*Viện kiểm sát nhân dân tối cao* : ông Hà Mạnh Trí.

*Phó chủ tịch QH* : các ông Nguyễn Văn Yểu, Nguyễn Phúc Thanh và Trương Quang Đạt.

9 người khác được bầu vào các vị trí chủ nhiệm các ban của Quốc hội:

- Ông Tráng A Pao, được giao giữ chức chủ nhiệm *Hội đồng dân tộc* ;

- Ông Vũ Đức Khiển, *uỷ ban Pháp luật* ;

- Ông Nguyễn Đức Kiên, *uỷ ban Kinh tế ngân sách* ;

- Ông Hồ Đức Việt, *uỷ ban Khoa học, công nghệ & môi trường* ;

- Bà Nguyễn Thị Hoài Thu, *uỷ ban Các vấn đề xã hội* ;

- Ông Vũ Mão, *uỷ ban Đối ngoại* ;

- Bà Trần Thị Tâm Đan, *uỷ ban Giáo dục thanh thiếu niên & nhi đồng* ;

- Ông Bùi Ngọc Thanh, *văn phòng Quốc hội* ;

- Ông Lê Quang Bình, *công tác dân nguyện*.

## Tình hình kinh tế 6 tháng đầu năm : những viễn cảnh không mấy sáng sủa

Theo những thống kê được chính phủ công bố, tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Việt Nam trong sáu tháng đầu năm 2002 đạt 6,7 %, thấp hơn mức dự kiến là 7 % cho cả năm. Song những thông số thu hút sự chú ý là, so với cùng thời kỳ năm vừa qua, sản xuất công nghiệp tăng 13,9 %, kim ngạch xuất khẩu giảm sút 5,9 %, vốn đầu tư nước ngoài tụt đến 55,6 %.

### Công nghiệp

Đánh giá đà tăng trưởng đang chậm lại, chính phủ cho rằng điểm đáng quan tâm nhất là tình trạng sản xuất công nghiệp. Mặc dù còn giữ một tốc độ tăng trưởng khá, công nghiệp Việt Nam biểu hiện những xu thế đáng lo ngại : chi phí sản xuất tăng nhanh hơn giá bán sản phẩm, phần lãi còn lại cho doanh nghiệp thấp hơn những năm trước, hiệu quả kinh doanh giảm dần. Bộ trưởng kế hoạch và đầu tư Trần Xuân Giá nhận xét rằng trong khi tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp không giảm bao nhiêu so với năm 2001 thì mức đóng góp của công nghiệp trong GDP giảm khá nhiều. Đặc biệt công nghiệp của Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) là đầu tàu của nền kinh tế cả nước, trong sáu tháng đầu năm 2002, chỉ

tăng 10,6 %, thấp hơn mức bình quân cả nước và là mức tăng thấp nhất từ mười năm qua. Xu thế sản xuất công nghiệp giảm tốc độ tăng trưởng lại xảy ra trong khi tỉ trọng đầu tư cho công nghiệp ở TPHCM ngày càng tăng : năm 1998, đầu tư cho công nghiệp chiếm 39 % tổng đầu tư của thành phố, năm 2000 tăng lên 44 % và đến giữa 2002 tiếp tục tăng lên 57 %.

Lý giải vấn đề này, ông Trần Du Lịch, viện trưởng Viện kinh tế TPHCM cho rằng điểm yếu cơ bản của công nghiệp thành phố là cơ cấu không thích hợp. Những ngành gia công sơ chế và sản xuất ở công đoạn cuối của sản phẩm chiếm tỉ lệ quá lớn trong cơ cấu công nghiệp thành phố, trong khi những ngành sản xuất ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao chưa hình thành rõ nét : ngành cơ khí chỉ chiếm 2,5 % giá trị sản phẩm công nghiệp, ngành điện tử 4 % mà thôi. Cho nên, theo ông Lịch, việc cần làm hiện nay không phải là cố gắng duy trì tốc độ tăng trưởng công nghiệp cao, mà là tìm cách chuyển dịch cơ cấu công nghiệp. Một đặc điểm khác của công nghiệp TPHCM là khu vực quốc doanh chiếm tỉ lệ 46 % sản xuất công nghiệp mà tốc độ tăng trưởng của nó chỉ đạt 9,2 % (so với 16 % năm 2001) do thiếu năng động và khả năng cạnh tranh kém hơn khu vực ngoài quốc doanh (tăng 13 % so với 22,5 % năm 2001) và khu vực đầu tư nước ngoài (tăng 14,2 % so với 13,4 % năm 2001).

Điều này nói lên rằng chính sách cải tổ hệ thống doanh nghiệp nhà nước tiến hành đến nay còn quá chậm chạp do những cản trở gấp phải từ chính hệ thống đó. Diễn hình là chương trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trong nhiều năm liền không năm nào đạt kế hoạch. Trong những điều kiện đó, những hy vọng hiện nay của chính phủ đặt vào xu hướng phát triển của doanh nghiệp tư nhân : trong sáu tháng đầu năm, số doanh nghiệp mới thành lập ở Việt Nam là khoảng 11 000 đơn vị (tăng 17 % so với năm 2001) với vốn đăng ký tương đương 1,1 tỉ USD (trong khi vốn đăng ký của doanh nghiệp có vốn nước ngoài chỉ là 0,5 tỉ USD). Hầu đối phó với những ‘giấy phép con’ của các bộ ngành vẫn gây cản trở cho luật doanh nghiệp, ông Trần Xuân Giá cho biết chính phủ sẽ công bố một danh sách các giấy phép còn hiệu lực, và giấy phép nào không nằm trong danh sách này đương nhiên sẽ còn giá trị.

### Xuất khẩu

Chiến lược xuất khẩu của bộ thương mại Việt Nam cho giai đoạn 2001-2010 đưa ra mức tăng trưởng xuất khẩu 14 % hàng năm, đạt 50 tỉ USD vào năm 2010 (xuất khẩu dịch vụ cũng hy vọng tăng từ mức hiện tại 2,5 tỉ USD lên 8-9 tỉ vào năm 2010). Cho đến tháng 6 vừa qua, kim ngạch xuất khẩu mới chỉ đạt 7,25 tỉ USD, so với cùng thời kỳ năm ngoái là giảm sút 460 triệu USD. Mật hàng giảm nhiều nhất là dầu thô : 16,7 %, tương đương 297 triệu USD và chủ yếu do giá bán hạ thấp. Trong những mặt hàng mà kim ngạch xuất khẩu sút giảm còn có : gạo (1,3 %), thuỷ sản (2,4 %), rau quả (38 %), cà phê (45,4 %), hàng điện tử và linh kiện máy tính (29,4 %). Trong sáu tháng cuối năm, những số liệu ước tính của bộ thương mại cho thấy mức sút giảm kim ngạch xuất khẩu có thể được thu hẹp dần. Nhưng dấu sao thì điểm yếu cơ bản của ngoại thương Việt Nam vẫn là cơ cấu xuất khẩu không tạo lợi thế để tăng

sức cạnh tranh cho nên, theo chính phủ, cần có bước chuyển mạnh từ các mặt hàng nguyên liệu thô sang các sản phẩm chế tạo, chế biến.

Mặt khác, trên 30 tỉ USD tổng sản phẩm trong nước, xuất khẩu lên đến 16 tỉ USD, tức hơn 50 %, một tỉ trọng khá cao. Như bộ trưởng Vũ Khoan nhận xét, nếu cứ mãi nghĩ đến xuất khẩu mà không chú ý đến thị trường trong nước thì nền kinh tế sẽ khó khăn mỗi khi thị trường thế giới bấp ba bấp bênh. Trong hoàn cảnh hiện nay, chính phủ phải trông chờ vào thị trường nội địa, xem như là ‘cứu tinh’. Rút kinh nghiệm, ông Khoan cho rằng Việt Nam cần tìm ra chỗ cân bằng giữa thị trường trong nước và thị trường nước ngoài, không nên tập trung quá cao vào một thị trường nào để có thể linh hoạt và giữ chủ động.

### Đầu tư nước ngoài

Mục tiêu của Việt Nam là thu hút trên 2 tỉ USD đầu tư trực tiếp nước ngoài mỗi năm. Năm 2001, chỉ tiêu này đạt được nhờ việc cấp phép cho một số dự án lớn như các dự án điện Phú Mỹ, dệt sợi Formosa hay điện thoại di động CDMA. Cho đến tháng sáu vừa qua, Việt Nam chỉ mới thu hút có 473 triệu USD. Số lượng dự án đăng ký tương đối nhiều (263 dự án) nhưng hầu hết thuộc qui mô nhỏ (vốn bình quân là 1,8 triệu USD) và đến từ Hàn Quốc và Đài Loan (vốn đầu tư đến từ Nhật giảm 54 %, từ Mỹ giảm 76 %). Tuy nhiên, không loại trừ chỉ tiêu 2 triệu USD có thể đạt đến trong sáu tháng cuối năm, nếu căn cứ trên một số dự án còn đang khảo sát như các dự án tổ hợp điện - dệt sợi Formosa giai đoạn 2 (1 tỉ USD), thép cán mỏng China Steel (500 triệu USD), xi măng của Thụy Sĩ (500 triệu USD), xây dựng nhà của Đài Loan (200 triệu USD)... Tuy nhiên, ngay từ bây giờ Việt Nam đã phải tính tới sự gia tăng cạnh tranh thu hút vốn nước ngoài của Trung Quốc sau khi nước hàng xóm khổng lồ này gia nhập Tổ chức thương mại quốc tế (WTO). Những viễn tượng có thể còn xấu hơn nữa ở chân trời 2006 với khu vực mậu dịch tự do Đông Nam á (AFTA) nếu như nền kinh tế Việt Nam không kịp thay đổi để nâng cao khả năng cạnh tranh : các nhà đầu tư sẽ chọn địa điểm thuận lợi hơn để sản xuất cho cả khu vực. Cựu bộ trưởng Trần Xuân Giá nhấn mạnh rằng cải cách hành chính ở Việt Nam tiến hành quá chậm và đang làm lỡ cơ hội của nhiều nhà đầu tư : ‘*Đây là chỗ Việt Nam thua nhiều nước*’.

Trong phiên họp tháng 6 của chính phủ, thủ tướng Phan Văn Khải có nhìn nhận rằng : “*Cả nước đạt mức tăng trưởng như hiện nay là nhờ hàng loạt các chính sách bảo hộ, đặc biệt là đánh thuế nhập khẩu cao vào các mặt hàng trong nước có sản xuất, các chính sách bù lỗ suất, cho vay ưu đãi. Bên cạnh đó, doanh nghiệp nhà nước chưa tính giá trị đất trong tài sản, nếu tính đủ thì giá thành sản phẩm còn cao hơn nhiều. Nhưng thực tế là với những chính sách như vậy thì khả năng cạnh tranh của nền kinh tế vẫn còn thấp so với khu vực*”. Trong phiên họp cuối cùng tháng 7, ông Khải nói lên “*bản khoán lớn*” của ông về hai điều mà chính phủ đã không làm được trong nhiệm kỳ 1997-2002 là “*nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế; và cải cách thủ tục hành chính, xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh*”. Đầu tháng 8 vừa qua ông Khải đã đắc cử trở lại ở chức vụ thủ tướng với

một chương trình hành động 2002-2007 ghi lại hai điều nói trên lên như chủ đề của hai trong ba “*nhiệm vụ lớn*” mà chính phủ phải tập trung chỉ đạo thực hiện.

[Thời báo Kinh tế Sài Gòn 4 và 25.7, 1 và 15.8 ; Tuổi Trẻ 6, 24.7 và 9.8 ; Sài Gòn Doanh nhân 16.7.02]

### Thu hút FDI - Việt Nam sẽ phải cạnh tranh khốc liệt

Theo bà Wanda Tseng - phó giám đốc IMF khu vực châu Á - Thái Bình Dương, “*Việt Nam khó có thể đạt 12-15 tỷ USD vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) vào năm 2005 nếu môi trường đầu tư không được cải thiện bởi nước Trung Quốc láng giềng đang có những chính sách để thu hút một lượng vốn rất lớn*”.

Việt Nam chọn 2002 là “*Năm đầu tư nước ngoài*”, thế nhưng kết quả 7 tháng đầu năm chưa có gì khả quan. Số vốn FDI chỉ đạt 594,5 triệu USD, giảm gần một nửa so với cùng kỳ năm ngoái. Điểm đáng chú ý là phân bố đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực mất cân đối nghiêm trọng. Lượng vốn tập trung chủ yếu vào các ngành dầu khí, dệt may, thực phẩm và đồ uống (chiếm 55 %), trong khi nông lâm ngư nghiệp - những ngành chính phủ kêu gọi đầu tư lớn chỉ đạt 3,6 %. Và cũng chỉ có rất ít lao động Việt Nam (0,3 %) được tuyển dụng vào làm việc trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Theo tiến sĩ Lê Đăng Doanh - cố vấn của bộ trưởng Kế hoạch & Đầu tư, tình trạng suy giảm vốn đầu tư nước ngoài xuất phát từ những vấn đề còn tồn tại ở Việt Nam chứ không phải do ảnh hưởng từ các yếu tố bên ngoài. Hạn chế lớn nhất là chi phí hạ tầng ở Việt Nam cao hơn nhiều so với Trung Quốc và các nước trong khu vực. Đơn cử, cước điện thoại quốc tế gọi từ TP HCM đi Nhật Bản là 8,52 USD/3 phút đầu, gọi từ Thượng Hải chỉ 4,3 USD, phí vận chuyển ở Việt Nam cũng cao gần gấp đôi... Trong khi đó, thuế thu nhập cá nhân và thuế doanh nghiệp ở Việt Nam được xếp vào loại cao nhất khu vực, chiếm tới 50 % lợi nhuận của các công ty.

Một rào cản khác là hệ thống luật pháp Việt Nam thay đổi liên tục và không thống nhất. Nhiều nhà đầu tư phàn nàn rằng, Chính phủ ban hành quy định mới nhưng các cấp địa phương lại không thực hiện đúng chủ trương. Bên cạnh đó, các thủ tục hành chính rất phức tạp. Để được thông quan tại các cảng biển, doanh nghiệp phải hoàn thành 127 loại giấy tờ, trong khi ở các nước ASEAN khác, họ chỉ cần 7 loại.

(theo Phong Lan, VnExpress 16.8.2002)

### Công nhận phán quyết của trọng tài nước ngoài

TAND TP HCM vừa xử cho thi hành phán quyết của trọng tài bang Queensland, Australia. Phán quyết có giá trị lớn nhất từ trước đến nay: 2,2 triệu USD, buộc một công ty của Việt Nam phải trả cho một công ty của Singapore.

Công ty TNHH Leighton Contractors (Việt Nam) và Tyco Services (Singapore) ký một hợp đồng trong dự án xây dựng khách sạn tại Đà Nẵng, hồi tháng 10/1995, trong đó quy định nếu có tranh chấp, trọng tài bang Queensland sẽ là nơi giải quyết. Tranh chấp xảy ra, cơ quan trọng tài này đã xử thắng

kiện cho Tyco Services với khoản tiền mà phía công ty Việt Nam phải trả là 2,2 triệu USD.

Phán quyết trọng tài ra từ tháng 4/2000, nhưng Leighton Contractors không thi hành. Phía Singapore đã nộp đơn xin công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định giải quyết tranh chấp này.

(VnExpress 23.6.2002)

### **Phá một mạng lưới lưu hành tiền giả**

Cuối tháng 6, công an tỉnh Quảng Nam và Lạng Sơn đã phối hợp, tấn công một đường dây lưu hành hơn 1 tỷ đồng tiền giả ở khắp 14 tỉnh, thành trong cả nước. Mạng lưới này có sự tham gia, cung cấp bạc giả của một số người Trung Quốc. 11 người đã bị khởi tố, bắt giam.

"Ông trùm" của đường dây là Nguyễn Thế Lượng, trú tại phường Tam Đa, thị xã Lạng Sơn. Lượng khai lấy "hàng" chủ yếu từ một phụ nữ Trung Quốc, tên Hoàng Tú Liên. Tính đến nay, Liên đã chuyển cho vợ chồng Lượng hơn 1 tỷ đồng bạc giả, với giá 170.000 nhân dân tệ.

Đường dây này bị phát hiện từ đầu tháng 5, khi công an huyện Núi Thành, Quảng Nam, bắt quả tang Nguyễn Thị Lệ Thuỷ (trú tại xã Bảo Sơn, Bảo Lộc, Lâm Đồng) và Trần Văn Minh (xã Lộc Phát, Bảo Lộc), vận chuyển 36 triệu đồng tiền giả, loại mệnh giá 100.000 đồng và hơn 600 USD.

Từ lời khai của Thuỷ và Minh, công an Quảng Nam đã phối hợp với các lực lượng chức năng Lạng Sơn, bắt một số đối tượng trong đường dây. Ngoài ra, công an TP HCM cũng đã bắt tạm giam một mảnh xích khác trong đường dây này là Nguyễn Thị Hiếu Long. Long đã được giao cho công an Quảng Nam thụ lý điều tra.

(theo VnExpress 20 và 25.6.2002)

### **Chỉ thị của thủ tướng không có hiệu lực**

Theo ông Trần Quốc Toản, phó chủ nhiệm văn phòng chính phủ, trong 6 tháng đầu năm 2002, thủ tướng và bốn phó thủ tướng đã chủ trì trên 100 cuộc họp với các bộ ngành, địa phương để xử lý hơn 160 vấn đề kinh tế xã hội bức xúc. Tuy nhiên nhiều chỉ đạo của chính phủ không được thi hành triệt để. Ông nêu ví dụ, 71 văn bản hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh, được thủ tướng nhắc nhở nhiều lần, nhưng vẫn chưa được ban hành. Đó là những văn bản liên quan đến đổi mới DNNSN, quản lý nhãn mác hàng hóa, hay liên quan đến chủ trương phát triển ngành ôtô, xe máy... Trong khi đó một số văn bản hướng dẫn của bộ, ngành lại chưa đồng bộ với văn bản của chính phủ...

### **Diện tích rừng U Minh Thượng bị cháy trong năm 2002**

Ngày 13-6, Viện Điều tra quy hoạch rừng đã chính thức công bố số liệu thống kê diện tích rừng và diện tích đất than bùn đã bị cháy trong tháng 3 và tháng 4-2002 vừa qua. Theo đó, vùng lõi có 3.212 ha rừng bị cháy trên tổng diện tích là 8.038 ha, chiếm 39,96%; vùng rừng tràm U Minh Thượng có 2.703 ha bị cháy trên tổng diện tích là 4.216 ha. Vườn quốc gia U Minh Thượng trước khi cháy có 2.901 ha đất than bùn;

sau khi cháy còn lại 601 ha, tức là có 2.300 ha bị cháy. Trong số diện tích than bùn đã cháy có khoảng 194 ha bị cháy mất hoàn toàn, chiếm 6,6% so với tổng diện tích đất than bùn của toàn khu Vườn quốc gia U Minh Thượng.

### **Quá ít cơ hội cho người nhập cư vào TP HCM**

Theo Sở LĐTB&XH, hiện thành phố có 1,2 triệu người nhập cư. Trong đó 90,17% có nguyện vọng được trở thành công dân chính thức của thành phố. Nhưng giấc mơ ấy rất khó thành hiện thực bởi những quy định ngặt nghèo của ngành công an trong việc nhập hộ khẩu.

Con số thống kê cho thấy, cứ trung bình cứ 5 người dân thì có 1 người không hộ khẩu. Theo chỉ thị 27 ngày 26/8/1999 của UBND TP HCM, với những trường hợp đặc biệt, trong đó có người nhập cư, muốn được xét nhập hộ khẩu vào thành phố phải hội đủ 3 điều kiện: cư trú tại thành phố 5 năm trở lên (có xác nhận của công an phường nơi tạm trú), có việc làm ổn định lâu dài trong doanh nghiệp (có xác nhận của doanh nghiệp) và có nhà ở hợp pháp. Hai điều kiện sau được xem là rào cản lớn đối với người nhập cư.

Định nghĩa về công việc ổn định lâu dài hoàn toàn không hợp với những người làm việc tự do như mở tiệm tạp hóa, cửa hàng kinh doanh ở các chợ, shop... Khái niệm nhà ở hợp pháp còn căng hơn. Theo giải thích của công an, nhà ở hợp pháp phải có giấy tờ hợp lệ về quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất, trong khi đó, theo thống kê có đến 50% (khoảng 400.000 căn nhà) trong thành phố này hiện chưa hội đủ các giấy tờ đó.

Trong số 1,2 triệu người nhập cư đến TP HCM thuộc diện được cấp sổ tạm trú dài hạn, thì: - các tỉnh phía bắc (từ Quảng Bình trở ra) chiếm: 22,8% - các tỉnh miền Trung: 21,4%. - các tỉnh Đông Nam Bộ: 19,7%. - các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long: 36,1%. Nơi có đông người nhập cư nhất là quận Tân Bình, Bình Thạnh, Bình Chánh, Gò Vấp.

(theo Thanh Niên 8.7.2002)

### **Cảnh sát Nga đột kích Trung tâm thương mại của người Việt**

Khoảng 11h ngày 9/8 (giờ Matxcova), hàng chục cảnh sát thuộc lực lượng đặc nhiệm OMON của Matxcova với 3 xe tải lớn đã đến bao vây Saliut 3 (còn gọi là Trung tâm thương mại Bến Thành) - tòa nhà 4 tầng chữ U, nằm trên đường Ogorodny Proezd, phía đông bắc thủ đô nước Nga. Gần 2.000 người Việt cư trú tại đây và khách đến mua hàng bị lùa hết xuống đường. Cảnh sát, đa số bịt mặt, lục soát đồ đạc, tư trang của họ, niêm phong một lượng lớn hàng, chủ yếu là quần áo, giày dép, tống lên xe tải. Cuộc lục soát diễn ra trong nhiều giờ đồng hồ.

Cảnh sát nói họ thực hiện lệnh bắt hàng nhái nhãn hiệu Adidas. Còn phản ánh của bà con khẳng định nhân viên an ninh đã lạm quyền, thu luôn quần áo bò, và đặc biệt là hàng da - thứ giá trị nhất trong Saliut 3. Chưa kể khi lục soát,天堂在人间bát trong các gian hàng, phòng ở cũng "không cánh mà bay"...

Từ chiều cho đến hết đêm 9/8, cộng đồng người Việt tìm mọi cách ngăn cản. Để chặn xe tải của cảnh sát chuyển hàng đi, hàng chục người đã nằm chắn ngang giữa đường. Một số

người xì hơi hoặc đâm thủng lốp xe cảnh sát. Ôtô riêng của họ cũng được huy động, chặn hết các lối ra vào Saliut 3. Cảnh sát Matxcova buộc phải tăng cường lực lượng để phá vòng vây người Việt. Sáng ngày 10/8, sứ quán VN cũng cử người xuống để giải quyết (ông Nguyễn Xuân Lưu, đại biện lâm thời, và nhiều cán bộ khác).

Mặt khác, nhiều bà con ở Saliut 3 đã gọi điện về cho gia đình ở Hà Nội và vùng lân cận, đề nghị người thân tập hợp phản đối, yêu cầu cơ quan ngoại giao can thiệp. 3h chiều ngày 10/8, gần 100 người đã tụ tập trước cổng ĐSQ Nga, đường Đề La Thành, Hà Nội. Không ôn ào, la ó, các thân nhân cùng ký giấy đề nghị cho gặp đại diện ĐSQ. Lần đầu tiên sau hơn 50 năm hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao, trước cổng ĐSQ Nga xảy ra một việc như vậy.

8h40 sáng hôm sau (chủ nhật 11.8), ông Vũ Lê Hà, trưởng phòng Lãnh sự ngoài nước, đã gặp những người đang tụ họp trước cổng ĐSQ Nga. Ông thông báo: “Đại diện Việt Nam tại Matxcova đã tới can thiệp, không cho cảnh sát đặc nhiệm chở hàng ra khỏi Saliut 3.”.

Chiều ngày 12, phát ngôn viên bộ Ngoại giao, bà Phan Thúy Thanh, cho biết bộ và ĐSQ VN tại Nga đang yêu cầu các cơ quan hữu quan nước này “tích cực hợp tác, có biện pháp khẩn trương và hiệu quả” để bảo vệ quyền lợi chính đáng của thương nhân người Việt tại Trung tâm thương mại Saliut 3.

Chiều ngày 14.8, sau mấy ngày đấu tranh căng thẳng giữa hai bên, 2 container lớn trên xe cảnh sát Nga với đầy hàng bị thu giữ ở Saliut 3, đã được bóc niêm phong kiểm tra. Kết quả, chỉ 2 % số hàng đó là quần áo, giày dép dùng nhãn Adidas. Đại diện ĐSQ Việt Nam, cơ quan công tố địa phương và cảnh sát kinh tế (lực lượng tiến hành đột kích) chứng kiến việc tái kiểm.

Phía Nga công nhận quần áo da, đồ bò không nằm trong diện bị tình nghi, và phải được trả lại cho chủ nhân - thương gia người Việt. Các xe tải lớn (xe tir), sau khi được kiểm tra, đã ra khỏi cổng Trung tâm thương mại Saliut 3 dưới ống kính truyền hình Nga.

Ngày 18.8, tình hình ở Trung tâm Thương mại (TTTM) Saliut 3 đã trở lại bình thường. Sau một tuần đóng cửa mọi người lại được ra vào khu TTTM mua bán. (theo VNEExpress 11-15.8, Lao Động 19.8.2002)

## **Đại kiện tướng quốc tế thứ tư của Việt Nam**

Kỳ thủ cờ vua Cao Sang của Việt Nam vừa dự giải vô địch cờ vua Hungary 2002 và đã đoạt huy chương đồng. Với tấm huy chương đồng giải vô địch cờ vua một quốc gia châu Âu, Cao Sang đã hoàn thành nốt chuẩn cuối cùng để được công nhận là đại kiện tướng quốc tế nam. Hạng số E-lô của anh hiện nay là 2531.

Sinh năm 1973, ở huyện miền núi Con Cuông thuộc tỉnh Nghệ An, Cao Sang bắt đầu chơi cờ vua từ năm 11 tuổi và được phong kiện tướng quốc gia 1990 và sau đó trở thành kiện tướng quốc tế. Anh là đại kiện tướng quốc tế nam thứ tư của làng cờ vua Việt Nam sau Đào Thiên Hải, Nguyễn Anh Dũng và Từ Hoàng Thông. (theo Văn Thanh, NDĐT 23.7.2002)

## **Đoàn Giáo hội Phật giáo Việt Nam sang Pháp**

Một đoàn cán bộ công tác tôn giáo chính phủ và đoàn Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) đã thăm Pháp từ ngày 10 đến ngày 15.7. Đoàn cán bộ gồm các ông Lê Quang Vinh, trưởng ban Tôn giáo của chính phủ; Ngô Yên Thị, phó Trưởng ban và một số cán bộ ban Tôn giáo, bộ Ngoại giao và Văn phòng chính phủ. Đoàn chức sắc GHPGVN gồm các hòa Thượng Thích Thanh Tứ, Thích Hiển Pháp, Thích Chơn Thiện ... thuộc hội đồng trị sự trung ương GHPGVN.

Mục tiêu chính của chuyến đi là tìm các giải quyết những rắc rối đã xảy ra ở thiền viện Trúc Lâm do những cuộc tranh giành quyền lực giữa một số phe phái trong hội Phật tử VN tại Pháp từ khi thượng tọa Thích Thiện Châu viên tịch cách đây hai năm. Những cuộc tranh giành này, trong đó một số người chủ xuống không ngần ngại sử dụng những biện pháp không mấy từ bi hỉ xả để hạ thủ đối phương, đã làm cho uy tín của chùa Trúc Lâm giảm đi nghiêm trọng, nhiều bà con phật tử lánh xa thiền viện.

## **Tàng thư nghìn năm tuổi đang mất dần**

Kho tri thức khổng lồ của người Chăm tại Ninh Thuận đang bị mối mọt xông, bị nước mưa làm mục nát, không còn khả năng cứu vãn. Trung tâm nghiên cứu văn hóa Chăm đã chụp 4.000 tấm phim (tương đương với 150 cuốn thư tịch) với hy vọng lưu giữ phần nào, nhưng đành bất lực bởi không có tiền rửa ảnh.

Nhận xét về giá trị của những cuốn thư tịch cổ, ông Trương Hiến Mai, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu văn hóa Chăm Ninh Thuận, nói: “Có lẽ trên thế giới này không ở quốc gia nào, dân tộc nào như người Chăm còn lưu giữ nhiều tàng thư cổ được khắc ghi trên cỏ cây thô sơ lại phong phú đến bất ngờ như vậy”. Đó là khối tri thức khổng lồ về phương pháp tính lịch, y học, kỹ thuật, nghệ thuật, lịch sử, tín ngưỡng dân gian, tiểu sử hệ thống thần linh, nội dung và ý nghĩa các lễ hội cổ xưa, thánh ca, những bài ca tẩy sạch tâm hồn, trường ca, gia huấn ca, ca dao, tục ngữ, thơ ca, truyện cổ, âm nhạc...

Ông Sử Văn Ngọc, Trung tâm Nghiên cứu văn hóa Chăm, cho biết thêm dường như vào làng Chăm nào trong số 23 làng Chăm ở Ninh Thuận đều đựng tàng thư cổ. Không ít người, như ông Hải Thanh ở làng Phước Lập, xã Phước Nam, huyện Ninh Phước, lưu giữ cả 3 hòm thư tịch (tất cả đều bằng chữ cổ Sanskrit), với ít nhất 45 cuốn (xếp trong sấp và lấy hai miếng gỗ kẹp lại).

Thời Pháp, Mỹ, dân làng có thể bỏ nhiều của cải để chạy giặc, nhưng với những tàng thư cổ thì luôn mang theo. Bởi họ coi những di vật được truyền từ đời này sang khác đó là ân huệ của thánh hiền nên rất trân trọng. Thế nhưng dù cố gắng giữ gìn như thế nào, tàng thư vẫn rơi rụng theo thời gian. Nhà nghiên cứu Sử Văn Ngọc kể: “Tôi từng đau xót khi nhìn thấy một hòm thư tịch cổ, khi mở ra là cả một ổ chuột. Tàng thư trở thành chỗ ở của chuột, mối của mối và sự đe dọa của nước mưa (vì chúng thường được treo trên vách nhà, mà nhà tranh thường hay dột)”.

Có đến 78-80 % tàng thư cổ đã được bà con người Chăm thả xuống các dòng sông Quao, Dinh, Cái, Lu khi họ không còn năng lực để giữ gìn. Để bảo tồn những di vật quý giá này, Trung tâm nghiên cứu văn hóa Chăm đã chụp hơn 4.000 tấm phim ghi lại nội dung của 150 cuốn thư tịch cổ, nhưng hiện vẫn chưa có tiền để rửa ảnh để đem dịch thuật, chuyển ngữ và in thành sách. Đống phim ảnh kia hiện đứng trước nguy cơ ẩm mốc. (Theo Tuổi Trẻ)

## Một công dân Mỹ bị phạt 8 năm tù

Ngày 23.8, TAND TP HCM đã xét xử vụ án “trộm sóng viễn thông quốc tế” tại văn phòng đại diện Công ty Oscar. Chen Jen Chong, quốc tịch Mỹ, đã bị phạt 8 năm tù. Chong cùng với Lưu Hồ Hải (người Việt, bị phạt 5 năm tù) phải liên đới bồi thường cho Công ty Viễn thông quốc tế 3,5 tỷ đồng.

Theo kết quả giám định của cơ quan chức năng, từ ngày hoạt động (18/12/2000) đến khi bị phát hiện, hệ thống này đã chuyển hơn 438.000 phút các cuộc gọi từ nước ngoài về Việt Nam. Tiền cước từ các cuộc gọi này, bộ phận hải ngoại của Chong và Hải thu của khách hàng, không nằm trong hợp đồng ăn chia giữa Công ty Viễn thông quốc tế (đơn vị độc quyền kinh doanh viễn thông quốc tế ở Việt Nam) với các hãng bưu điện nước ngoài. Do đó, phía Việt Nam bị thất thu 3,5 tỷ đồng.

## Khởi tố nguyên chủ tịch tỉnh Cà Mau

Theo Sài Gòn Giải Phóng 14.8, thượng tá Nguyễn Thế Bình, phó thủ trưởng cơ quan Cảnh sát điều tra bộ Công an, đã ký quyết định khởi tố ông Lê Công Nghiệp về tội lợi dụng quyền hạn để trục lợi. Ông Nghiệp là người đầu tiên bị xem xét trách nhiệm ở giai đoạn 2 điều tra các vụ tham nhũng lớn ở Cà Mau.

Cơ quan điều tra sẽ làm rõ trách nhiệm của ông Nghiệp trong 4 việc chính, trong đó có việc ông nhận 36 triệu đồng của bà Nguyễn Thị Bé Tư, giám đốc Công ty Thương mại dịch vụ Cà Mau, để mua nhà riêng; việc ông ký công văn gửi thủ tướng và bộ Tài chính xin miễn thuế thu với hai lô hàng nhập ủy thác 10.000 tấn phân urê và 10.289 tấn thép xây dựng, tiếng là theo chỉ đạo của UBND tỉnh để bán phục vụ dân khắc phục hậu quả lũ lụt nhưng thực tế, số hàng này đã được bán ngay tại TP HCM, gây thiệt hại cho ngân sách 1,6 tỷ đồng.

## Tin Ngắn

\* Vũ Ngọc Nhạ, nhà tình báo của quân đội nhân dân VN, đã tử trận ngày 7.8.2002 tại TP HCM, thọ 74 tuổi. Vũ Ngọc Nhạ đã từng làm tối chí cố vấn của các triều tổng thống Ngô Đình Diệm và Nguyễn Văn Thiệu và từ vị trí đó, đã chuyển ra bưng nhiều tài liệu chiến lược của Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Nhóm tình báo của ông bị CIA khám phá năm 1969, ông bị bắt giam nhưng không bị kết án tử hình. Năm 1973, ông được trao trả tại Lộc Ninh và sau đó được phong hàm thiếu tướng.

\* Nhà cầm quyền VN vẫn tiếp tục truyền thống **đốt sách** của Tân Thuỷ Hoàng, Hitler, Mao Trạch Đông. Mới đây, ngày 9-7, sở Văn hóa - Thông tin Hà Nội đã tổ chức tiêu hủy những văn hóa phẩm họ coi là ‘độc hại’ với tang vật tiêu hủy gồm

810 chiếc băng hình, 40 775 đĩa CD, VCD, CD-R, 2 833 cuốn sách, 6 kg ấn phẩm, 8 000 vỏ hộp, 3 000 tờ hóa đơn, 570 biểu ngữ. Từ đầu năm đến nay, thanh tra sở đã tổ chức kiểm tra 1 620 lượt cơ sở kinh doanh; lập 312 biên bản, xử phạt vi phạm hành chính 276 vụ, phạt 422.700.000 đồng, và thu giữ một số lượng lớn văn hóa phẩm bị coi là “vi phạm”.

\* Bộ GD&ĐT đã thẩm định và trình Chính phủ phê duyệt đề án thành lập **ĐH Kinh tế thuộc ĐH Huế** trên cơ sở mở rộng Khoa Kinh tế hiện nay. Hiện quy mô tuyển mới của Khoa Kinh tế ĐH Huế hàng năm khoảng 400 người theo hệ chính quy và 600 học tại chức.

Tính cả ĐH Kinh tế, ĐH Huế sẽ có sáu trường thành viên.

\* Tại Liên hoan phim (LHP) quốc tế Melbourne lần thứ 51, diễn ra từ ngày 23-7 đến 11-8 với sự tham dự của khoảng 350 phim đến từ 40 nước, phim truyện **Thung lũng hoang vắng** của đạo diễn Nhuệ Giang đã được trao giải FIPRESCI dành cho những gương mặt đạo diễn mới của châu Á với lời nhận xét: “*Bộ phim này được lựa chọn vì sự miêu tả tha thiết, nên thơ và khơi gợi về một cộng đồng biệt lập đang trên đường hòa nhập với xã hội hiện đại*”. Đây cũng là giải FIPRESCI đầu tiên qua 51 kỳ liên hoan.

\* **Thế giới không đàn bà**, cuốn tiểu thuyết đầu tiên của VN nói về những người đồng tính luyến ái, đã được giải nhất (1000 đôla) một cuộc thi viết về đề tài “*vì an ninh của đất nước và vì cuộc sống yên lành*”, do bộ Công an và hội nhà văn VN tổ chức. Tác giả Bùi Anh Tuấn, 37 tuổi, nguyên là phóng viên của báo Công an TP HCM. Anh đã tìm hiểu thế giới đồng tính qua hoạt động báo chí của mình. Khi được tin được giải, anh tỏ ý hy vọng rằng cuốn sách sẽ góp phần làm thay đổi cách nhìn của xã hội VN về những người đồng tính, “*những con người như mọi chúng ta, không khác gì*”

\* Trả lời các nhà báo nước ngoài ngày 15.8, bà Phan Thúy Thanh, người phát ngôn bộ ngoại giao VN cho biết VN vẫn không có tin tức gì về vụ **3 người Trung Quốc tự dung mất tích** ở VN cuối tháng 6 vừa qua. Đây là 3 nhân vật chống đối chính quyền TQ, 2 mang quốc tịch Mỹ và 1 quốc tịch Pháp. Cả ba đã vào TP HCM với visa du lịch, và lần cuối cùng được thấy ở tỉnh Quảng Ninh ngày 26.6. Theo bà Thanh, sau ngày đó công an VN không thấy 3 ông ghi tên ở một khách sạn nào khác ở VN. Các tổ chức hoạt động chống chính phủ Bắc Kinh đã lên tiếng buộc tội TQ đã bắt cóc 3 ông.

\* Theo Tuổi Trẻ 4.7, chỉ tính 6 tháng đầu năm 2002, số đơn thư khiếu nại ở thành phố HCM đã tăng so với cùng kỳ năm trước hơn 20 %, trong đó **82 % là khiếu nại về nhà đất**. Theo ông Lê Minh Nhựt, phó chủ tịch HDND thành phố, “cái căn bản là giá đất. Không có cơ chế, chính sách giá sát thực tế thì khiếu kiện đất đai sẽ còn dài dài”.

\* Từ đầu năm đến nay, lực lượng công an phát hiện 106 vụ **vi phạm Luật thuế giá trị gia tăng** (GTGT) với doanh số xuất khẩu khống hơn 2.000 tỷ đồng và tổng số tiền Nhà nước bị chiếm đoạt lên tới 300 tỷ đồng. Hiện nay, cơ quan chức năng đã tiến hành khởi tố 29 vụ, xử lý hành chính 31 vụ (với 40 đối tượng bị bắt giữ) và đang điều tra làm rõ 46 vụ. Một phó giám đốc công ty XNK du lịch Hà Nam, bà Ngô Thị Kim Chung, được coi là “đạo diễn” chính của các vụ lừa đảo này.

## Xuất khẩu xe lửa

Năm 2003, Việt Nam xuất khẩu toa xe lửa sang ASEAN. Theo ông Đặng Ngọc Thành, tổng giám đốc Liên hợp Đường sắt Khu vực 3, hiện nay có ba hợp đồng ghi nhớ về xuất khẩu toa xe đã được ký và chậm nhất là đầu năm 2003 ngành đường sắt sẽ thực hiện xuất khẩu toa xe sang Thái-lan, Myanmar và Cam-pu-chia... Thái-lan và Myanmar đang phải nhập toa xe từ châu Âu, với giá 600.000 USD, trong khi đó Việt Nam hoàn toàn có thể sản xuất được các loại toa xe có chất lượng tương đương với giá khoảng 400.000 USD.

## VN thăm dò dầu khí tại Algérie

Công ty Việt Nam thăm dò, khai thác dầu khí ở Algérie. Ngày 10-7, công ty Đầu tư - Phát triển dầu khí (PIDC) thuộc tổng công ty Dầu khí Việt Nam và công ty Dầu khí quốc gia Algérie (Sonatrach) đã ký một hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí có tổng trị giá 21 triệu USD, hoàn toàn do PIDC đầu tư. Theo hợp đồng, PIDC sẽ được phép tiến hành thăm dò và khai thác dầu khí ở lô 433A-416B, có diện tích 6.472km<sup>2</sup>, nằm ở khu vực Touggourt (cách thủ đô Alger khoảng 700km về phía tây nam). Dự kiến giai đoạn thăm dò dầu tiên kéo dài ba năm. Khi khai thác được dầu, tỷ lệ chia sẽ là 75% cho phía Việt Nam và 25% cho phía Algérie.

## Thêm một huấn luyện viên phải ra đi

Liên đoàn bóng đá VN vừa qua đã quyết định chấm dứt trước thời hạn bản hợp đồng hai năm của huấn luyện viên người Pháp Christian Letard, người được mời sang phụ trách đội tuyển U23 (dưới 23 tuổi) của VN. Tuy mục tiêu của hợp đồng này là nhằm đưa đội tuyển VN đến thành công ở SEA Games 2003, LĐBĐVN đã trách cứ ông để đội tuyển thua giải LG Cup, được tổ chức ở TP HCM hồi đầu hè. Ông Letard là huấn luyện viên ngoại quốc thứ 6 đã bị LĐBĐVN sa thải từ 7 năm qua. Hiện nay, đội tuyển quốc gia vẫn do HLV Calisto, người Bồ Đào Nha, phụ trách.

## Tuyên án vụ tham nhũng tại Đồng Tháp

Sau một tháng xét xử, TAND tỉnh Đồng Tháp đã tuyên án cho 37 bị cáo trong vụ buôn lậu, tham ô... xảy ra tại công ty thương mại và dịch vụ Đồng Tháp (xem DĐ số 120). Giám đốc Mai Văn Huy lĩnh án chung thân về các tội tham ô, buôn lậu, cố ý làm trái, đưa hối lộ và phải hoàn trả hơn 6,6 tỷ đồng. Các bị can khác chịu án từ 1 năm đến 20 năm tù giam, trong đó phó giám đốc công ty Trần Ngọc Thạnh bị 20 năm tù, trưởng hải quan Thường Phước Đào Văn Tom nhận án 18 năm tù... Hai nguyên chủ tịch tỉnh Đồng Tháp là Lê Minh Châu, Ngô Phú Thọ vẫn không bị truy tố.

\* Công ty Máy nông nghiệp miền Nam (Vikyno) thuộc bộ Công nghiệp đã sản xuất thành công máy gặt lúa xếp dây theo công nghệ Nhật Bản. Máy có công suất từ 2,8 đến 3,8 CV chạy bằng động cơ xăng, gặt được lúa trên nền khô hoặc ngập nước với chiều cao gặt từ 0,1 đến 0,4 m, bề rộng gặt 1,2 m. Lúa được cắt xong ngả sang phía bên phải xếp thành dãy thuận lợi cho việc thu gom. Máy này có giá bán 10,3 triệu đồng.

## Nội các... (tiếp theo trang 1)

trong các cuộc giành, giữ chiếu ngôi - khi người ta luôn luôn phải nhìn trước ngó sau để tồn tại.

Làm sao kiểm được máu mới trong một cơ thể già nua ? Vấn đề của đảng CSVN khi thành lập chính phủ Phan Văn Khải II là ở câu hỏi ấy. Câu trả lời dĩ nhiên có nhiều mức độ. Tối thiểu là tháo vòng cương toả đang kềm kẹp tiếng nói tự do của người dân, bãi bỏ công an văn hoá - tư tưởng (chí ít, vai trò đàn áp chính trị của nó), thay đổi đạo luật báo chí cho phù hợp với quyền tự do báo chí ghi trong hiến pháp. 'Ôn định chính trị - xã hội', ở một mức nào đó, động chử không phải tĩnh, hoàn toàn có thể giữ được trong một chính sách cởi mở thông minh. Song, điều mọi người đều có thể thấy được khi theo dõi những thảo luận ở QH vừa qua, trên mặt báo chí trong nước, là đó vẫn là những ý tưởng cấm kỵ...

Trong những điều kiện đó, người ta có thể tự hỏi, chính phủ PVK có thể và sẽ làm được những gì để chữa trị những căn bệnh trầm kha của xã hội VN hiện nay ? Nạn tham nhũng vẫn泛滥, cát cứ địa phương cấu kết với "xã hội đen" trên phạm vi cả nước. Nền kinh tế (với 5,2 % tăng trưởng trong năm nay, theo ước tính của Ngân hàng thế giới) vẫn không đủ sức vượt để tránh khỏi tụt hậu so với các nước trong vùng - chỉ tính 6 tháng đầu năm nay, xuất khẩu giảm 6 %, đầu tư nước ngoài giảm 55 % so với cùng thời kỳ năm ngoái. Nền giáo dục cũ kỹ chẳng thể gánh nổi nhiệm vụ đào tạo lực lượng cho một nền kinh tế "kỹ thuật cao" mà chính uy quyền mong ước....

Bài phát biểu khi nhậm chức của ông Khải là một bảng kê khai những vấn đề cần giải quyết, đụng tối hậu như toàn bộ mọi hoạt động kinh tế, xã hội, giáo dục v.v., đủ cả đấy, nhưng không nổi lên một hướng ưu tiên, một quyết sách nào khả dĩ làm đầu tàu lôi kéo cỗ xe nặng nề, ì ạch.

Giáo dục, quốc sách hàng đầu ư ? Người ta sẽ tìm thấy một câu chung chung về giáo dục trong đoạn 2, phần II : "Nâng cao chất lượng, đổi mới cơ cấu và mở rộng quy mô giáo dục - đào tạo ở các cấp học, phát triển nhanh đào tạo nghề; mở rộng các hình thức đào tạo liên thông; gắn kết giáo dục - đào tạo với nghiên cứu khoa học-công nghệ," v.v. và v.v.

Cải cách doanh nghiệp quốc doanh ư ? Cũng có một câu đấy : "đồng thời đẩy mạnh cải cách doanh nghiệp nhà nước, sắp xếp lại, đa dạng hóa sở hữu các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ toàn bộ vốn...", như đã quen thuộc từ mươi năm nay. Nhưng hình như chẳng còn gì cấp bách. Người ta có cảm tưởng ông Khải đã chịu thua trước những lực lượng bảo thủ trong đảng ? -

Những người nắm quyền trong đảng CSVN vẫn hay nói "thà tiền chật mà chắc". Điều đó hẳn không phải là sai về tuyệt đối. Vấn đề là, khi châm ngôn đó được sử dụng ở mọi nơi, mọi chỗ, bất chấp đòi hỏi tự do, dân chủ ngày càng bức xúc của xã hội (kể cả, của không ít những lớp con em của họ đã tiếp xúc với thế giới bên ngoài, đang rất muốn nắm những trách nhiệm mà họ nghĩ rằng họ có khả năng hơn lớp cha anh), liệu cái "chắc" đó có đủ bảo đảm mức tiến mà mọi người mong đợi ?

H.V.

## Thành phần chính phủ

Ngày 8.8, QH đã phê chuẩn danh sách chính phủ do thủ tướng Phan Văn Khải đề nghị.

<i>Thủ tướng :</i>	Phan Văn Khải
<i>Phó thủ tướng :</i>	Nguyễn Tấn Dũng Vũ Khoan (1) Phạm Gia Khiêm Phạm Văn Trà
<i>Quốc phòng :</i>	Lê Hồng Anh (2)
<i>Công an :</i>	Nguyễn Dy Niên
<i>Ngoại giao :</i>	Uông Chu Lưu (3)
<i>Tư pháp :</i>	Nguyễn Sinh Hùng
<i>Tài chính :</i>	Trương Đình Tuyển
<i>Thương mại :</i>	(1)
<i>Lao động, thương binh và xã hội :</i>	Nguyễn Thị Hằng
<i>Giao thông vận tải :</i>	Đào Đinh Bình (3)
<i>Xây dựng :</i>	Nguyễn Hồng Quân
<i>(3)</i>	
<i>Thủy sản :</i>	Tạ Quang Ngọc
<i>Văn hóa - Thông tin :</i>	Phạm Quang Nghị
<i>Giáo dục và Đào tạo :</i>	Nguyễn Minh Hiển
<i>Nông nghiệp và Phát triển nông thôn :</i>	Lê Huy Ngọ
<i>Công nghiệp :</i>	Hoàng Trung Hải (3)
<i>Kế hoạch và Đầu tư :</i>	Võ Hồng Phúc (3)
<i>Y tế :</i>	Trần Thị Trung Chiến
<i>Uỷ ban Thể dục Thể thao :</i>	Nguyễn Danh Thái
<i>(4)</i>	
<i>Tổng Thanh tra nhà nước :</i>	Quách Lê Thanh (3)
<i>Thống đốc Ngân hàng Nhà nước :</i>	Lê Đức Thuý
<i>Văn phòng Chính phủ :</i>	Đoàn Mạnh Giao (4)
<i>Nội vụ (*):</i>	Đỗ Quang Trung
<i>Khoa học và Công nghệ (*):</i>	Hoàng Văn Phong (3)
<i>Uỷ ban Dân tộc (*):</i>	Ksor Phước (3)
<i>Tài nguyên và Môi trường (*):</i>	Mai Ái Trực (3)
<i>Bưu chính - Viễn thông (*):</i>	Đỗ Trung Tá (3)
<i>Uỷ ban dân số - Gia đình - Trẻ em (*) :</i>	Lê Thị Thu (4)

### Hội đồng Quốc phòng - An ninh

*Chủ tịch* hội đồng, theo quy định của hiến pháp, là chủ tịch nước : ông Trần Đức Lương

*Phó chủ tịch :* ông Phan Văn Khải

*Ủy viên :* các ông Nguyễn Văn An, Phạm Văn Trà, Lê Hồng Anh và Nguyễn Dy Niên.

### Chú thích :

(1) Ông Vũ Khoan là bộ trưởng Thương Mại từ giữa khoá trước (thay ông Trương Đình Tuyển giữa quá trình đàm phán Hiệp định thương mại Việt - Mỹ), nay ông Tuyển trở lại chức bộ trưởng Thương Mại, và ông Khoan được cử vào ban bí thư trung ương đảng từ đại hội IX (tháng 4.2001), nay lên phó thủ tướng thay ông Nguyễn Mạnh Cầm phụ trách đối ngoại.

(2) Ông Lê Hồng Anh, ủy viên bộ chính trị từ đại hội IX, trưởng ban Kiểm tra trung ương, ‘chưa ngày nào công tác trong ngành công an’, theo lời thủ tướng PVK nói trước QH, nhưng được trung ương bổ trí vào vị trí này thay ông Lê Minh Hương được ‘rút tên lập ban an ninh cho bộ chính trị’.

(3) Các nhân vật này đều là phó của các bộ trưởng cũ, được bầu vào trung ương khoá IX trong khi các bộ trưởng tiền nhiệm không được cử lại (xem DĐ số 107)

(4) Ba người này không có chân trong ban chấp hành trung ương đảng.

Những nhân vật không có số chú thích kèm theo là những người giữ nguyên chức vụ trong chính phủ nhiệm kỳ trước, hoặc được bổ nhiệm từ tháng 9.1997, hoặc giữa nhiệm kỳ (như các ông Nguyễn Dy Niên - thay ông Nguyễn Mạnh Cầm, bộ trưởng ngoại giao ; ông Phạm Quang Nghị - thay ông Nguyễn Khoa Điềm, bộ trưởng văn hoá - thông tin ; ông Lê Đức Thuý, thay ông Nguyễn Tấn Dũng, thống đốc ngân hàng quốc gia ; Đoàn Mạnh Giao, thay ông Lại Văn Cử, chủ nhiệm văn phòng chính phủ). Chính phủ năm 1997 có 5 phó thủ tướng, sau khi ông Ngô Xuân Lộc - phụ trách mảng xây dựng, giao thông vận tải - bị mất chức năm 1999 vì dính líu tới vụ Thuỷ cung Thăng Long, còn lại 4 cho tới nay. Hai ông Nguyễn Tấn Dũng và Phạm Gia Khiêm được cử lại, ông Nguyễn Mạnh Cầm không còn chức vụ nào cả trong bộ máy đảng và nhà nước, trong khi ông Nguyễn Khoa Điềm ra khỏi chính phủ từ sau khi được cử vào bộ chính trị và ban bí thư trung ương ở đại hội IX.

(\*) Theo đề án về cơ cấu tổ chức chính phủ của thủ tướng Phan Văn Khải, có 3 bộ mới là :

- Bộ Tài nguyên và Môi trường được thành lập trên cơ sở nhập chức năng của tổng cục Địa chính vào chức năng quản lý nhà nước về môi trường của bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường. Bộ mới thực hiện quản lý nhà nước về tài nguyên nước, tài nguyên đất đai, khoáng sản và tài nguyên rừng. Do đó, bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường sẽ giảm bớt nhiệm vụ, đổi tên thành bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bộ Bưu chính - Viễn thông - Công nghệ Thông tin được nâng lên từ tổng cục Bưu điện, thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên các lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin.

- Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ cũng được nâng lên thành Bộ Nội vụ, đảm nhiệm thêm công tác quản lý lương, chế độ đãi ngộ với các lực lượng vũ trang.

Ngoài ra, ủy ban Dân tộc - Miền núi giảm bớt chức năng liên quan đến công tác miền núi, được đổi tên thành ủy ban Dân tộc ; hai ủy ban Bảo vệ và chăm sóc bà mẹ, trẻ em, và Dân số - Kế hoạch hóa gia đình được đề nghị nhập làm một, thành ủy ban Dân số - gia đình - trẻ em.

Trong quá trình thảo luận tại QH, vấn đề chính được nêu ra là nếu không xác định rõ ràng chức năng của hai bộ mới, sẽ dẫn đến tình trạng chòng tréo...

Đáp lại, ông Khải đề nghị trước mắt bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ tập trung vào quản lý nhà nước về đất đai và môi trường, quản lý khai thác tài nguyên do các bộ khác đầu ngành quản lý. Bộ Bưu chính - Viễn thông và Công nghệ Thông tin được rút ngắn thành bộ Bưu chính và Viễn thông. Phần công nghệ thông tin sẽ được quy định cụ thể trong nghị định về chức năng nhiệm vụ quyền hạn, cơ cấu tổ chức của bộ này.



# TRẦN ĐỘ

1923-2002

Trung tướng Trần Độ đã từ trần ngày 9 tháng 7 năm 2002 tại Hà Nội sau nhiều tháng trọng bệnh, thọ 79 tuổi.

Tên thật là Tạ Ngọc Phách, ông sinh năm 1923 tại Tiên Hải, Thái Bình. Tham gia cách mạng từ năm 1939, gia nhập Đảng cộng sản năm 1940 (theo hồi ký của ông, người giới thiệu ông vào đảng là Lê Đức Thọ). Các bí danh : Chín Vinh, Trần Quốc Vinh, Cửu Long.

Từ 1946 đến 1976, ông chiến đấu trong Quân đội Nhân dân : chính uỷ sư đoàn trong chiến dịch Điện Biên Phủ, phó chủ nhiệm Tổng cục chính trị QĐNDVN, phó chính uỷ Quân giải phóng [dưới bút hiệu Cửu Long, ông là đồng tác giả cuốn Năm bài học đánh Mỹ (1966), cùng với đại tướng Nguyễn Chí Thanh, bút hiệu Trường Sơn]. Lập nên những chiến công lớn, ông được trao tặng nhiều huân chương, trong đó có Huân chương Hồ Chí Minh.

Là người yêu văn nghệ, ông viết truyện (Lòng tin, 1953), bút ký (Kể chuyện Điện Biên, 1964), tuỳ bút (Anh bộ đội, 1975), hồi ký (Bên sông đón súng, 1976 ; Đổi mới, niềm vui chưa trọn, 1998), rất nhiều tuỳ bút chính luận sau trong thập niên 90 và Nhật kí rồng rắn (2001, bị tịch thu).

Ở cương vị uỷ viên Trung ương Đảng (từ 1960 đến 1991), sau năm 1975 ông hai lần giữ trách nhiệm lãnh đạo công tác văn hoá văn nghệ : 1976-81, 1986-91.

Trong mỗi khoá, ông đều chủ động thi hành một chủ trương và phong cách “ thoảng ” dẫn tới cuộc “ cởi trói ”, “ đổi mới ” (1986-88) trong sáng tác, và mỗi lần đều kết thúc bằng việc cách chức (lần thứ nhất do ông Lê Đức Thọ, lần thứ nhì do tổng bí thư Nguyễn Văn Linh).

Sau khi bị gạt khỏi cương vị lãnh đạo công tác văn hoá văn nghệ và ra khỏi Trung ương Đảng, với tư cách đại biểu quốc hội (khoá VII và VIII), ông được cử làm chủ nhiệm Uỷ ban văn hoá, rồi Phó chủ tịch Quốc hội.

Về hưu, tướng Trần Độ nhiều lần gửi thư cho lãnh đạo đảng, đề nghị đẩy mạnh đổi mới và dân chủ hoá, song chỉ gặp sự “ im lặng đáng sợ ”, ông chuyển sang hình thức thư ngỏ, bút kí nhân lên nhiều bản bằng máy vi tính. Bộ máy cầm quyền đáp lại bằng những bài báo chỉ trích không nêu tên, và những lời vu khống về sinh hoạt đời tư của ông. Cuối cùng, tháng 1-1999, là quyết định khai trừ ông khỏi ĐCS.

Tháng 6-01, vào thành phố Hồ Chí Minh ở với một

người con, ông bị công an chặn đường, đưa về trụ sở, tịch thu bản thảo 83 trang Nhật kí rồng rắn. Sau đó, ông bị trọng bệnh, phải đưa vào bệnh viện cấp cứu rồi chở ra bệnh viện quân y 108 ở Hà Nội. Ông nhiều lần viết thư cho lãnh đạo đảng và chính quyền đòi trả lại bản thảo, nhưng đáp lại, chỉ có những cuộc viếng thăm có tính chất “ chiến hữu ” của đại tướng Võ Nguyên Giáp và “ riêng ” của vài người đương quyền (Nguyễn Văn An, Phạm Thế Duyệt). Ra viện về nhà, ông tiếp tục phải nằm liệt giường vì tiểu đường nặng, hoại thư, dập xuong đùi.

Ngày 20.7.2002 ông bị viêm màng phổi, gia đình phải đưa vào quân y viện 108 cấp cứu, làm hô hấp nhân tạo. Chiều ngày 9.8, ông tạ thế.

Bốn ngày sau, báo Nhân Dân và Quân đội Nhân dân mới đưa tin ông từ trần, vài dòng tiếc sử sờ lược và thông báo đám tang sẽ tổ chức ngày hôm sau, 14.8.

Mặc dầu lễ tang được thông báo vào ngày chót, hàng trăm người đã tới dự lễ truy điệu, không ngoại sự theo dõi của khá đông công an chìm. Hơn hai trăm vòng hoa được gửi tới từ khắp nước, và, một sự kiện chưa từng có, ban “ lễ tang ” chính thức (do một phó ban Quốc hội chủ trì) đã kiểm duyệt những băng tưởng niệm, đòi gỡ những chữ “ vô cùng ” (trong “ vô cùng thương tiếc ”), thay hai chữ “ trung tướng ” bằng “ ông ”. Vòng hoa của tướng Giáp mang hai dòng chữ

## VÔ CÙNG THƯƠNG TIẾC TRUNG TƯỚNG TRẦN ĐỘ ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYỄN GIÁP

cuối cùng là vòng hoa duy nhất được để nguyên sau khi đại tá thư ký của tướng Giáp phản đối và sau khi “ ban lễ tang xin ý kiến cấp trên ”. Nhiều vòng hoa khác (trong đó có vòng hoa của báo Diễn Đàn) trở thành những vòng hoa không lời, không tên.

Một bạn đọc, từ thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội kịp ngày 14, kể lại không khí “ nồng nề ” của lễ tang. Tính từ ấy, anh không dùng cho tình cảm thương tiếc của gia đình và hàng trăm người có mặt, mà để nói tới nỗi trạng (nếu không nói là tâm địa) của nhà cầm quyền. Đặc biệt cho câu cuối cùng trong bài gọi là “ điếu văn ” mà ông Vũ Mão (chủ nhiệm Uỷ ban đối ngoại Quốc hội) đã được nhiệm vụ đọc trước khi vội vã rút lui : “ Những năm cuối đời, ông Trần Độ đã có một số sai lầm khuyết điểm ”. Thay mặt tang quyến, ông Trần Thắng, trưởng nam trung tướng Trần Độ, đã phát biểu : “ Gia đình chúng tôi không chấp nhận câu nói đó ”.

Thi hài ông Trần Độ đã được hỏa táng và ngày hôm sau, được gia đình đưa về quê hương Thái Bình. Một số nhà cách mạng lão thành như ông Lê Giản trên đường đi từ Hà Nội về Thái Bình đã bị cảnh sát giao thông chặn lại với một cái cớ không biết nên gọi là vu vơ hay... nặng nề.

T hế là mãi mãi tôi sẽ lối hẹn với ông.

Tháng 11 năm 2001, tới Hà Nội, tôi không lại thăm ông được, chỉ nói chuyện qua điện thoại để chúc ông sớm bình phục, và xin hẹn chuyến sau đến thăm ông.

Thăm ông và gặp ông lần đầu, vì chưa bao giờ tôi được gặp ông...



Trần Độ trên chiến trường miền Nam (thập niên 1960)

Nay ông đã từ trần. Một cái chết được báo trước. Ít nhất hai lần. Lần đầu, cách đây gần 40 năm : báo chí Sài Gòn đưa tin Tướng Trần Độ chết trận, đưa cả ảnh ông nữa (mấy năm sau, tôi nhớ CIA hình như còn nhầm ông với tướng Trần Nam Trung nữa). Và lần thứ nhì, trưa ngày 3.8 vừa qua, tôi đảo qua thương xá Eden Center ở Washington, DC : trên sạp báo (nghe nói của một ông Cò cảnh sát quận 1 Sài Gòn xưa), tất cả các báo Việt ngữ đều đưa tít lớn trang nhất *Tướng Trần Độ từ trần*. Đọc bài, thì đâu đó một dòng nhỏ “*coi như đã từ trần*”. Trước đó hai tuần, ngày tôi rời Paris bay sang New York, đã nhận được anh em trong nước thông báo bằng một *email* ngắn : “*Anh Chin phải vào bệnh viện cấp cứu, khó qua khỏi*”. Sáng 10.8, về tới nhà, tôi mở máy ra, một dòng thư không dấu : “*anh Chin da mat luc 14h12' ngay 9/8/2002*”.

Hè 1981, tôi làm báo Đoàn Kết. Về tới Hà Nội, tôi nghe kể nhiều về ông, về một “ huyền thoại Hà Nội về đêm ”. Những năm ấy, buổi tối, Hà Nội tối om, phố xá vắng lặng. Trên đường phố chỉ còn lác đác những chiếc xe xích lô cục mịch, nặng nề, chở đôi ba người khách đi tàu đêm... Nghe nói đạp xích lô ban đêm không còn là những bác xích lô có đăng ký mà ta gặp ban ngày nữa, mà là những bộ đội Trường Sơn, bộ đội đi B phục viên. Họ chế ngự thế giới về đêm của Hà Nội, bất kể công an, không ai dám dụng tới, thậm chí không lãnh đạo nào dám gặp “mấy ông tướng” đó. Trừ một người là “ông Trần Độ”. Mấy anh bạn th子弟 công Hà Nội của tôi xuống giọng, thậm chí : *chỉ có ông Trần Độ là dám, sau 10 giờ đêm, một mình ra phố, trò chuyện với mấy tay ấy*. Chị Lê Minh, nhà văn, con gái nhà văn Nguyễn Công Hoan, nói tôi phải gặp ông Trần Độ cho bằng được, mặc dầu, lúc đó, sau “đại hội V”, ông không còn phụ trách Ban văn nghệ nữa. Không may, ông lại đang ở trong

nam. Khi tôi trở lại thành phố, thì nghe nói ông đã ra bắc mất rồi. Năm sau, chị Lê Minh hình như cũng “có vấn đề”, tôi không gặp được, càng không gặp được ông Trần Độ. Rồi tôi được cấm cửa hơn 19 năm, tất nhiên không có dịp gặp ông.

Liên lạc với ông thuần tuý qua thư từ, một vài lần điện thoại. Lần đầu tiên tôi nhận được mấy dòng thiếp của ông là lúc tôi phụ trách trung tâm văn hoá Nhà Việt Nam. Lúc đó, ông trở lại làm Trưởng ban văn hoá văn nghệ trung ương, tổ chức cuộc gặp gỡ nổi tiếng của ông Nguyễn Văn Linh với khoảng 100 văn nghệ sĩ (tháng 10-87), chủ trì việc soạn thảo “*Nghị quyết V về văn hoá văn nghệ*”. Những ngày vui ấy nhanh chóng đi vào quá khứ... Rồi nghe nói ông bị tiểu đường nặng. Điện thoại tốn kém, tôi chỉ拨打 ba lần hỏi thăm sức khỏe của ông và hỏi xem ông có nhận được thuốc men anh em gửi về không. Ông biết *Diễn đàn* (mà ông có cách nhận được khá thường xuyên) vẫn đăng hoặc trích đăng những bài viết của ông. Tôi không nói chuyện chính trị, ông cũng thế, có chăng một đôi câu cho tôi hiểu rằng ông nắm sát thông tin bên ngoài và không hề mảy may ảo tưởng về những lời tán dương và không mấy thích thú khi người này người kia dùng khả năng gọi điện thoại viễn liên làm một nhãn hiệu cầu toà.

Mùa thu năm 2001, tôi được visa về thăm nhà. Nếu có một sự ‘thoả thuận’ thì là sự đồng ý khi tôi ‘nhấn’ trước rằng : tôi về chuyến này, chỉ gặp những anh chị em bạn bè nào muốn ‘chủ động’ gặp tôi, ngoài ra, tôi chỉ muốn chủ động tới thăm hai người là ông Trần Văn Giàu và ông Trần Độ, vì tôi e rằng chuyến sau, nếu có, chưa chắc hai ông còn sống. Về tới thành phố, tất nhiên tôi đã lại thăm nhà sử học họ Trần, mà tôi còn giữ nguyên 3 giờ phỏng vấn ghi hình năm 1989 ở Paris, với ước hẹn chỉ công bố khi ông cho phép hay sau khi ông qua đời. Cuộc viếng thăm diễn ra bình thường, ‘không vấn đề’, điều ngạc nhiên duy nhất là ở tuổi trên 90 ông còn hết sức minh mẫn, nên định bụng đến thăm nửa giờ, tôi đã quên khuấy thời gian và thể chất của ông, nán lại hơn hai tiếng. Ngạc nhiên thật sự là ngay từ thành phố, tôi nhận được thông điệp chính thức của công an ngăn cản việc tôi đến thăm ông Trần Độ. Ra đến Hà Nội, thông điệp ấy lại được phát lại với tất cả sự nghiêm trọng không cần thiết. Tôi nhắc lại sự ‘thoả thuận’ nói ở trên và nhấn mạnh : bài viết của ông Trần Độ khi nào *Diễn đàn* muốn đăng thì đã có sẵn dưới dạng điện tử, chúng tôi chưa bao giờ phải xin ông gửi, tôi muốn đến chào ông, gặp ông lần đầu, rất có thể là lần cuối, thuần tuý là do yêu cầu tình cảm, tình nghĩa ; để tôi gặp thì chính quyền không thiệt gì, có thể lại được tiếng ‘cởi mở’, ngăn không cho tôi gặp thì ‘không Việt Nam’, và ‘không đẹp’. Cuộc ‘trao đổi’ thông điệp ngừng ở đó : tôi có tang, phải trở vào nam rồi về thẳng Paris.

Thế là mùa thu 2001 Hà Nội, tôi chỉ được chào ông qua điện thoại. Tháng 2.2002, lần cuối cùng tôi được nói chuyện với ông là để hỏi ông về chuyện biên giới Việt-Trung, như đã kể trong bài *Nam Quan khổ ái* (ĐĐ số 117, 4.02). Mấy tháng qua, nhất là trong những ngày nghe tin ông trọng bệnh, tôi luôn nghĩ tới ông, tới bài học về sự *dũng cảm trí thức* mà ông để lại. Cả đời chiến trận đã thử thách sự *dũng cảm* vì Tổ quốc, vì lí tưởng của con người ấy. Nhưng, vượt qua được sự xơ cứng tất yếu của tuổi già, vượt qua mọi hư danh, ông đã dạy tôi *dũng cảm* vì chân lí.

Xin lỗi hẹn với một con người đã sống rất Việt Nam và rất đẹp.

Nguyễn Ngọc Giao

# Không gian Xi-be... mít đặc

Hàn Thuỷ

Lúc ấy là ít lâu sau hoà bình và thống nhất đất nước, chúng tôi một số anh em hồ hởi về thăm quê hương. Ký ức tôi vẫn giữ nhiều kỷ niệm rất đẹp và cảm động từ chuyến đi ấy, cùng với nhiều cùi sôc đến tê tái bàng hoàng. Nếu bạn hỏi điều gì đã làm cho cái nỗi niềm “dao động tiểu tư sản” lân đâm tiên trôi lên trong tâm thức tôi trong chuyến đi ấy, sau bao năm tin tưởng vững chắc ; thì xin nói đó chỉ là một bảng cửa hiệu hiền lành, mang dòng chữ “*hợp tác xã sửa chữa bút máy Hồng Hà*”, nhìn thấy trên một con đường ở trung tâm Hà Nội.

Đao động vì hoang mang không thể hiểu nổi : sửa bút máy mà cũng thành hợp tác xã ? Tại sao lại ấu trĩ quái đản đến thế.

Một phân tư thế kỷ đã trôi qua, bao nhiêu là nước chảy dưới cầu, chuyện ấy cũng vào quên lãng, rồi kinh tế thị trường, rồi hiệp định thương mại... Hàng Việt Nam bắt đầu có mặt trên thế giới, bao bì cẩn thận, nhãn hiệu đẹp đẽ...

Ai ngờ ! cái chuyện in nhãn hiệu này lại đậm tôi một cùi sôc mới. Cũng may là được biết đến hiện tượng quái gở lần này chính là khi nó không còn. Xin trích một nghị định của chính phủ ra ngày **04 tháng 6 năm 2002** :

... *Bãi bỏ các giấy phép sau đây :*

*1. Giấy phép xuất bản nhất thời đối với in : Hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, giới thiệu sản phẩm, hàng hoá, doanh nghiệp, quy định tại nghị định số 79/CP ngày 06 tháng 11 năm 1993 của chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Xuất bản....*

Luật xuất bản quy định, bộ văn hoá thông tin (VHTT) là nơi cấp các giấy phép xuất bản. Nói cách khác, cho đến tháng 6 năm nay, ngay cả những tờ quảng cáo sản phẩm, hàng hoá... cũng phải xin phép bộ VHTT. Vậy thì trên nguyên tắc có cái gì là không lọt qua sự kiểm soát của nền chuyên chính vô sản ? Về mặt văn hoá thì những thứ ấy khác nào những “*hợp tác xã sửa chữa bút máy Hồng Hà*” trong kinh tế, nói gì đến biết bao nhiêu là thứ khác ? Và nếu vẫn vơ suy tính bao nhiêu người có ăn học chỉ được dùng để kiểm soát tư tưởng những thứ như là *giới thiệu sản phẩm, hàng hoá, doanh nghiệp* thì đủ thấy cơ cấu công ăn việc làm ở nước ta nó quả có khác thiên hạ.

Nói vậy để thấy hiện nay, trong cái câu chuyện mở cửa, văn hoá tư tưởng còn đi sau kinh tế một khoảng rất xa. Và để nhận diện cái bối cảnh trong đó Công Nghệ Thông Tin nói chung, và Internet nói riêng, đang biến chuyển tại Việt Nam.

Chắc bạn đọc còn nhớ, trong số 111, 10.2001, Diễn Đàn đã có bài bình luận ngắn về nghị định Internet ban hành ngày 23/08/2001 ; trong đó người viết đã hơi tỏ ý mừng nghị định yêu cầu an ninh phải “đồng bộ” với phát triển ( thay vì kiểm soát được đến đâu thì cho phép phát triển tối đó như trước ). Nhưng đồng thời cũng hơi nghĩ ngại trên những điều khoản đặt Internet trong khuôn khổ của luật báo chí hiện hành, và đề nghị chờ xem.

Vì thật ra giấy tờ là một chuyện, thực tế các khuynh hướng

nhiều phía xô đẩy nhau... lại là chuyện khác. Và một số hiện tượng trong hai tháng qua đã cho thấy phe thông thoáng vừa thụt lùi một bước khá dài trước phe... mít đặc :

Trước hết là chuyện cái tên bộ trong chính phủ mới, khi ông Phan Văn Khải đề nghị với quốc hội thì tên bộ là **bộ Bưu chính - viễn thông - công nghệ thông tin**, nhưng ra đến Quốc Hội thì bốn chữ “Công Nghệ Thông Tin” bị đục bỏ, lấy cớ là như thế sợ bị lấn lộn với tên **bộ văn hoá thông tin**. Nếu tính đến đại đa số các đại biểu QH là có trình độ đại học (dù thật hay dở) thì khó có thể tin vào sự nhầm lẫn giữa *thông tin* và *công nghệ thông tin*, và chỉ có thể nhận định đây là một sự lén gán kiểu mãi võ sơn đông của bộ công an tư tưởng (xin lỗi, bộ văn hoá thông tin) sau khi đã được “trong nội bộ” bàn giao chức năng kiểm soát nội dung Internet.

Cùng lúc với mãi võ Sơn Đông thì phải có “Càn Long du Giang Nam” : Ngày 8.8 Quốc Hội chuẩn y thành phần chính phủ, cũng trong khoảng thời gian ấy có những tin sau (ngoài ra xin nhắc lại, từ trước đó có việc các anh Lê Chí Quang và Phạm Hồng Sơn bị bắt về những bài phê bình chế độ trên Internet, mà Diễn Đàn đã đưa tin và bình luận) :

Từ 7 đến 10.8 thanh tra bộ VHTT báo cáo : *dịch vụ Internet ở Đà Nẵng đang bị thả lỏng... các ngành Công an, Văn hoá tư tưởng chưa can thiệp sâu vào hoạt động này...* (Lao Động, 13.08)

Ngày 7.8 báo Nhân Dân đăng tin bộ VHTT đóng cửa trạm web *Trí tuệ VN online*, với cớ : chưa xin phép. Đây là một trạm của thanh niên tin học Việt Nam rất được ưa chuộng, năm 2001 đã được giải nhì cuộc thi “Trí tuệ VN” của báo Lao Động và đài Truyền Hình đồng tổ chức ; tháng 7 năm 2002 trạm này còn được các độc giả của tạp chí *Thế giới vi tính* bầu là trạm web được yêu thích thứ hai trong cả nước. Nội dung hoàn toàn lành mạnh và phải đạo, phi chính trị. Thế mới lạ, dù đấu đá lén gán với nhau là chính nhưng người ta cũng tự hỏi : sao không bắt được ai khác ?

Lao Động ngày 16.8 : *ngày 14.8 đoàn thanh tra bộ VHTT kết thúc đợt thanh tra tình hình hoạt động của các đại lý Internet trên địa bàn 61 tỉnh và thành phố... 5% truy cập vào các trang Web độc hại (ĐĐ : tỷ lệ này cũng ngang trung bình thế giới) ... Có năm loại thông tin có ảnh hưởng đến an ninh quốc gia được lưu chuyển qua Internet...*

Trước hè chúng tôi được tin bộ Công an đã quyết định không dùng tường lửa để kiểm duyệt nữa, mà chỉ dùng để theo dõi thôi. Một quyết định thông minh, và làm được về kỹ thuật. Tiếc rằng tin đó sai, và quyền kiểm soát Internet nay đã về bộ VHTT. Miễn nói chuyện cũng trong lúc này một loạt những bài báo quốc doanh kêu gọi phải tăng cường khả năng tường lửa, và theo chỗ chúng tôi biết thì trạm Diễn Đàn cũng đã vừa “sa lưới”. Đến bao giờ thì bộ VHTT hiểu rằng, giữa phát triển Internet và kiểm duyệt Internet, hai điều phải chọn một ?

Đến bao giờ thì những người có trách nhiệm văn hoá trong Đảng và Chính phủ hiểu ra rằng, trong thời đại thông tin ngày nay, làm cái anh công an gác cổng tư tưởng là chuyện vô vọng ? Để chống đồi truy nên khuyến khích và giúp đỡ sáng tạo và phổ biến rộng rãi những thông tin lành mạnh bổ ích. Còn về chính trị thì chỉ có cách chấp nhận thảo luận dân chủ, công khai và khách quan, là có lợi nhất cho chế độ. Nếu còn khả năng suy luận và thảo luận.

Chẳng lẽ lại phải đợi thêm phân tư thế kỷ nữa ?

H.T.

# Mở cửa phỏng khoáng<sup>(\*)</sup>

Margot Cohen

*Để trang bị cho thanh niên những kỹ năng cần thiết cho việc phát triển kinh tế, Việt Nam cho phép các cơ sở giáo dục nước ngoài vào đầu tư. Nhưng nhà cầm quyền cộng sản vẫn nắm chặt dây cương.*

Cũng như bất cứ nhà khoa học nào muốn nhìn thấy quê hương mình vươn lên, bà Ngô Kiều Oanh, 52 tuổi, một nhà nghiên cứu thuộc Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia, đánh giá cao tinh thần sáng tạo của các đồng nghiệp trẻ tuổi. Bà tin rằng tiềm năng sáng tạo của giới trẻ Việt Nam hiện nay đang bị hệ thống giáo dục đại học công lập cũ kĩ kiềm chế. Một hệ thống đại học mà trong đó giáo sư chỉ giảng dạy những bài học lỗi thời, và được trả bằng một đồng lương quá thấp, nên họ phải dạy từ ngoài giờ để kiếm sống. Bà Oanh cho biết, ngay cả làm việc chung với các nhà nghiên cứu mới tốt nghiệp có khả năng nhất, bà vẫn “phải dạy họ từ căn bản.”

Cố nhiên, bà Oanh khao khát một cái gì tốt hơn cho cô con gái 18 tuổi của bà. Cô có nguyện vọng trở thành một chuyên viên thiết kế các trang web, đóng góp phần mình vào tham vọng công nghệ cao (hi-tech) của Việt Nam. Thế nhưng bà Oanh sẽ không gửi con mình đi du học, vì bà lo rằng cô ái nữ sẽ nhớ nhà, hay rời xa văn hóa Việt Nam. Vì lý do đó, hai mẹ con đã tới dự phiên họp phổ biến thông tin do Trường đại học RMIT (Royal Melbourne Institute of Technology), chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, tổ chức. RMIT là trường đại học đầu tiên ở Việt Nam có 100% vốn đầu tư từ nước ngoài. RMIT có tham vọng biến đổi hệ thống giáo dục cũ kỹ của Việt Nam, và qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế. Sau buổi họp, hai mẹ con lấy ngay quyết định là cô gái sẽ theo học một chương trình cử nhân khoa học ứng dụng, chuyên về công nghệ thông tin và đa truyền thông, với tổng chi phí là 7900 Mỹ kim.

RMIT đang đánh một canh bạc vào thị trường giáo dục đang phát triển ở Việt Nam, nhắm vào những đối tượng như bà Oanh, là những phụ huynh muốn trang bị cho con em mình kiến thức và kỹ năng cần thiết để gây dựng sự nghiệp trong một xã hội hiện đại đầy cạnh tranh. Ông Michael Mann, Chủ tịch RMIT ở Việt Nam, và cũng là cựu đại sứ Úc ở Việt Nam, biết rằng thị trường giáo dục ở đây lớn hơn mức người ta có thể suy ra từ con số thu nhập bình quân đầu người 430 Mỹ kim/năm. Nghiên cứu thị trường cho biết rằng các gia đình khá giả ở các thành phố còn dư tiền của, đồng thời cũng là những người coi giáo dục là một ưu tiên hàng đầu. Những gia đình này rất quan tâm tới tỷ lệ không có việc làm khá cao trong số sinh viên tốt nghiệp đại học ở trong nước. Nhưng mức học phí quá cao ở ngoại quốc và tình trạng khan hiếm học bổng lại gây tuyệt vọng đối với các bậc phụ huynh.

Nhưng đây không phải là một câu chuyện tiêu biểu của một quốc gia sẵn sàng tiếp nhận giáo dục từ nước ngoài, mà là chuyện một chế độ cộng sản bị những yêu cầu kinh tế đẩy vào chân tường, nhưng vẫn e ngại phải đại trùng tu hệ thống đại học cổ lỗ sĩ của mình. Mối lo căn bản của họ là bất cứ một nỗ lực nào nhằm khuyến khích những nề nếp suy nghĩ mới đều có thể dẫn đến những đòi hỏi thay đổi chính trị. Thành ra, tuy Việt Nam đã tháo dỡ cả hệ thống kế hoạch trung ương, xóa bỏ hợp tác xã, và tư hữu hóa hệ thống y tế; thì mặt khác lại vẫn nắm chặt các trường đại học quốc gia trong vòng cương toả.

Hành vi trói buộc này có thể bóp nghẹt tham vọng kinh tế của đất nước. Việt Nam muốn tiến lên và ao ước thành lập một nền kinh tế tri thức, chứ không muốn đơn thuần là một nguồn cung cấp lực lượng lao động rẻ mạt. Tham vọng này chỉ có thể thực hiện được với một hệ thống giáo dục hiện đại. Ông Thomas Vallely, thuộc Phân khoa Chính phủ học John F. Kennedy, đại học Harvard, nhận xét : “Tôi thấy [giới lãnh đạo Việt Nam] đang ý thức được là giáo dục phải đi trước rồi đầu tư trực tiếp mới theo sau.”

Vì thế, đảng [Cộng sản Việt Nam] hoan nghênh các dự án đầu tư giáo dục từ nước ngoài. Nhưng nỗ lực cải tiến giáo dục này tương đối mong manh và bất trắc. Các nhà đầu tư giáo dục ngoại quốc hiểu cái thông điệp ngầm của các nhà lãnh đạo chính trị Việt Nam : Xin cung cấp cho chúng tôi những kỹ năng thực tiễn về tin học, kinh tế, thương mại, và ngoại ngữ mà chúng tôi cần để cạnh tranh trong nền kinh tế toàn cầu hóa và thu hút đầu tư, nhưng hãy tránh xa những bộ môn lịch sử, văn học, nhân chủng học, hay bất cứ bộ môn khoa học xã hội nào mà có thể gợi ra quá nhiều câu hỏi trong những bộ óc còn non trẻ, dễ dao động.

Một số quan chức trong chính quyền đánh giá cao các nỗ lực giảng dạy thực tiễn, bằng ví dụ của những trường đại học nước ngoài như RMIT. Bằng cách tập trung vào các kỹ năng giải quyết vấn đề thực tế, thảo luận trong lớp thay vì những bài giảng giáo khoa khô khan, khuyến khích học hành trực tuyến (online learning), và trau dồi tiếng Anh, các trường này cung cấp một mô hình rất cần thiết cho Việt Nam. Ông Trương Song Đức, giám đốc sở Giáo dục và đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, nói : “Các trường đại học Việt Nam sẽ phải tự mình cải tiến để cạnh tranh với các trường nước ngoài.”

Về phần các trường đại học nước ngoài họ cũng vui lòng tập trung vào các bộ môn kinh doanh và công nghệ thông tin, bởi vì thị trường hiện tại đang nằm ở đó. Hàng năm, có đến 1.4 triệu học sinh trung học phải cạnh tranh nhau để vào được 168 ngàn chỗ trong các trường đại học trong nước, khủng hoảng thiếu师资 giáo dục quả là hiển nhiên. Một số trường khác đang có dự định nhảy vào thị trường Việt Nam, trong số này có trường đại học công nghệ Swinburne của Úc. Trường này đang đầu tư mở một chi nhánh thuộc tỉnh Bà Rịa — Vũng Tàu. Một tổ hợp gồm các trường đại học công lập ở Pháp đang hợp tác với một nhóm nhà đầu tư người Việt hải ngoại để mở một trường đại học tư ở Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2004.

Việt Nam cũng cho phép các chương trình hợp tác giáo dục, theo đó, sinh viên trước hết học tại các trường đại học địa phương, và sau đó sẽ chuyển sang hoàn tất chương trình học ở các trường ngoại quốc. Vấn đề nổi cộm trong việc du học nước ngoài là các bậc phụ huynh lo ngại cái cảnh đem con bỏ chợ. Hiện nay, có khoảng 15 ngàn du học sinh Việt Nam, và những lời đồn đại về việc sao nhãng học tập đã bắt đầu về tối bên nhà. (Kể từ tháng 7. 2001 đến tháng 3. 2002, Úc đã huỷ 151 visa học sinh Việt Nam, vì những học sinh này không đến lớp học). Do đó, qua việc cung cấp cho học sinh một môi trường quen thuộc trong hai năm đầu đại học ở trong nước, các trường đại học cho rằng như vậy là đã trang bị cho sinh viên tư thế sẵn sàng đối mặt với các thử thách về tâm lý và tri thức khi ra nước ngoài.

Ít ra đó là một thông điệp sắc sảo của ông Nguyễn Ngọc Mỹ, một thương gia có công vụ thường xuyên giữa Úc và Việt Nam, ông đang hỗ trợ việc thành lập một chi nhánh cho trường đại học Swinburne ở Bà Rịa — Vũng tàu. Ông thuật lại, “*Tôi biết khoảng chục thanh niên ở Sydney và Melbourne. Cha mẹ chúng nhờ tôi chăm sóc. Nhưng làm sao tôi chăm sóc chúng được? Tôi cố gắng gọi điện thoại cho chúng và khuyên, ‘Cố gắng học hành đấy nhé, đừng có mà đi nhảy đầm,’ chúng thì ‘vâng, dạ’ cho qua chuyện. Thật là khó!*”

Và, đối với một số quan chức Việt Nam gửi con em ra nước ngoài học, vấn đề trở nên khó hơn, vì phải tránh lời dị nghị của quần chúng bất bình. Họ chất vấn là làm sao mà các quan chức này lại có thể trang trải cho con cái kiểu học thời thượng như vậy được với một đồng lương nhà nước khiêm tốn như hiện nay. Mới đây, giới truyền thông trong nước tố cáo một sĩ quan công an đã nhận tiền hối lộ từ một tay trùm băng đảng xã hội đen ở miền Nam để gửi con du học ở Úc. Chính phủ Canada từ chối 40% đơn xin học của học sinh Việt Nam, phần lớn vì những mờ ám hay gian lận trong các chứng từ tài chính. Một viên chức tham vấn về giáo dục Canada nói, “*Những phụ huynh này có thể họ có tiền thực, nhưng họ không chứng minh được, hay không muốn chứng minh [nguồn thu nhập của mình].*”

Mặc dù Ngân hàng Thế giới (World Bank) và Ngân hàng Phát triển châu Á (Asian Development Bank) cho RMIT vay 15 triệu Mỹ kim (trong tổng số 36 triệu cho công trình đầu tư), một số chuyên gia giáo dục cho rằng một việc cấp bách hơn là giúp đỡ Việt Nam để họ tự cải cách hệ thống giáo dục đại học. Mục tiêu tối hậu là nâng đỡ và nuôi dưỡng một thế hệ thanh niên, chứ không chỉ tập trung vào một thiểu số giàu có. Ông Vallely nói, “*Nếu Việt Nam muốn trở thành một quốc gia hiện đại, Việt Nam cần một hệ thống đại học hiện đại.*”

Ông Vallely khuyên Việt Nam theo con đường mà Trung Quốc đã đi. Trung Quốc từng chi ra hàng trăm triệu Mỹ kim để nâng cấp hai trường đại học Bắc Kinh và Thanh Hoa (Tsinghua), và đẩy mạnh việc hợp tác quốc tế. Việt Nam, dù bức tức nhưng vẫn phải thừa nhận những thành tựu kinh tế của nước láng giềng, nên có vẻ như sẵn sàng chịu láng nghe. Mới đây, Phó Thủ tướng Nguyễn Mạnh Cầm và các quan chức cao

cấp gặp gỡ các nhà giáo dục hàng đầu từ các trường đại học Harvard, MIT, và Princeton, để nhờ họ cố vấn thiết lập những trung tâm khoa học công nghệ kiểu mẫu (“centres of excellence” in science and technology) tại một hay hai trường đại học hàng đầu của Việt Nam. Một số dự án tương tự cũng đã được thực thi ở các quốc gia như Chile, Mexico và Brazil, và hiệu quả đã thấy rõ: gia tăng các công trình nghiên cứu khoa học, và giảm đi tình trạng chảy máu chất xám.

Trong trường hợp Việt Nam, vấn đề không chỉ ở tình trạng chảy máu chất xám, mà còn ở vấn đề không tận dụng được nguồn chất xám [du học] đã trở về nước. Theo giới khoa bảng địa phương, những sáng kiến mới thường bị nghi ngờ và ganh ty. Đề bạt chức vụ thường dành cho những người an phận thủ thường. Một số nhà khoa bảng Việt Nam cho rằng đảng Cộng sản Việt Nam đang đang siết thêm dây cương, bằng cách chuyển vai trò của ban khoa giáo của đảng từ lãnh đạo sang quản lý vi mô các hoạt động khoa học như thay đổi chương trình giảng dạy và xuất bản. Tháng sáu năm nay, thủ tướng chính phủ vừa ra chỉ thị đẩy mạnh việc giảng dạy lý thuyết Marx và Lenin, cùng tư tưởng Hồ Chí Minh trong tất cả các trường đại học, kể cả các trường ngoại quốc. (RMIT không dạy những môn này).

Tuy vậy, một điều ngạc nhiên là trường đại học Quốc gia Hà Nội, một trường danh tiếng nhất trong nước, lại khai trương một chương trình thí điểm dạy môn Khoa học Chính trị, kể cả nghiên cứu về chính trị Mỹ. Và một số nhà trí thức, người Việt lẫn người ngoại quốc, vẫn lạc quan cho rằng trong thập niên tới những nhà khoa bảng trẻ về nước [sau khi du học ở các nước Tây phương] sẽ làm chuyển biến hệ thống giáo dục đại học Việt Nam. Nhà nhân chủng học người Mỹ, Charles Keyes, coi trường hợp cải cách giáo dục đại học ở Thái Lan như là một bằng chứng cho thấy Việt Nam cũng sẽ vượt qua giai đoạn này. Ông nói, “*điều tất yếu sẽ xảy ra là xã hội sẽ có đủ khối lượng cần thiết những người mới với những suy nghĩ mới*”.

Nói cho cùng, nếu Việt Nam theo đuổi chính sách kèm kẹp các bộ môn khoa học xã hội trong khi khuyến khích các bộ môn kinh doanh và công nghệ thông tin, có thể sẽ gây ra phản tác dụng. Một chính sách lưỡng phân như thế không phù hợp với một nền kinh tế toàn cầu hóa, mà trong đó các kỹ năng phân tích đều cần thiết cho mọi ngành nghề. Trừ phi hiện đại hóa hệ thống giáo dục và tiến ra khỏi những lằn ranh cứng nhắc, Việt Nam sẽ phải chịu một số phận bi đát là không nuôi dưỡng được tiềm năng sáng tạo cần thiết để cạnh tranh trên trường quốc tế. Và, những ước mơ của phụ huynh như bà Oanh sẽ bị tiêu tan.

(\*) Bài này được chuyển ngữ từ bài viết “*Open minds, open doors*” của Margot Cohen, đăng trên Tạp chí Kinh tế Viễn Đông (Far Eastern Economic Review), số ra ngày 1 tháng 8 năm 2002.

# Tăng Tuyết Minh, người vợ Trung Quốc của Nguyễn Ái Quốc

HOÀNG TRANH

“ Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sống độc thân suốt thời gian dài lâu nhưng hoàn toàn không phải Người suốt đời không lấy vợ. Thực ra, Hồ Chí Minh từng có một giai đoạn sống trong hôn nhân chính thức. Đó là vào thời kì những năm 20 đầu thế kỷ XX khi người tiến hành công tác cách mạng tại Quảng Châu, Trung Quốc. Nói cụ thể là vào tháng 10 năm 1926, Hồ Chí Minh từng lấy cô gái Quảng Châu Tăng Tuyết Minh làm vợ, đã cử hành hôn lễ, sau khi cưới đã chung sống với nhau hơn nửa năm. Vào tháng 5 năm 1927, sau khi rời Quảng Châu, Hồ Chí Minh đã mất liên lạc với vợ và từ đó không thể gặp lại nữa. Từ đó, đôi tình nhân ấy, người không bao giờ đi bước nữa, người không một lần nào nữa cưới vợ, mỗi người một phương trời, đều sống độc thân cho đến khi từ biệt cõi đời này.”

“ Tăng Tuyết Minh, người vợ Trung Quốc của Hồ Chí Minh, quê ở huyện Mai tỉnh Quảng Đông, sinh tháng 10 năm 1905 ở thành phố Quảng Châu. Thân phụ của Tuyết Minh là Tăng Khai Hoa, thời trẻ một mình đến Đàm Hương Sơn (Honolulu) lúc đầu làm công, sau buôn bán ; khi tích luỹ được ít vốn liếng, trở về nước tiếp tục buôn bán, gia cảnh khấm khá, vui vẻ. Người vợ đầu của ông Tăng Khai Hoa họ Phan, sinh được hai trai một gái. Sau khi bà Phan bị bệnh mất, ông lấy bà vợ kế họ Lương là người huyện Thuận Đức sinh được 7 cô con gái nữa. Tăng Tuyết Minh là con út, bởi vậy những người quen biết Tăng Tuyết Minh thường gọi cô là “ cô Mười ”. Khi cô 10 tuổi thì người cha qua đời, để lại một chút bất động sản. Bà Lương thị cùng Tuyết Minh sống qua ngày nhờ vào tiền thuê nhà, gia cảnh không được như trước. Năm 1918, mới 13 tuổi, Tuyết Minh đã bắt đầu theo chị là Tăng Tuyết Thanh, một y sĩ sản khoa, học việc hộ lí và đỡ đẻ. Đầu năm 1923, người chị ấy đưa Tăng Tuyết Minh đến Phiên Ngu để học Cao đẳng tiểu học. Nửa năm sau, Tăng Tuyết Thanh chẳng may lìa đời, Tăng Tuyết Minh mất đi nguồn chu cấp, ngay tháng 7 năm ấy phải vào trường Hộ sinh Quảng Châu học tập. Tháng 6 năm 1925, Tăng Tuyết Minh tốt nghiệp trường trợ sản, được ông hiệu trưởng giới thiệu đến trạm y tế La Tú Vân làm nữ hộ sinh. Chính thời gian này Tăng Tuyết Minh làm quen với Hồ Chí Minh lúc ấy đang tiến hành công tác cách mạng ở Quảng Châu.”

“ (...) Tháng 11 năm 1924, Hồ Chí Minh từ Mạc Tư Khoa đến Quảng Châu, lấy tên là Lý Thuỵ, làm việc tại phòng phiên dịch của cố vấn Borodin, thuộc Hội Lao Liên của Tôn Trung Sơn, trú ngụ tại nhà hàng của ông Bảo tại quảng trường Đông Hiệu. Sau những giờ làm công tác phiên dịch, Hồ Chí Minh dành nhiều thì giờ và tâm sức vào công việc liên kết và tổ chức

các chiến sĩ cách mạng Việt Nam, sáng lập tổ chức cách mạng Việt Nam, huấn luyện cán bộ cách mạng Việt Nam trong công tác. Trong thời gian ấy, những thanh niên cách mạng Việt Nam đến Quảng Châu trước như Hồ Tùng Mậu, Lâm Đức Thụ đều trở thành trợ thủ đắc lực cho Người. Lâm Đức Thụ cùng người vợ Trung Quốc của ông là Lương Huệ Quân chính là ông mối bà mối cho cuộc hôn nhân của Hồ Chí Minh và Tăng Tuyết Minh.”

“ Lâm Đức Thụ vốn tên là Nguyễn Công Viễn, người huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, Việt Nam, sinh năm 1890 (cùng tuổi với Hồ Chí Minh). Hồ Chí Minh cùng với gia đình Lâm Đức Thụ có thể nói là chỗ giao hảo nhiều đời. Hai người quen biết nhau từ thuở thiếu thời, lại cùng chí hướng. Năm 1911, Hồ Chí Minh đến châu Âu tìm chân lí cách mạng, gần như đồng thời, hưởng ứng lời hiệu triệu của nhà chí sĩ chống Pháp lão thành Phan Bội Châu, Lâm Đức Thụ muốn Đông du qua Nhật, nhưng khi nổ ra Cách mạng Tân Hợi, Phan Bội Châu tới Trung Quốc, sáng lập Việt Nam Quang phục hội ở Quảng Châu, Lâm Đức Thụ theo Phan Bội Châu đến Quảng Châu và gia nhập hội đó. Đầu năm 1922, một số thanh niên nhiệt huyết trong Việt Nam Quang phục hội cảm thấy thất vọng về cánh già bảo thủ nên đã li khai Quang phục hội để lập ra một đoàn thể cấp tiến hơn là Tâm Tâm xã. Sau khi đến Quảng Châu, Hồ Chí Minh rất nhanh chóng liên hệ được với Tâm Tâm xã và quyết định cải tạo tổ chức này thành một tổ chức cách mạng chân chính của giai cấp vô sản Việt Nam. Hồ Chí Minh vốn quen biết Lâm Đức Thụ từ trước nên ở Quảng Châu Người coi Lâm là cốt cán có thể tin cậy.

“ Lâm Đức Thụ hoạt động ở Quảng Châu một thời gian khá lâu. Ở đây ông đã lấy cô gái Trung Quốc Lương Huệ Quân làm vợ. Mẹ của Lương Huệ Quân là một thầy thuốc đã mở tại thành phố Quảng Châu một dịch vụ y tế. Lương Huệ Quân có làm công tác y tá tại đó. Năm 1925, Tăng Tuyết Minh tốt nghiệp trường Bảo sinh trợ sản, qua sự giới thiệu của ông hiệu trưởng đã tới cơ sở dịch vụ y tế của mẹ Lương Huệ Quân làm cô đỡ nên đã nhanh chóng quen biết với Lương Huệ Quân và trở nên thân thiết. Lương Huệ Quân lớn hơn Tăng Tuyết Minh 3 tuổi nên cô thường gọi là “ chị Quản ”, hai cô đối xử với nhau như chị em ruột.

“ Lâm Đức Thụ sau năm 1927 đã từng bước phản bội, li khai hàng ngũ cách mạng Việt Nam làm không ít điều nguy hại cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Nhưng tại thời điểm mấy năm Hồ Chí Minh mới đến Quảng Châu thì ông ta cũng là một thanh niên cách mạng hăng hái có triển vọng. Hồ Chí Minh chẳng những được Lâm Đức Thụ phôi hợp và chi viện trong công tác mà còn được Lâm giúp đỡ cả về mặt kinh tế. Hồ Chí Minh thậm chí đã đem cả chuyện trăm năm của mình phó thác cho Lâm Đức Thụ. Mùa hè năm 1926, Hồ Chí Minh đề xuất với Lâm Đức Thụ rằng do việc công quá bận rộn, anh cũng muốn tìm một cô gái Trung Quốc để tiện trong cuộc sống nơi cư trú có người chăm sóc. Lâm Đức Thụ cùng với vợ là Lương Huệ Quân bàn bạc thấy Tăng Tuyết Minh là đối tượng thích hợp bèn giới thiệu cho Tăng Tuyết Minh và Hồ Chí Minh làm quen với nhau. Hồ Chí Minh sau khi gặp mặt Tăng Tuyết Minh đã rất có cảm tình với cô gái Quảng Châu có gương mặt trái xoan, da trắng nõn điềm đạm, đoan trang, thông minh, sáng dạ, vì vậy sau giờ làm thường hẹn gặp và trò chuyện với cô. Nơi gặp gỡ thường là nhà Lương Huệ Quản. Cảm tình của

đôi bên ngày càng sâu sắc, nhanh chóng đi đến trao đổi về hôn lễ. Thời gian này Hồ Chí Minh thường đưa Tăng Tuyết Minh đến nhà hàng của ông Bào để gặp phu nhân họ Bào và tranh thủ ý kiến của bà về việc hôn nhân của họ. Phu nhân họ Bào nhiệt liệt tán thành việc kết hôn của họ. Thế nhưng bà mẹ Tăng Tuyết Minh ngay từ đầu không đồng ý cuộc hôn nhân này vì thấy Hồ Chí Minh là một nhà cách mạng phiêu lưu bất xít, ở không định nơi, con gái lấy người như vậy rồi sẽ khổ đau một đời. Đúng vào lúc ấy người anh hai của Tăng Tuyết Minh là Tăng Cẩm Tương, sau một thời gian sang Mỹ học tập đã trở về Quảng Châu. Anh gặp Hồ Chí Minh, dùng tiếng Anh trò chuyện, thấy Hồ Chí Minh có học vấn rất tốt, lão luyện và cẩn trọng, lại tâm huyết với sự nghiệp, vì thế anh đã thuyết phục bà mẹ đồng ý với cuộc hôn nhân này.”

“ Hồ Chí Minh gặp Tăng Tuyết Minh luôn luôn. Một mặt, cố nhiên, anh thích tính giản dị, đoan trang, thông minh, chăm chỉ của cô gái ; mặt khác anh cũng cảm thấy cô còn non nớt, cần phải giác ngộ chân lí cách mạng hơn, hiểu đời hơn nữa và nâng cao năng lực hoạt động hơn. Vì vậy anh động viên Tuyết Minh thôi việc nữ hộ sinh ở cơ sở dịch vụ y tế và tham gia học tập ở một lớp huấn luyện vận động phụ nữ. Lúc ấy Ban phụ vận của Trung ương Quốc dân đảng Trung Quốc do Hà Hương Nghi chủ trì, đang dự định mở một cơ sở huấn luyện vận động phụ nữ tại Quảng Châu nhằm bồi dưỡng cán bộ phụ nữ trong nước. Hồ Chí Minh thông qua sự quen biết trực tiếp với các vị Chu Ân Lai, Đặng Dinh Siêu, Lí Phú Xuân, Thái Sương, xin được hai suất cho Tăng Tuyết Minh và Lương Huệ Quân cùng vào học lớp huấn luyện vận động phụ nữ. Kì ấy, lớp khai giảng ngày 16 tháng 9 năm 1926 và kết thúc vào ngày 16 tháng 3 năm 1927, thời gian học tập là nửa năm. Quảng Châu thời ấy là trung tâm của cách mạng Trung Quốc. Trong quá trình lớp huấn luyện phụ vận tiến hành, người ta chẳng những đã mời không ít các đồng chí có trách nhiệm của Đảng cộng sản Trung Quốc đến giảng mà còn tổ chức cho học viên tham gia các hoạt động xã hội. Nhờ được học tập, quả nhiên Tăng Tuyết Minh tiến bộ rất nhanh, trong khoá học, được bạn đồng học là Trịnh Phúc Như giới thiệu, cô đã gia nhập Đoàn Thanh niên xã hội chủ nghĩa.”

“ Do Hồ Chí Minh lại thúc giục nên hôn lễ của hai người đã được cử hành vào tháng 10 năm 1926. Lúc ấy Hồ Chí Minh 36 tuổi, còn Tăng Tuyết Minh 21. Địa điểm tổ chức hôn lễ là nhà hàng Thái Bình trước Ty Tài chính ở trung tâm thành phố. Đó cũng là địa điểm mà một năm trước đây Chu Ân Lai và Đặng Dinh Siêu mời khách đến dự lễ kết hôn của mình. Tham dự hôn lễ có phu nhân Bào La Định, Thái Sương, Đặng Dinh Siêu và một bộ phận học viên khoá huấn luyện phụ vận. Phu

nhân họ Bào tặng một lẵng hoa tươi. Mấy ngày đầu sau lễ cưới, Hồ Chí Minh và Tăng Tuyết Minh tạm trú trong Tổng bộ Thanh niên cách mạng đồng chí hội, vốn là nơi nghỉ ngơi của Hồ Chí Minh. Lúc ấy, Hồ Chí Minh đang chủ trì khoá huấn luyện chính trị đặc biệt thứ III của Việt Nam, do học viên khá đông nên địa điểm học tập đã chuyển từ Tổng bộ Thanh niên cách mạng đồng chí hội đến phố Nhân Hưng ở đường Đồng Cao. Mấy ngày sau Hồ Chí Minh và Tăng Tuyết Minh dọn đến trú ngụ ở quán của ông Bào, lúc đầu dùng bếp tập thể, sau tự nấu nướng. Hồ Chí Minh bận rộn công tác, mọi việc nhà đều do Tăng Tuyết Minh quản xuyến. Cô chăm sóc chu đáo mọi sự ăn uống, sinh hoạt thường ngày của Hồ Chí Minh, giúp cho anh từ tuổi 21 đã xa nhà bôn tẩu, làm “ kẻ phiêu diêu ” góc bể chán trôi, thì nay sau 15 năm lại có được cảm giác ấm áp “ ở nhà mình ”. Hồ Chí Minh rất mẫn nguyện về cô vợ Trung Quốc của mình. Sau ngày cưới, Hồ Chí Minh từng nhiều lần đàm đạo với Lâm Đức Thụ, Lương Huệ Quân về vợ mình, đều nói rõ điều đó.”

### **Uyên ương chia lìa đôi ngả**

“ Thế nhưng phúc chặng dài lâu. Ngày 12 tháng 4 năm 1927, mới nửa năm sau khi Hồ Chí Minh với Tăng Tuyết Minh kết hôn, Tưởng Giới Thạch phản bội cách mạng, phát động cuộc chính biến phản cách mạng tại Thượng Hải, tình thế ở Quảng Châu cũng chuyển biến theo. Trước đó, chính phủ Quốc dân đã rời tới Vũ Hán. Trụ sở của đoàn cố vấn Lao Liên cũng rời tới Vũ Hán. Và tất nhiên, Hồ Chí Minh cũng phải chuyển đến Vũ Hán. Trung tuần tháng 5, Hồ Chí Minh lưu luyến chia tay với Tăng Tuyết Minh, trước lúc lên đường dẫn đi dặn lại Tăng Tuyết Minh : “ Em phải bảo trọng, đợi tin tức của anh ; ổn định nơi chốn một chút là anh đón em ngay ”. Thế rồi, Hồ Chí Minh rời Quảng Châu, chuyển đến Vũ Hán, rồi lại chuyển đến Thượng Hải, đi đường Hải Sản Uy, khoảng giữa tháng 6 năm 1927 đến Mạc Tư Khoa. Sau đó, Hồ Chí Minh lại với vàng đến Đức, Pháp, Bỉ, Thuỵ Sĩ, Italia... tạm ngừng công tác, cuối cùng, tháng 8 năm 1929, đến Thái Lan.

“ Do Tưởng Giới Thạch phản bội, thành Quảng Châu rơi vào giữa một cuộc khủng bố trắng. Sau khi chia tay với Hồ Chí Minh, Tăng Tuyết Minh một mình về sống với mẹ và những người thân. Trong hai năm, từ tháng 7 năm 1927 đến tháng 6 năm 1929, Tăng Tuyết Minh vào trường Anh văn Kiêm Bá và trường Trung học nữ sinh Tân Á học tập. Thời gian đầu, cô còn giữ được liên hệ với một số đồng chí cách mạng quen biết ở cơ sở huấn luyện phụ vận. Về sau do Quốc dân đảng ngày càng đàn áp tàn bạo các đảng viên cộng sản, các đồng chí mà Tăng Tuyết Minh quen biết đều rời Quảng Châu, mối liên hệ về tổ chức của cô với đoàn viên Đoàn Thanh niên xã hội chủ nghĩa Trung Quốc cũng bị gián đoạn. Tháng 7 năm 1929, Tăng Tuyết Minh rời Quảng Châu, về quê nhà của mẹ ở Thuận Đức, làm nữ hộ sinh tại một trạm y tế tư ở thị trấn Lặc Lưu. Đầu năm 1930, cô lại chuyển đến làm nữ hộ sinh ở xá



Nguyễn Ái Quốc và Tăng Tuyết Minh  
thập niên 1920  
(thời điểm kết hôn : 1926)

Toàn văn bài này, **Hồ Chí Minh với người vợ Trung Quốc Tăng Tuyết Minh**, đã đăng trên số tháng 11-2001 của tạp chí **Đông Nam Á tung hoành** (Đọc ngang Đông Nam Á), xuất bản tại Nam Ninh. Tác giả **Hoàng Tranh** (Huang Zheng) là nhà sử học, viện phó Viện Khoa học Xã hội Quảng Tây, tác giả cuốn **Hồ Chí Minh với Trung Quốc** (Nhà xuất bản Tân Tinh, Nam Ninh 1990). Bản dịch của Minh Thắng. Theo thông tin từ Hà Nội, một tạp chí sử học có ý đăng bài này, nhưng đã bị chặn lại. Đoạn chử thảng cuối bài là tóm tắt của Diễn Đàm.

Quân An của Dư Gia Viên, thị trấn Lạc Tòng, huyện Thuận Đức.

“ Thời gian này, Hồ Chí Minh có hai lần nhờ người mang thư và gửi thư liên hệ với Tăng Tuyết Minh, nhưng đều không kết quả. [...] Sau khi đến Thái Lan, Người lấy tên là Đào Cửu, tiến hành công tác tuyên truyền và tổ chức cách mạng trên đất Thái Lan. [...] đã hơn một năm Hồ Chí Minh li biệt với Tăng Tuyết Minh, nhớ nhung da diết. Nơi đây cách Trung Quốc tương đối gần, nhờ người chuyển thư cung tiện, bèn cầm bút viết thư cho Tăng Tuyết Minh. Hồ Chí Minh cũng nghĩ đến thời cuộc biến loạn, tình huống thiên biến vạn hóa, thư có đến được tay vợ hay không, thật khó dự đoán. Vì vậy, anh quyết định dùng lời lẽ ngắn gọn, hàm súc viết một bức thư ngắn, bảo cho biết mình vẫn bình an và thăm hỏi người thân. Nội dung bức thư đó như sau : “ Từ ngày chia tay với em, đã hơn một năm trôi qua. Nhớ thương khác khoái, chẳng nói cũng hiểu. Nay mượn cánh hồng, gửi mấy dòng thư để em yên tâm, đó là điều anh mong mỏi, và cầu cho nhạc mẫu vạn phúc. Anh trai vung về, Thuy ”.

“ [...] Không rõ người mang thư sơ suất, hay là anh ta vốn dĩ không thể tin cậy, mà bức thư đó đã nhanh chóng lọt vào tay cơ quan mật thám Pháp ở Đông Dương, cuối cùng thành vật lưu trữ tại Cục hồ sơ can án quốc gia của nước Pháp. Năm 1990, trong dịp kỉ niệm 100 năm sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Gallimard ở Pháp đã cho ra mắt bạn đọc cuốn sách Hồ Chí Minh - từ Đông Dương đến Việt Nam, giữa tranh ảnh minh họa trong sách có bản in chụp bức thư bằng Trung văn nói trên của Hồ Chí Minh gửi cho vợ, với những dòng thuyết minh : “ Thư của Nguyễn Ái Quốc (tức Hồ Chí Minh) viết cho vợ. Chuyển tới cơ quan đặc vụ Đông Dương ngày 14 tháng 8 năm 1928 ”. [...] Một tác giả tên là Bùi Đình Kế trên báo Nhân Dân của Việt Nam, số ra ngày 19 tháng 5 năm 1991 đã dẫn lại bức thư đó trong bài nhan đề Về một tài liệu liên quan sinh hoạt cá nhân của Nguyễn Ái Quốc. Bài báo đã phân tích và phỏng đoán bức thư liệu có phải của Hồ Chí Minh hay không. Tuy nhiên, đã không đưa ra được kết luận rõ ràng. Thực ra, bức thư đó chính xác là do Hồ Chí Minh viết. Một là, đối chiếu với những thư cáo Trung văn của Hồ Chí Minh thì bức thư đó hoàn toàn ăn khớp với bút tích của người. Hai là, lúc Hồ Chí Minh viết bức thư đó cách thời điểm chia tay với Tăng Tuyết Minh đúng là hơn một năm như nói ở trong thư. Ba là, tên kí dưới thư THUY đúng là bí danh Hồ Chí Minh dùng trong thời gian ở Quảng Châu. Bốn là, Tăng Tuyết Minh từ nhỏ mất cha, chỉ có mẹ lúc ấy còn sống, và Hồ Chí Minh năm rỗ điêu đó, nên trong thư chỉ vấn an nhạc mẫu. Căn cứ những điều trên, bức thư đó do Hồ Chí Minh viết, không còn nghi ngờ gì nữa. Thư viết xong đã rơi vào tay mật thám Pháp, đó là điều Hồ Chí Minh đã không thể lường trước được.

“ Lúc ấy, Hồ Chí Minh công tác ở Thái Lan đến tận tháng 11 năm 1929. Sau đó, Người được Quốc tế Cộng sản cử đến Hương Cảng, triệu tập hội nghị thống nhất ba tổ chức cộng sản thành một đảng cộng sản. “ Hội nghị thống nhất ” đã khai mạc tại Hương Cảng ngày 3 tháng 2 năm 1930, chính thức tuyên bố thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Sau hội nghị, tháng 3 năm đó Hồ Chí Minh trở lại Thái Lan, tháng 4 lại đến Hương Cảng. Sau, nhiều lần lại từ Hương Cảng đến Thượng Hải, tiến hành công tác tuyên truyền và tổ chức cách mạng

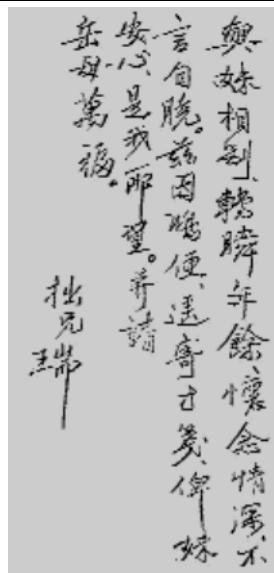
#### PHIÊN ÂM

Dữ muội tương biệt,  
Chuyển thuần niên dư,  
Hoài niệm tình thâm,  
Bất ngôn tự hiểu.  
Tư nhân hồng tiên,  
Đao ký thốn tiên,  
Tỷ muội an tâm,  
Thị ngữ ngưỡng (\*) vọng.  
Tinh thỉnh  
Nhạc mẫu vạn phúc.

Chuyển huynh Thuy

Cùng em xa cách  
Đã hơn một năm  
Thương nhớ tình thâm  
Không nói cũng rõ.  
Cánh hồng thuận gió  
Vắn tắt vài dòng  
Để em an lòng  
Áy anh ngưỡng vọng.  
Và xin kính chúc  
Nhạc mẫu vạn phúc.

Anh ngu vung : Thuy  
(Bản dịch của N.H. Thành)



Thư của Nguyễn Ái Quốc (Lý Thuy) gửi Tăng Tuyết Minh, bị Mật thám Đông Dương chặn được ngày 14.8.1928, hiện tàng trữ tại C.A.O.M. (Aix-en-Provence). Xuất xứ : Daniel Hémery, HO CHI MINH DE L'Indochine au Vietnam, Gallimard, Paris 1990, tr.145.

trong Việt kiều tại tô giới Pháp ở Thượng Hải. Lúc ấy, các đảng viên cộng sản Việt Nam Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Lương Bằng... cũng đang hoạt động trong Việt kiều ở Thượng Hải. Đầu tháng 5 năm 1930, Hồ Chí Minh lại viết một bức thư nữa từ Thượng Hải gửi Tăng Tuyết Minh. Bức thư này gửi qua Quảng Châu cho Tăng Tuyết Minh lúc ấy đang làm nữ hộ sinh ở cơ sở dịch vụ y tế tại Gia Dư Viên, thị trấn Lặc Lưu, huyện Thuận Đức. Nội dung yêu cầu Tăng Tuyết Minh mau mau đến Thượng Hải đoàn tụ. Trong thư có hẹn kì hạn và nói rõ nếu quá hạn đó mà Tăng Tuyết Minh không đến sẽ đành một mình xuất ngoại. Thế nhưng, với cả bức thư này nữa, cũng đã xảy ra chuyện ngoài ý muốn, Tăng Tuyết Minh cũng không sao nhận được. Tài liệu hồi ức do Tăng Tuyết Minh viết cũng như lời kể lại của bà qua thư từ trao đổi với tác giả bài này đều nói tới hoàn cảnh của sự cố này.

“ Hoá ra, tháng 7 năm 1929 Tăng Tuyết Minh sau khi đã rời Quảng Châu, làm nữ hộ sinh ở trạm y tế của bác sĩ Dư Bác Văn mới mở ra ở thị trấn Lặc Lưu, huyện Thuận Đức, đến cuối năm. Đầu năm sau, cô lại chuyển đến làm nữ hộ sinh tại y xã Quân An của Sa Khiêu ở thị trấn Lạc Tòng cũng huyện Thuận Đức. Bức thư của Hồ Chí Minh chuyển đến cho trạm y tế của Dư Bác Văn ở thị trấn Lặc Lưu thì lúc ấy Tăng Tuyết Minh đã rời đi rồi. Trưởng trạm y tế Dư Bác Văn chẳng những không kịp thời chuyển thư đến Tăng Tuyết Minh mà ngược lại còn tự ý mở thư trước mặt vợ mình, lại còn gọi thêm cả nữ y sĩ Hoàng Nhã Hồng, xem trộm nội dung thư, sau đó đem đốt đi. Nửa năm sau khi xảy ra chuyện đó, Tăng Tuyết Minh trở lại Quảng Châu thăm mẹ và nhận lời mời đến dự lễ khai trương cơ sở y

(\*) Sau khi do dự giữa sở và ngưỡng, ông Nguyễn Hữu Thành đã chọn phiên âm là ngưỡng. Ba nhà Hán học khác thì cả quyết là sở và cho biết đó là tự dạng cổ. Bất luận thế nào, sở vọng hay ngưỡng vọng ở đây đều nói lên ý ước mong [chú thích của Diên Đàm]

tế tại nhà một bạn đồng học cũ. Tại đây cô bất ngờ gặp lại nữ y sĩ Hoàng Nhã Hồng, người đã từng làm việc cùng tại thị trấn Lặc Lưu, huyện Thuận Đức. Nữ y sĩ đó đã đem toàn bộ sự việc tuôn ra hết ngọn ngành. Lúc ấy so với thời hạn Hồ Chí Minh hẹn gặp nhau ở Thương Hải thì đã qua nửa năm. Tăng Tuyết Minh chỉ còn biết kêu khổ khôn nguôi, nuốt nước mắt vào lòng. Như vậy con người kia đã gieo tai họa khiến Tăng Tuyết Minh mất đi cơ hội được trở lại bên chồng, cũng gây cho cô một bi kịch suốt đời trong tương lai.

“ Đến cuối năm 1931, rốt cuộc Tăng Tuyết Minh cũng có được một cơ hội gặp Hồ Chí Minh nhưng lại là tại toà án của nhà đương cục Anh ở Hương Cảng xét xử Hồ Chí Minh. Tăng Tuyết Minh chỉ có thể nhìn thấy Hồ Chí Minh từ rất xa, còn Hồ Chí Minh thì hoàn toàn không biết vợ mình có mặt tại toà. Cuối những năm 20 - đầu 30 hoàn cảnh của các nhà cách mạng Việt Nam hoạt động tại Hương Cảng rất tồi tệ. Trong hàng ngũ cách mạng có kẻ phản bội, các cơ sở bí mật bị phá hoại, chính quyền thực dân Pháp và nhà đương cục Anh ở Hương Cảng cấu kết với nhau bắt bớ các chiến sĩ cách mạng. Hồ Tùng Mậu bị các nhà đương cục Anh bắt rồi giao cho mật thám Pháp “ dân độ ” về Việt Nam giam cầm. Hồ Chí Minh cũng bị các nhà đương cục Anh bắt ngày 5-6-1931, lí do là làm tay sai cho hội Lao Liêng, âm mưu tiến hành hoạt động phá hoại tại Hương Cảng. Sau khi Hồ Chí Minh bị bắt, Quốc tế Cộng sản thông qua hội Chữ thập đỏ quốc tế kêu gọi cứu giúp. Tổ chức đó mời một luật sư tiến bộ người Anh ở Hương Cảng là ông Loseby bào chữa cho Hồ Chí Minh. Sau vài tháng bị giam giữ, Hồ Chí Minh bị đưa ra xét xử. Lần này đến Hương Cảng, Người lấy bí danh là Tống Văn Sơ. Nhưng sau khi bị bắt nhà đương cục Anh đã phát hiện đó chính là Lý Thuy, cũng tức là Nguyễn Ái Quốc. Lúc ấy rất nhiều báo Hương Cảng đưa tin. Cùng thời gian này, thân mẫu Tăng Tuyết Minh đang bị bệnh. Cô cùng mẹ đến Hương Cảng trú tại cơ sở chữa bệnh của anh cả là Tăng Cẩm Nguyên. Đọc được tin toà sẽ xét xử chồng mình là Lý Thuy liên nhở bạn bè cũ cùng đến toà. Người đến dự thính xét xử rất đông. Tăng Tuyết Minh phải ngồi nghe cách xa phòng xử án. Nhìn thấy hình dáng tiêu túy của người chồng xa cách đã năm năm mà lòng khôn ngăn trăm mối ngổn ngang. Nhưng do khoảng cách khá xa, lại giữa toà án và vợ chồng chẳng những vô phương trò chuyện mà Hồ Chí Minh thậm chí chắc chắn không hề biết Tăng Tuyết Minh đang ở trước mặt mình. Tăng Tuyết Minh muốn đến thăm nom nhưng có lời truyền ra rằng đây là một trọng phạm chính trị không được phép thăm hỏi, gặp gỡ. Tăng Tuyết Minh hỏi dò nhiều nơi và biết được rằng hội Hồng thập tự quốc tế và luật sư Loseby đang tìm cách cứu Hồ Chí Minh, tình cảnh có lẽ cũng sẽ chuyển biến, đành cùng thân mẫu trở về Quảng Châu, lòng hoang mang không biết làm sao.

“ Tháng 2 năm 1932, thân mẫu Lương thị của Tăng Tuyết Minh bệnh nặng qua đời, hưởng thọ 76 tuổi. Tăng Tuyết Minh chuyển đến công tác ở y xã Quân An ở huyện Đông Hoàn, vốn là cơ cấu phân chi của y xã Quân An huyện Thuận Đức, vẫn làm nữ hộ sinh. Lúc này, cha mẹ cô đều đã mất, anh em đồng nhưng người thì di xa, người thì chết sớm, Tăng Tuyết Minh côi cút độc thân, thật là buồn khổ. Năm 1943, sau tiết xuân, thầy giáo cũ là Trương Tố Hoa mở tại đường Long Tân ở Quảng Châu một phòng chẩn trị, có lời mời Tăng Tuyết Minh đến giúp sức. Cô bèn xin thôi việc ở Đông Hoàn, đến phòng

chẩn trị của Trương Tố Hoa làm nữ hộ sinh và làm việc ở đó cho đến tận ngày (Trung Quốc) giải phóng. Sau khi nước Trung Quốc mới được thành lập, chính phủ tiến hành cải tạo và chỉnh đốn các cơ sở kinh tế tư nhân, thành lập các trạm vệ sinh bảo vệ sức khoẻ tại các khu. Tăng Tuyết Minh hưởng ứng lời kêu gọi của chính phủ, đã đến công tác tại trạm số 8 ở khu vực phía Tây. Về sau trạm này đổi gọi là Viện Vệ sinh Kim Hoa (nay là Viện Y học Trung y khu Lệ Loan). Tăng Tuyết Minh công tác ở đó, hành nghề nữ hộ sinh đến tận năm 1977 khi về hưu.”



Tăng Tuyết Minh năm 1965  
(sáu mươi tuổi)

Thế là từ sau lần trông thoáng thấy chồng ở Hương Cảng, không bao giờ Tăng Tuyết Minh gặp lại Nguyễn Ái Quốc nữa. Theo tác giả Hoàng Tranh, tháng 5-1950, thấy hình Chủ tịch Hồ Chí Minh đăng trên Nhân dân Nhật báo cùng với tóm tắt tiểu sử, bà tin chắc Hồ Chí Minh chính là chồng mình, nhất là sau khi tìm mua được cuốn Truyện Hồ Chí Minh (nhà xuất bản Tân Hoa). Bà đã “ báo cáo với tổ chức ”, đồng thời gửi mấy bức thư cho chủ tịch Hồ Chí Minh thông qua đại sứ Việt Nam tại Bắc Kinh là Hoàng Văn Hoan. Những bức thư ấy “ đều như đá chìm biển khơi (...) thậm chí chúng có được gửi ra khỏi Quảng Châu hay không là điều còn đáng hoài nghi ”. Tuy nhiên, một cán bộ lãnh đạo Quảng Châu đã tới gặp Tăng Tuyết Minh, trao cho bà lá thư của bà Thái Sương (một trong những người đã tới dự tiệc cưới năm 1926 cùng với bà Đặng Dinh Siêu, vợ của Chu Ân Lai) “ chúng thực Hồ Chí Minh chính là Lý Thuy cũng tức là chồng Tăng Tuyết Minh ”. Cán bộ này cũng “ giải thích (...) lí do tại sao không tiện liên lạc với Chủ tịch Hồ Chí Minh, hy vọng Tăng Tuyết Minh hiểu và lượng thứ việc này, yên tâm công tác ”. Văn theo sử gia Hoàng Tranh thì về phần mình, Hồ Chí Minh đã “ từng thông qua Tổng lãnh sự Việt Nam tại Quảng Châu dò tìm tăm tích của Tăng Tuyết Minh, năm 1960 lại nhờ Bí thư Trung Nam cục Đào Chú dò tìm dấu vết của bà ” song “ việc trên đương nhiên không thể có bất kì kết quả gì ” vì “ điều này vào thời ấy hoàn toàn không kì lạ ”.

Bà Tăng Tuyết Minh đã “ yên tâm công tác ” cho đến năm 1977 mới về hưu, sau 52 năm tận tụy với nghề nữ hộ sinh. Theo Hoàng Tranh, gia đình bà theo đạo Công giáo từ đời ông nội, và bà “ thường xuyên đi lễ ở giáo đường ”. Bà “ có thói quen ăn uống đậm bạc, không dùng cá thịt ”, cuộc sống “ vô cùng giản dị ”, “ luôn vui vẻ giúp người ” ...

“ 11 giờ 15 phút ngày 14 tháng 11 năm 1991, sau 86 năm trải qua con đường đầy lận đận long dong, tại nơi cư ngụ [687 đường Long Tân Đông, Quảng Châu], cụ bà Tăng Tuyết Minh đã bình yên nhắm mắt, thanh thản trút hơi thở cuối cùng ”.

HOÀNG TRANH

# Những hoạt động Bảo tồn di sản chữ Nôm

## Những nét lớn về Dự án Tự điển

Hội Bảo tồn Di sản chữ Nôm (Vietnamese Nôm Preservation Foundation - VNPF) mong tìm nguồn tài trợ để xuất bản bộ tự điển Nôm/Quốc ngữ đầu tiên đúng với danh nghĩa của nó. Chữ Nôm, phương tiện diễn đạt tư duy Việt Nam qua nhiều thế kỷ, đang có nguy cơ tiêu vong. Cho tới nay, chưa có ấn bản Nôm nào ngoài các văn bản chép tay, in bằng mộc bản hay sao chụp, mặc dù chữ Nôm đã là công cụ truyền đạt cả một di sản văn học, y học, tôn giáo, âm nhạc, triết lý, sinh hoạt triều đình và văn kiện hành chánh trên 1000 năm. Thế hệ cuối cùng dùng chữ Nôm dần dà mất đi. Hiện nay chỉ còn khoảng 30 người trên toàn thế giới đọc được chữ Nôm, trên tổng số 80 triệu người Việt Nam. Trên 90% thư tịch Nôm chưa bao giờ được phiên sang Quốc ngữ. Nói cách khác, người Việt Nam hiện nay không đến được với toàn vẹn nền văn hoá lâu đời của mình, tuy rằng đó là điều mong muốn của nhiều người trẻ trong và ngoài nước.

Những kiến thức Hội VNPF có được, qua sự hỗ trợ kỹ thuật của thành viên Ban giám đốc Hội cho công trình lịch sử in ấn chữ Nôm (*Spring Essence: The Poetry of Hồ Xuân Hương* - Copper Canyon Press, 2000), cho phép lần đầu tiên in một bộ tự điển chữ Nôm. Chúng tôi đã chọn bốn bộ tự điển (mỗi bộ triển khai một góc độ nghiên cứu riêng) hâu xuất bản dưới dạng ấn phẩm hoặc điện tử. Xuất bản cả bốn bộ sẽ cần khoảng 100 000 USD. Bộ đầu tiên - nhằm giải quyết quyết các vấn đề kỹ thuật điện tử cho các bộ khác - đòi hỏi một ngân sách khoảng 40 000 USD.

Bộ tự điển chúng tôi chọn để xuất bản trước tiên là quyển *Giúp đọc Nôm và Hán Việt* của Linh mục Anthony Trần Văn Kiệm. Linh mục Kiệm là một học giả năm nay 82 tuổi, đã về hưu và sống tại tiểu bang Texas (Hoa Kỳ). Tác phẩm của ông đã hoàn chỉnh sau 20 năm nghiên cứu. Chúng tôi dự trù xuất bản quyển này dưới dạng cả sách lẫn CD-ROM. Quy trình in bộ tự điển này sẽ là chuẩn cho các ấn phẩm Nôm sau này. Công việc này sẽ được thực hiện với sự tham gia và chỉ đạo của các nhà ngôn ngữ học, chuyên gia tin học và toán học già có uy tín tại Việt Nam, Âu Châu và Hoa Kỳ. Mỗi mục từ sẽ được kiểm chứng để đảm bảo tính chính xác và sẽ kèm theo một mã số Unicode cho phép hiển thị chữ Nôm trên các máy tính khắp thế giới. Một khi chữ Nôm đã có thể được trao đổi qua máy tính, toàn bộ các thư tịch Nôm trong các thư viện thế giới sẽ có thể được nhận diện và kiểm kê. Sau khi xuất bản bộ tự điển của Linh mục Kiệm, chúng tôi dự tính tiếp tục xuất bản các từ điển và văn bản Nôm quan trọng khác.

Chưa có cơ quan nào, ở Việt Nam hay nước khác, thuộc lãnh vực nghiên cứu hay lãnh vực khác, đã bắt tay vào mảng công việc này vì lý do rất đơn giản là chưa nơi nào hội đủ các kiến thức kỹ thuật cần thiết. Hội VNPF, ra đời qua sự dấn thân

của một nhóm chuyên gia tình nguyện trên ba lục địa, là tổ chức được trang bị để làm công trình này. Tất cả các dự án của chúng tôi - đầu tiên là các tự điển - đều liên quan đến việc bảo tồn các tác phẩm Nôm, và qua đó góp phần làm hiểu rõ hơn tiếng nói và văn hoá Việt Nam.

Tâm quan trọng của dự án tự điển thật rõ ràng. Qua đây lần đầu tiên sẽ có một công cụ chính xác không những cho các học giả mà còn cho phép bất cứ ai đọc được chữ Quốc ngữ tiếp cận và học chữ Nôm. Xuất bản bộ tự điển của Linh mục Kiệm sẽ là bước đầu mở ra cho chúng ta kho tàng văn học tích lũy từ nhiều thế kỷ của Việt Nam, bị mai một vì chiến tranh.

## Chương trình học bổng

Ngoài việc xây dựng các công cụ nghiên cứu cho việc tìm hiểu di sản văn học Việt Nam viết bằng chữ Nôm, Hội VNPF còn dành một số học bổng cho các sinh viên đặc biệt quan tâm về Nôm. Cho đến nay, chúng tôi đã tài trợ hai sinh viên cấp tiến sĩ dùng chữ Nôm trong các công trình nghiên cứu, và một sinh viên trẻ, người Mỹ gốc Việt, thông thạo tiếng Hán cổ và tiếng Hy Lạp cổ, học chữ Nôm. Chúng tôi cũng dự tính tài trợ những người trẻ ở Việt Nam mong muốn nghiên cứu về gia tài văn hoá của dân tộc. Trong từng trường hợp, chúng tôi thu xếp và giới thiệu sinh viên với một học giả Nôm tại Việt Nam. Mỗi học bổng trung bình là 1 200 USD cho sinh viên từ nước ngoài, và khoảng 600 USD cho sinh viên tại Việt Nam. Số tiền này có thể gồm chi phí di chuyển và ăn ở, nhưng chủ yếu là để trả thù lao cho thầy dạy chữ Nôm.

Chương trình học bổng có lợi ích nhiều mặt : tăng cường sự hiểu biết và quan tâm về 1000 năm di sản đồ sộ các thư tịch viết bằng chữ Nôm, và tăng số người am hiểu về truyền thống Nôm trong thi ca, y học, hành chánh, xã hội, văn học, triết lý, chính trị, lịch sử và tôn giáo. Đồng thời góp phần hỗ trợ tài chánh cho các học giả tại Việt Nam là những người truyền đạt di sản này.

Hội VNPF tin rằng tương lai của Việt Nam gắn liền, ít ra là trong một chừng mực nào đó, với ý thức về quá khứ, và quá khứ văn học chứa đựng trong chữ Nôm là một phần phong phú trong giòng chảy tiếp nối của văn hoá Việt Nam.

## Học bổng David Lane Gitelson

David Lane Gitelson là một thanh niên tham gia chương trình cứu trợ các nạn nhân của Tổ chức Tình nguyện Quốc tế (*International Voluntary Services*, tương đương với tổ chức *Peace Corps* của Hoa Kỳ) tại Việt Nam trong chiến tranh. Anh bị ám sát tháng giêng năm 1968 khi đem hàng cứu trợ đến một làng vừa bị bom. David có ước mơ thấy một nước Việt Nam hoà bình và xây dựng trên giá trị văn hoá giàu có của mình. Những nhà hảo tâm có thể đóng góp vào Quỹ Học bổng của Hội VNPF để tưởng nhớ anh.

Hội VNPF, thành lập tại Florida, là một hội từ thiện không có mục đích vụ lợi, đăng ký tại Sở Thuế Hoa Kỳ theo điều lệ 501 (c) 3 (cho phép trừ thuế những đóng góp tài chính cho Hội). Hội độc lập với mọi tổ chức hay phong trào chính trị, tôn giáo.

Để biết thêm chi tiết về Hội Bảo tồn Di sản Nôm, xin xem trang Web của Hội: <http://nomfoundation.org>, hoặc liên lạc qua email về địa chỉ: [info@nomfoundation.org](mailto:info@nomfoundation.org).

**Hội VNPF**

## Vài lời về ông Laurent Schwartz

Bùi Trọng Liễu (\*)

Chuyện ông Laurent Schwartz với Toà án Russell và Comité Việt-Nam trong thời kháng chiến chống Mỹ, việc ông gặp Hồ Chủ tịch và Thủ tướng Phạm Văn Đồng, vv. đã có người khác kể. Tôi chỉ xin đề cập đến những sự việc mà tôi ít nhiều liên quan.

Khi nhận được cuốn hồi ký của ông (*Un mathématicien aux prises avec le siècle*, nxb Odile Jacob, 1997), với câu ông đề tặng (“[...] với những kỷ niệm về những công việc chúng ta đã cùng làm cho Việt Nam”), tôi gọi điện để cảm ơn ông ; ông hỏi có điều gì viết nhầm liên quan đến tôi không, tôi trả lời là có 2 điều : ông đã ghi nhầm nơi tôi đang làm việc, và nhầm về địa điểm một buổi họp. Ông cười bảo tại viết lúc đã cao tuổi, lại nhiều sự việc không ghi hết nên nhớ sai. Mà quả là, chỉ riêng vấn đề Việt Nam, cũng đã nhiều sự việc trải qua đời ông. Tôi lấy sự việc kể trên để mào đầu cho mấy câu chuyện sau đây :

Trước khi chuyển về Paris, tôi có một thời hơn sáu năm làm giáo sư đại học Lille và là đồng nghiệp của bà vợ ông, mà trước đó, bà lại là giáo sư ở Reims, nên ông nhầm. Vào lúc bắt đầu Mỹ ném bom miền Bắc Việt Nam, một bút tôi nhận được thư của bà Hoàng Xuân Sính (1) từ Hà Nội, yêu cầu tìm cho bà mấy tập kỷ yếu xê-mi-na về “Thuyết phạm trù” của ông C. Chevalley, cũng là nhà toán học nổi danh. Tôi không quen ông này nên nhờ bà Schwartz hỏi hộ. Từ bà sang đến ông, từ ông sang đến ông Chevalley, rồi lan sang đến người khác, các ông bà ngạc nhiên hỏi tôi sao dưới bom đạn như vậy mà vẫn còn một đời sống khoa học, vẫn có người nghiên cứu, vẫn có người soạn luận án... Các ông bà đề nghị hỗ trợ sách báo, tài liệu, dụng cụ vv. để đời sống khoa học tiếp tục tồn tại và phát triển dưới bom đạn, (mà theo tôi, nó chứng tỏ một sự quyết tâm tồn tại trước sự áp đảo của kẻ cậy mạnh). Đây quả là một hình thức đấu tranh tinh tế (subtil), nhẹ nhàng nên dễ huy động đồng đảo, góp phần tuyên truyền đấu tranh cho hòa bình, mà lại thực tế. Nhưng cũng phải nói là thuở ấy, không ít người Việt Nam, vì tự hào dân tộc hoặc vì sự cấp bách của thời cuộc, cho rằng đó là sự phù phiếm (2). Không tìm được một “ô dù”, tôi đành tự lấy quyết định nhận lời đề nghị của mấy ông bà kể trên — nhận lời “trong run rẩy”. Phong trào ấy lan ra các nước, và diễn biến ra sao, chắc khỏi cần nhắc lại...

Tháng 8 năm 1970, sau mấy tuần làm việc trong nước, tôi trở về Pháp. Trước khi rời Hà Nội, tôi được dặn là thay mặt anh chị em toán học trong nước tại Hội nghị quốc tế Toán học ở Nice. Tôi hỏi : nếu các bạn năm châu bốn biển hỏi tại sao trong thời cuộc như vậy mà lại vắng mặt của một đoàn Việt Nam, thì tôi trả lời thế nào ? Tôi được “giải thích” là : thiếu gì cách trả lời ! Tôi vì kỷ luật mà nhận, nhưng nói thật ra thuở ấy trong bụng tôi thầm “oán” việc trao nhiệm vụ này cho tôi.

Đến Nice, tôi gặp ông Schwartz trao đổi. Ông yêu cầu tổ chức một buổi họp về Việt Nam, và phân công : ông A. Grothendieck, ông A. Martineau và ông (cả ba mới đi Việt Nam về cách đó không lâu) trình bày về các chuyến đi của các ông, còn tôi đại diện cho anh chị em trong nước (3). Buổi họp tập hợp khoảng ba trăm người. Quả như tôi dự đoán, tôi bị cản vặt về việc tại sao không có đoàn Việt Nam. Tôi trả lời ngắc ngứ “ngoại giao”, ông Schwartz tinh ý tiếp lời nói với cử toạ, đại ý như sau : giả thử chúng ta có hỏi trực tiếp, anh chị em Việt Nam cũng không trả lời thật với chúng ta đâu ; chúng ta nên đoán thôi ; và chúng ta sẽ không lâm khi chúng ta nghĩ rằng anh chị em Việt Nam không có tiền đề đi dự ; lần này thì đã lỡ, nhưng lần sau thì chúng ta phải lưu ý tài trợ. Tôi thầm cảm ơn ông ; nhờ ông mà nhiệm vụ được hoàn thành : *Việt Nam không xin, mà được đề nghị hỗ trợ*. Cũng trong buổi họp này, có một người “quá khích”, phát biểu ý rằng nghiên cứu khoa học lúc này không phải là vấn đề ưu tiên cho Việt Nam, mà chỉ là một “cớ” (alibi) để mẩy nhà khoa học phương Tây an ủi lương tâm của chính mình mà thôi. Câu nói này làm ông J.-P. Kahane nổi giận quát tháo âm ĩ, còn ông Schwartz thì trả lời rằng : những gì mà chúng ta có quyền làm, mà từ chối không cho người khác quyền được làm thì là một thứ kỳ thị [chủng tộc]. Và ông đã thuyết phục cử toạ (4).

Vì thế nên đến Hội nghị quốc tế Vancouver (1974) có sự tài trợ cho đoàn Việt Nam. Lần này, đoàn gồm ông Lê Văn Thiêm và bà Hoàng Xuân Sính. Trên đường đi, Đoàn ghé Paris, tôi có đưa đoàn tới gặp ông Schwartz ; ông tiếp đón ân cần, và nhắc lại nhiều chuyện khắng khít giữa ông Thiêm và những nhà toán học Pháp (5).



Hai nhà toán học Marie-Hélène và Laurent Schwartz trong một chuyến thăm Việt Nam. Ảnh chụp tại Cao Bằng năm 1978. Người đứng bên trái là Tạ Quang Biều.

Sau chiến tranh, ông Schwartz lại có mấy dịp sang Việt Nam ; trong một lần, tôi gợi ý trong nước mời luôn cả bà : tôi không quên vai trò “đầu mối” của bà trong việc phát động phong trào sách báo mười mấy năm trước. Rồi đến 1990, một quan chức của ta ghé Paris, lại mời ông sang thăm Việt Nam lần nữa. Mời rồi mà chưa biết mời ông sang để làm gì. Được phía các người có nhiệm vụ tổ chức đón tiếp hỏi ý, tôi nêu việc ông đang là chủ tịch “Ủy ban đánh giá các trường đại học [Pháp]” (Comité d’Evaluation des Universités) và gợi ý mời ông trao đổi về kinh nghiệm đánh giá, mặc dù tôi đoán trước

là “ tiêu chí ” nơi đây chẳng áp dụng được vào nơi nọ, có chẳng là khơi được một vấn đề và một lề lối làm việc (6).

Hồi ông nghỉ hưu ở Đại học, một hội thảo “ vinh danh ông ” được tổ chức tại trường Polytechnique, ông Nguyễn Đình Trí (7) sang dự, có mang theo một bức thư viết tay của Thủ tướng Phạm Văn Đồng mừng thọ ông, và một món quà tặng : đó là một hộp sơn mài có gối lụa để cài xác bướm. Món quà tuy giản dị nhưng đầy tình cảm, vì ông Schwartz là người sưu tập bướm (8).

Năm 1988, khi thành lập Trung tâm đại học “ dân lập ” Thăng Long, tôi có tổ chức việc quyên góp tài trợ. Ông hỏi thăm xuất xứ (9), và sau khi nghe tôi giải thích đâu đuôi câu chuyện, ông nhận tham gia tài trợ. Ông đóng góp rất đều đặn, tổng số cũng là món tiền lớn. Có một lần, ông gọi điện, nói ông khất vì ông đang “ túng ” (fauché) vì ông tính mua thêm một căn phòng gần nhà để chuyển về đó các tài liệu đang tích luỹ ở nơi xa. Nhưng rồi ông lại tiếp tục đóng góp đều đặn cho đến ngày tôi thôi không tham gia hỗ trợ trường Thăng Long nữa.

Câu chuyện cuối cùng về ông mà tôi muốn kể là chuyện sau đây. Vào một buổi chiều năm 1999, ông gọi điện cho tôi và nói chuyện khá lâu ; ông nói đến tuổi già, đến giai đoạn đã thôi làm Toán được rồi, và yêu cầu tôi dọ ý phía Việt Nam xem các anh chị em có đồng ý nhận một số tài liệu, ấn phẩm về Toán của nhiều tác giả mà ông tích luỹ trong nhiều năm, không. Ông nghĩ tới Việt Nam vì cảm tình nhưng cũng nghĩ tới khả năng biết sử dụng. Trong nhiều năm, tôi đã quen với việc ông nhờ dọ ý, khi có những việc mà các ông bà cho là tế nhị, vì ông đánh giá tôi là “ âm thầm, kín đáo ”. Tôi đem việc này hỏi ông Hoàng Tuy (10). Sau khi hỏi ý với anh chị em, ông Tuy nhận lời. Số tài liệu đó, được đưa về đến Hà Nội nhờ sự chuyển vận miễn phí của công ty LCV của hai người bạn thân thiết của Việt Nam, các ông Raymond Aubrac và Joel Luguerne (11).

Tôi viết mấy dòng này, khi vừa được tin ông mất. Tài năng là bẩm tính “ trời cho ”, nhờ nó mà có được danh vọng, nên tôi chẳng cần tán dương. Nhưng tính hào hiệp, lòng vị tha và sự thuỷ chung, thì thuộc ở con người, lại càng đáng kể khi thuộc ở con người đã hiền đạt. Trên các mặt này, ông là cái gương sáng.

## Bùi Trọng Liễu

4/7/2002

(\*) Giáo sư Đại học René Descartes - Paris V.

(1) Chị Sính trước là Việt kiều ở Pháp. Sau khi đỗ agrégation về Toán, chị về nước năm 1960, giảng dạy ở Đại học sư phạm Hà Nội, và tiếp tục nghiên cứu. Tôi có ông bạn đồng nghiệp vong niên, trước là thầy cũ của chị, nên biết. Sau chị chuyển làm luận án dưới sự hướng dẫn [từ xa] của giáo sư Grothendieck (huân chương Fields), và trở sang Paris bảo vệ luận án tiến sĩ nhà nước trước ngày giải phóng miền Nam. Ông Schwartz thường khoe là chị có được một ban giám khảo toàn các nhà toán học trứ danh của Pháp thời đó : ông Grothendieck, ông H. Cartan, ông Schwartz, ông Verdier ...

(2) Đây không phải là chuyện hoang đường, và tôi đã có dịp nhắc tới

trong bài tưởng niệm ông Tạ Quang Bửu trên báo *Đoàn Kết* số 384, 1986.

(3) (Cố) giáo sư A. Martineau lúc đó là người phụ trách hậu cần Hội nghị, và giáo sư A. Grothendieck đều là học trò cũ của ông Schwartz. Hôm đó, ông Schwartz bảo : cử toạ đa số nói tiếng Anh, đề nghị nói tiếng Anh. Tôi từ chối vì lẽ là về mọi mặt tôi là kẻ phải tự học, thuở trước tôi không được học tiếng Anh ở trường, nên tôi nói rất dở ; ông Martineau cũng than, nên ông Schwartz phân công : ông Grothendieck và ông nói tiếng Anh, còn ông Martineau và tôi tuỳ ý. Tôi chỉ nói ba bốn câu tiếng Anh, rồi tôi nói tiếng Pháp. Sau này đọc hồi ký của ông, tôi mới biết là chính ông thuở trẻ cũng chẳng được học tiếng Anh. Mà quả là hôm đó, ông nói thỉnh thoảng lại hỏi cử toạ chữ này chữ nọ tiếng Anh gọi là gì, rồi lại thản nhiên nói tiếp. Nay tôi liên tưởng đến một câu chuyện khác. Thuở trẻ ông có một thời bị bệnh, nên sau này sức khoẻ không tốt lắm. Tôi thời trẻ cũng phải nằm dưỡng dưỡng còn lâu hơn ông. Khi ông biết thân thể tôi không có “ dự trữ ” nên mỗi lần dạy học tôi phải gượng nuốt vài miếng bánh trước khi vào giảng đường, ông bảo tôi nên bắt chước ông, đừng ăn gượng như vậy, cứ vào dạy, lúc nào thấy mệt thì cứ lấy bánh ra vừa dạy vừa ăn. Nhưng tôi đâu có làm như vậy được ; ý tôi muốn nói là : tuy cùng một tình huống, nhưng phải tuỳ cái “ thế ” của mình mà mỗi người có cách ứng xử cho phù hợp.

(4) Ông J.-P. Kahane là giáo sư Đại học Paris ; ông là đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, sau này có một thời là uỷ viên Trung ương của đảng này ; ông rất nhiệt tình với Việt Nam nên ai nói ngang có vẻ cản việc hỗ trợ Việt Nam là ông giận. Hôm đó, ông Grothendieck cũng cứ giục tôi phản ứng mạnh ; tôi bảo khoan khoan, cứ để ông Schwartz trả lời như vậy là êm rồi, và lại vai trò của ta là tranh thủ đồng đảo mọi người. Trong cuốn hồi ký của ông Schwartz, ông viết nhầm sự việc ở Nice với một buổi họp tại một giảng đường đại học Paris, và ông nhớ lầm người nói câu nói quá khích kia với một người khác đã nhiều lần “ đấu ” ông về ý thức hệ. Còn tác giả cái câu nói ở Nice, cũng là một đồng nghiệp cũ của tôi, thì sau buổi họp, lại tìm tôi xin lỗi mãi.

(5) Giáo sư Lê Văn Thiêm xưa kia du học ở Pháp, agrégé Toán, docteur d'Etat về Toán, trước là cựu học sinh trường Ecole Normale Supérieure rue d'Ulm, cũng như mấy nhà toán học chủ chốt của Pháp, nên họ coi là “ đồng bọn ”. Ông H. Cartan kể với tôi là khi anh Thiêm còn đang soạn luận án dưới sự hướng dẫn của ông G. Valiron (cũng là người hướng dẫn ông Schwartz), ông này ở gác trên, ông Cartan ở gác dưới cùng địa chỉ đại lộ Brune, anh Thiêm hay lại, nên gặp luôn. Hồi ông kể, là lúc ông nhờ tôi nhắn anh Thiêm xin cho Hội Toán Việt Nam gia nhập Liên hiệp Toán học quốc tế, vì ông đang phụ trách nên có ảnh hưởng, có thể giúp thực hiện. Anh Thiêm về nước hồi đầu kháng chiến chống Pháp, đi bộ hàng nửa năm từ Nam ra Bắc, vất vả xây dựng nền Toán học Việt Nam, nên các ông bà toán học Pháp rất quý. Hồi đi Vancouver, anh Thiêm đang là “ quyền ” viện trưởng Viện Toán học Việt Nam. (Không thay ai mà lại “ quyền ”, mãi sau mới “ thực thụ ”, đang là giáo sư ở Đại học Tổng hợp bỗng ra Viện Toán. Anh được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh khi đã mất, chỉ còn chia một phần tiền tặng cho Viện Toán. Nhưng tôi viết vậy thôi, còn các chi tiết khác, xin để cho các buổi tửu hậu trà dư). Trở lại câu chuyện Ecole Normale Supérieure rue d'Ulm và Việt Nam. Hồi tôi còn phụ trách Hiệp hội khoa học kỹ thuật Việt Nam tại Pháp, trong nhiều năm, trường này thường cho mượn phòng để họp mít tinh. Đến thời ông G. Poitou, nhà toán học, làm hiệu trưởng, tôi cùng 2 đại diện Hội có lại gặp ông, tặng trường một tấm sơn mài mô típ trống đồng, để tỏ lời cảm ơn. Ông với tôi cũng là đồng nghiệp cũ thời tôi còn dạy ở đại học Lille. Ông nhắc lại mối thiện cảm của nhà trường và của các ông hiệu trưởng trước, và đặc biệt của các nhà toán học Pháp đối với Việt Nam, rồi có nói vui một câu là trường giống như cái nhà “ trống ” : không có bẳng cấp riêng (học sinh thi bằng

cấp của Université), không có giáo sư riêng (giáo sư là giáo sư Université)..., chỉ có cái tiếng thời. Là kẻ ngoại đạo, tôi thầm nghĩ : “ và sự tương trợ ”. Các ông tôi kể tên trong bài (trừ ông Grothendieck) và bà M.-H. Schwartz, đều là cựu học sinh của trường (trường này thuở trước tuyển cả nam nữ sau tách riêng nam và nữ, rồi lại gộp lại). Nhưng sự tương trợ không chỉ ở phạm vi “ đồng trường ”. Quan hệ gia đình cũng đóng một vai trò rất quan trọng cho sự chuyển giao hiểu biết : ông Schwartz là cháu gọi nhà toán học Hadamard bằng ông cậu, bà M.-H. Schwartz là con nhà toán học Paul Lévy, ông H. Cartan là con nhà toán học Elie Cartan, vv.

(6) Trong dịp này ông có đi thăm và đánh giá một số trường. Bản báo cáo của ông không được công bố. Tôi có được ông cho ngó một đoạn. Thuở ấy, cái từ “ thạc sĩ ” mới được chính thức dùng theo nghĩa master (bắt chước Trung quốc) mặc dù tôi đã hết sức can vì lẽ rằng từ “ thạc sĩ ” xưa kia đã được dùng để dịch chữ agrégé của Pháp, dùng như vậy sợ lẩn lộn. Một số người trong nước khi trình bày cho ông Schwartz nghe đội ngũ của một số đại học của ta, nói là có bao nhiêu docteurs và bao nhiêu... “ agrégés ” ! Miễn bàn.

(7) Giáo sư Nguyễn Đình Trí, trước là Hiệu phó Đại học Bách Khoa Hà Nội, nay là Chủ tịch I.F.I. (Institut de la Francophonie pour l’Informatique ở Hà Nội, mà tên cũ là Institut Francophone d’Informatique). Viện này có giám đốc là người nước ngoài, còn Chủ tịch là anh Trí từ thời thành lập.

(8) Trước kia ông có hỏi tôi về khả năng săn bướm ở Việt Nam. Tôi có báo cho ông Tạ Quang Bửu biết trước, nên có lần ông sang, ông được tổ chức đưa đi bắt bướm, vào dịp thăm Cao Bằng. Ông có một bộ bướm nghe nói đến hơn 20000 con.

(9) Do tôi gợi ý, 5 anh chị trong nước đứng ra xin phép thành lập. Trong 5 “ sáng lập viên ”, thì 4 là nhà toán học. Từ “ dân lập ” xuất hiện đầu tiên vào thời điểm này. Khi đó Liên Xô và khối các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu còn đang tồn tại ; các thức giả nước ngoài cho là việc kỳ lạ của Việt Nam. Ai muốn kiểm chứng, có thể tìm đọc lại các bài báo lúc đó như *The New York Times* 25/4/1989, *International Herald Tribune* 26/4/1989, *Far Eastern & Economic Review* 20/9/1989..., *Nhân Dân Chủ Nhật* 26/2/1989, vv. hoặc bài viết sau này của tôi trong *Diễn Đàn* 1/7/1994. Tôi cũng kể lại chi tiết trong cuốn hồi ký *Chuyện gia đình và ngoài đời* và có nhắc đến công ơn của các người đã đóng góp tài chính và hỗ trợ cho trường trong 4 năm liền. Nhắc lại là thuở đó, trường nâng đỡ sinh viên, chứ chưa có cảnh sinh viên đóng học phí cao để nuôi các trường như ngày nay.

(10) Giáo sư Hoàng Tuy, nguyên viện trưởng Viện Toán (khi anh Thiêm chuyển vào thành phố Hồ Chí Minh), là một chuyên gia về Toán học tối ưu mà nhiều nơi trên thế giới biết tiếng. Anh đã là giáo sư thỉnh giảng của nhiều đại học nước ngoài, và là docteur honoris causa của Đại học Linkoping, Thụy Điển, và có giải thưởng Hồ Chí Minh. Thuở sinh thời, anh Thiêm nhiều lần nói với tôi là anh Tuy đã mở được cho Toán học Việt Nam một con đường độc đáo.

(11) LCV là tên tắt của Laos-Cambodge-Vietnam / Livres-Cassettes-Vidéos. Anh Luguern, chargé de mission ở Fondation France-Libertés của phu nhân [cố] tổng thống Mitterrand, cũng là tác giả của cuốn *Le Viêt-nam*, nxb Karthala 1997, là người ủng hộ nhiệt tình với TTĐH dân lập Thăng Long trước kia. Ông bà Aubrac là hai nhân vật kháng chiến chống Đức quốc xã trong thế chiến 1939-1945, và là nhân vật của cuốn phim *Lucie Aubrac* của đạo diễn Claude Berri. Ông Aubrac là tác giả của cuốn *Où la mémoire s’attarde*, nxb Odile Jacob 1996. Thời đàm phán Việt-Pháp 1946 (Hội nghị Fontainebleau), Hồ chủ tịch ở nhà ông bà này. Tôi biết ông nhưng không “ quen ”, chỉ chào hỏi khi gặp ở những buổi họp của CID-Vietnam (Centre d’Information et de Documentation sur le Viet Nam contemporain) mà ông và tôi cùng một số người khác, là những “ người sáng lập ” (membres fondateurs) ; tôi có mặt là vì yêu cầu của phong trào thuở đó.

**L**aurent Schwartz đã từ trần ngày 4 tháng 7 năm 2002, thọ 87 tuổi. Ông là một trong những nhà toán học lớn của Thế kỷ 20, được trao huân chương Fields năm 1950 (coi như giải Nobel về toán học) mấy năm sau khi ông tạo dựng lý thuyết các phân bố (théorie des distributions), nổi rộng khái niệm hàm số cổ điển, mở ra những phát triển lớn trong ngành giải tích điều hoà, mang lại nhiều ứng dụng trong vật lí lí thuyết. Laurent Schwartz là thành viên của nhóm Bourbaki, đồng thời là một nhà giáo đại tài (ông lần lượt là giáo sư các trường Đại học Nancy, Paris, Denis Diderot và Ecole Polytechnique) và một người quan tâm tới cải cách đại học và các “ trường lớn ” của hệ thống giáo dục Pháp.

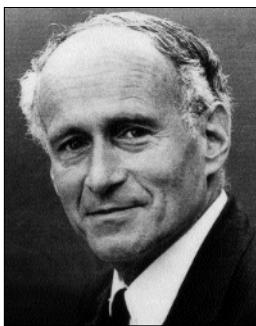
Cuộc đời của ông còn là lịch sử một cuộc dấn thân không mệt mỏi cho độc lập của các dân tộc và tự do cho con người. Lịch sử đại học Pháp còn ghi lại một trang sử vàng : Laurent Schwartz thay mặt học trò của mình, Maurice Audin (giảng viên Trường đại học Alger, đảng viên Đảng cộng sản Algérie, bị quân đội Pháp tra tấn và thủ tiêu), bảo vệ luận án tiến sĩ toán. Cùng với Jean-Paul Sartre, Pierre Vidal-Naquet, ông kí **Tuyên ngôn của 121 trí thức Pháp ủng hộ kháng chiến Algérie**. Trong thập niên 60, ông đã khởi xướng những cuộc mít tinh lớn **Sáu giờ vì Việt Nam**, thành lập Uỷ ban Việt Nam, và tham gia Toà án Quốc tế Bertrand Russell lên án chiến tranh Mỹ ở Việt Nam. Cho đến những năm tháng cuối cùng, bên cạnh người bạn đời của mình, nhà toán học Marie-Hélène Schwartz (nhũ danh Lévy), ông vẫn luôn luôn gắn bó với nhân dân Việt Nam : đời trả tự do cho Dương Thu Hương, giúp đỡ nhà sử học Georges Boudarel bị phe cực hữu tấn công vì đã tham gia kháng chiến Việt Nam, gửi sách toán tặng Việt Nam...

Tôi có may mắn được học Laurent Schwartz (LS) cách đây hơn 40 năm khi ông dạy giáo trình MMP (Phương pháp toán học cho vật lí học). Từ đó mà dám tự gọi là học trò của một nhà toán học vĩ đại thì đúng là lạm dụng danh nghĩa. Nhưng quả thật là thế, từ những buổi chiều ấy (do sức khoẻ, LS thường chỉ dạy vào buổi chiều) ở giảng đường Hermite, Học viện Henri Poincaré, tôi suốt đời coi ông là người thầy. Cố nhiên, nhờ cách giảng dạy hết sức sinh động và “ sáng ngời ” của ông, tôi và các bạn đồng học tiếp thu dễ dàng những điều sơ đẳng về lí thuyết phân bố. Nhưng bài học lớn nhất mà chúng tôi học được ở ông là bài học làm người, làm người trí thức dấn thân, gắn liền đậm mê cái đẹp của toán học với những hoài vọng cao đẹp của kiếp người.

Năm ấy, chiến tranh Algérie ở cao điểm. Không phải ở chiến trường (chiến tranh Algérie khác chiến tranh Việt Nam trước đó và sau này), mà chủ yếu ở chính trường. Cuộc chiến tranh đã lộ mùi “ bẩn thỉu ”, nhưng tham chiến lại là đồng đảo thanh niên đi quân dịch, các đảng phái tả (kể cả Đảng cộng sản) chỉ đòi hoà bình, đòi thương lượng với mặt trận FLN, nhưng không đảng nào dám dứt khoát đưa ra khẩu hiệu phản

# Laurent SCHWARTZ

1915-2002



chiến. Tuyên ngôn “ 121 ” (số người kí tên, trong đó có Sartre, de Beauvoir, Vidal-Naquet, Schwartz...) lên án cuộc chiến tranh, khẳng định quyền của thanh niên chống đิ quân địch, khẳng khái ủng hộ những người Pháp “ mang vali ” giúp đỡ kháng chiến Algérie, vang lên như một hồi chuông thức tỉnh tuổi trẻ. Lúc đó, Laurent Schwartz là giáo sư toán ở Ecole Polytechnique, thuộc quân đội. Ông Pierre Messmer (lúc đó là bộ trưởng quốc phòng, trước đó từng là “ uỷ viên cộng hoà ” nhảy dù xuống Bắc Bộ, sau này có thời làm thủ tướng) tuyên bố cách chức LS và gửi ông một lá thư chính thức : “ Ông đã xác nhận (với viên tướng hiệu trưởng) rằng ông kí bản tuyên ngôn. Lập trường như vậy không tương thích với chức vị giáo sư ở một học viện quân sự. Để ông tiếp tục ở cương vị đó là trái ngược với lương tri và danh dự ”. LS tức khắc đáp lại bằng một bức thư mà ông gửi một bản cho Uỷ ban Maurice Audin. Uỷ ban này đã công bố lá thư trên báo Le Monde : “ Bỏ giảng dạy và bỏ những người học trò rất đáng chú ý, tôi sẽ rất tiếc. Nhưng vấn đề không ở đó. Kèm theo quyết định cách chức tôi, ông lại gửi thư nói để tôi tiếp tục chức vụ này là ‘trái ngược với lương tri và danh dự’. Tôi kí bản tuyên ngôn 121, một phần cũng vì từ mấy năm nay tôi chứng kiến tội tra tấn thì không bị trừng trị còn kẻ tra tấn thì được tưống thưởng. Học trò tôi, Maurice Audin, tháng 6 năm 1957 bị tra tấn và ám sát, còn chính ông, thưa ông bộ trưởng, đã ký lệnh tặng thưởng ‘biệt lệ’ cho đại úy Charbonnier huân chương ‘sĩ quan đoàn Lê dương danh dự’, và tặng thưởng cho thiếu tá Faulques huân chương ‘chỉ huy đoàn Lê dương danh dự’. Vâng, ‘danh dự’. Đến từ một bộ trưởng đã dám lấy trách nhiệm như vậy, thì những suy xét về danh dự chỉ có thể làm tôi thấy lạnh nhạt ”<sup>1</sup>. [Vài năm sau, trường Polytechnique tìm lại được vinh dự có ông trong hàng ngũ giáo sư]. Trong những hoàn cảnh khó khăn, mọi lập trường đều phải trả giá. Cái giá ông phải trả không chỉ ngừng ở việc bị cách chức : nhà ở của ông ở phố Pierre Nicole, gần vườn hoa Luxembourg, đã bị bọn OAS cực hữu đặt chất nổ. Cố nhiên, những sự cố này không thấm gì so với những hiểm nghèo mà Schwartz, lúc đó là một đảng viên trốt-kít, gốc Do Thái, phải thường trực vượt qua trong 4 năm Hitler chiếm đóng nước Pháp.

Gốc Do Thái, Laurent Schwartz tất nhiên gắn bó với dân tộc mình : 6 triệu đồng bào của ông đã chết vì nạn diệt chủng của chủ nghĩa phát-xít. Nhưng, như ông đã viết trong hồi ký, “ hai dân tộc lớn mà trong đời tôi đã đấu tranh vì sự nghiệp của họ là Algérie và Việt Nam trong cuộc chiến tranh giành độc lập ” (sđd, tr.203).

Việt Nam là “ mối tình đầu ” của Laurent Schwartz, hay đúng hơn : ông đã giác ngộ chính trị từ vấn đề Việt Nam. Xuất thân từ một gia đình đại trí thức phái hữu (cha ông là một bác sĩ phẫu thuật giỏi, ông chú là nhà toán học Hadamard), cậu

sinh viên Ecole Normale Supérieure bắt đầu ý thức và dấn thân hoạt động chính trị giữa thập niên 1930, sau khi đọc cuốn *Indochine SOS* của nữ kí giả Andrée Viollis, tố giác cuộc đàn áp của chính quyền thuộc địa ở Đông Dương sau cuộc khởi nghĩa Yên Bác và phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh.

Sự ủng hộ nhiệt tình của Schwartz đối với phong trào giải phóng dân tộc là một thái độ, tiến bộ tất nhiên, song hết sức tinh táo. Khác với một số trí thức Âu-Mỹ, nhất là những người mao-ít hay suy tôn thế giới thứ ba ( *tiers-mondiste* ) trong thập niên 60, ông không hề nuối dường những ảo tưởng, và do đó, sẽ không “ vỡ mộng ”, thậm chí trở cờ như một vài người trong thập niên 80. Một nguyên nhân giải thích việc này : thời trẻ, ông hoạt động trốt-kít (ngoài hoạt động *militant*, ông còn viết một tác phẩm lí luận ngắn về chủ nghĩa Marx, bàn về duy vật biện chứng và khoa học, mà tôi cho là rất có giá trị), sau này ông ra khỏi tổ chức (nhưng vẫn giữ quan hệ tốt với đồng chí cũ), do đó ông biết khá rõ những tệ nạn của chủ nghĩa Stalin, và được “ miễn dịch ” đối với chủ nghĩa Mao. Thái độ của ông đối với cuộc kháng chiến chống Mĩ của Việt Nam, do đó, là sự ủng hộ có suy nghĩ, nhiệt tình mà đúng mức, thường xuyên mà vẫn giữ được tinh thần phê phán.

Điều này cũng giải thích một phần sự chung thuỷ của ông đối với số phận của đất nước và con người Việt Nam. Khi viết những dòng này, tôi hồi tưởng lại những cuộc gặp, những buổi làm việc với ông. Tới “ 6 giờ vì Việt Nam ”, những cuộc mít tinh chật cứng các phòng lớn nhỏ của hội trường Mutualité, cố nhiên. Nhưng sâu sắc hơn, cảm động hơn đối với tôi là một buổi tối, khoảng năm 1979-80, ông điện thoại gọi tôi tới nhà, để bàn “ làm gì giúp Việt Nam ? ”. Thời kì đèn tối ấy, chính trị đối nội như thế nào, không cần nhắc lại. Về đối ngoại, cuộc chiến tranh Campuchia, rồi chiến tranh với Trung Quốc, và nhất là hình ảnh bi thảm của đồng bào vượt biển... đã biến “ Việt Nam anh hùng ” hôm qua hâu như thành một thứ “ paria ” quốc tế. Nói gì với dư luận để bênh vực Việt Nam ? Nói gì với Việt Nam để giúp Việt Nam tránh được những sai lầm ? Nét mặt trầm ngâm của ông, và của bà Marie-Hélène, tối hôm đó, trong hồi tưởng của tôi, tượng phản với nụ cười của hai người và cái nheo mắt hóm hỉnh của Laurent, một buổi chiêu mùa thu năm 1994, khi họ tiếp chị Dương Thu Hương cũng tại căn hộ phố Pierre Nicole. Kỉ niệm làm tôi sững sờ là năm năm sau, tôi bất ngờ gặp ông bà tại bệnh viện La Pitié - Salpêtrière. Lúc đó, ông đi lại hết sức khó khăn (ông vốn yếu chân vì thuở nhỏ bị bại tuỷ xám / polio), cứ đi được 25-30 m phải ngồi xuống nghỉ, vậy mà vẫn đến thăm G. Boudarel. Phải nói, trong suốt 11 năm cuối đời, ông là chỗ dựa tinh thần của “ Bouda ”, từ khi “ Bouda ” bị phe cực hữu hành hạ. Sau đó ít lâu, ông phải qua một cuộc giải phẫu ruột già kéo dài 4 tiếng, sức khỏe càng suy nhược. Vậy mà cuối năm ngoái, nhân ngày sinh thứ 75 của “ Bouda ”, ông nhất quyết yêu cầu tôi chở ông bà đến dự cuộc họp mặt. Tối mùa đông hôm đó, trời lạnh nhưng quang đãng. Ông đi từng bước chậm rãi, một tay chống gậy, một tay nắm nhẹ tay tôi. Dưới chân chúng tôi, thành phố Paris lung linh ánh đèn, trải rộng như hai cánh bướm khổng lồ, lấp lánh, như làm giàu thêm bộ sưu tập mây vạn con bướm quý của Laurent Schwartz (nay đã được trao tặng cho Viện bảo tàng vật học Paris).

Nguyễn Ngọc Giao

(1) Trang 397-398 Hồi ký của Laurent Schwartz, *Un mathématicien aux prises avec le siècle*, Odile Jacob, Paris 1997, xem bài điểm sách của Nguyễn Quang, *Diễn Đàn* số 95 tháng 7.97)

# Nhân đọc Nhà giả kim

Nguyễn Tường Bách

**Paulo Coelho, O Alquimista**, Nhà xuất bản Editora Rocco Ltda, Rio de Janeiro 1988. Bản dịch Việt ngữ : Lê Chu Cầu, **Nhà giả kim**, Nhà xuất bản Lao Động 2002.

Trong truyền thống huyền bí phương Đông, khả năng siêu nhiên mà ta thường gọi là “phép thuật” dường như luôn luôn hiện diện. Chẳng thế mà người Ấn Độ thường nói, tu sĩ mà không có phép chẳng khác nào như cây không có trái. Theo cách nói đó, trong lịch sử Ấn Độ, có lẽ thời kỳ đom hoa kết trái nhất là khoảng từ thế kỷ thứ 8 đến thế kỷ thứ 12 (sau công nguyên). Đó là thời kỳ mà huyền sử còn ghi lại các câu chuyện của 84 vị “Đại thành tựu”<sup>1</sup>, các vị đã đạt những quyền năng siêu việt, thường là kết quả của một thời gian tu tập rất dài.

Các vị “Đại thành tựu” này có thể được xem là thế hệ đầu của Mật tông hay Kim cương thừa Phật giáo. Trong giai đoạn đầu của cuộc đời, các vị vốn sống một cuộc đời dân dã thường tình, có vị vướng nhiều loại đam mê đầy thế gian tính như mê giàu sang, uống rượu, đánh bạc, nũ sắc, nói dối, trộm cắp... Dĩ nhiên, xưa cũng như nay, quá say mê những thứ đó thì cuộc đời chỉ sẽ dẫn đến sự khủng hoảng. Trong cảnh ngộ tối tăm nhất, may thay các vị đó sớm gặp một “du-già sư” để nghe một lời chỉ dạy. Các vị được dạy hãy sử dụng những cách thử nghiệm rất gần gũi với niềm mê say của mình, dùng thói quen xấu cố hữu mà “quán” về một cái rất lạ mà đạo Phật gọi là “Tính Không”<sup>2</sup>. Và sau một thời gian cõi 12 năm, các vị đó bừng tỉnh về một điều mà chỉ họ mới biết, song song các vị đạt thêm một loạt những quyền năng mà người thường như chúng ta chỉ biết ước mơ.

Trong các thứ quyền năng được kể lại thì có hai “thành tựu” được chú ý nhất, đó là phép luyện thuốc trường sinh bất tử và thuật chỉ đá hoá vàng. Người ta còn nhắc lại câu chuyện của vị Nagarjuna<sup>3</sup>, kẻ đã chỉ ngọn núi Gandhasila để biến nó thành sắt, chỉ thêm một cái nữa thì biến thành đồng và sáp sửa chỉ cái thứ ba để biến thành vàng thì Bồ-tát Văn Thủ hiện lên bảo đừng làm thế chỉ gây họa. Nagarjuna dùng tay nhưng Gandhasila ngày nay vẫn còn lấp loáng màu đồng. Một chuyện khác kể về vị Vyalipa, kẻ luyện thuốc trường sinh bất tử cùng với một người đẹp thuộc dòng gái thập thành. Cuối cùng cả hai người cùng thêm một con ngựa đạt ước nguyện bất tử nhưng lại trốn đời, sống trên một hòn đảo hẻo lánh để khỏi có ai đánh cắp bí quyết của mình. Như đọc giả tinh ý đọc đến đây đã đoán ra, các vị Đại thành tựu đó xem ra còn vướng bận thế gian nên cuối đời họ chỉ nhập vào thế giới của các vị Không hành nữ<sup>4</sup> (Dakini) chứ không thể nhập được vào Niết-bàn thanh tịnh.

Phương Tây không phải là không có khuynh hướng huyền bí. Họ cũng tìm cách chế luyện thuốc trường sinh bất tử, tìm thuật “biến chì thành vàng” mà quan trọng nhất là tìm cho ra “đá tạo vàng”. Hòn đá này có cái “bí nhiệm của cuộc đại hoá”<sup>5</sup> là chữa lành mọi thứ bệnh, mang lại sự bất tử và biến tất cả kim loại thành vàng ròng. Trong thời Trung cổ từ khoảng thế kỷ thứ 13 đến 16 tại phương Tây, đây là một ngành khoa học hẵn hoi được gọi là Alchimie mà kẻ bắt tay thực hành được gọi là Alchimist (Nhà giả kim). Môn học này được nhiều trí giả quan tâm mà người quan trọng nhất hẳn là nhà thần học xuất chúng Thomas Aquinas (1225-1274) với nhiều tác phẩm đáng chú ý. Sau Thomas Aquinas có Paracelsus (1493-1541), kẻ được tôn là tổ sư ngành dược của Đức. Một điều ít người biết là cả Newton (1643-1727), cha đẻ của nền vật lý cổ điển cũng đến với ngành học huyền bí này.

Thế nhưng ngày nay không còn ai nhắc tới Nhà giả kim nữa. Dĩ nhiên thôi. Tại Tây Tạng, nơi mà Kim cương thừa còn sót chút vàng son thì gót giày của bộ đội Trung quốc không thể làm ai tin có một quyền năng siêu nhiên nào khác hơn sức mạnh của súng đạn. Còn muốn kiếm vàng bạc thì xem ra làm nô lệ cho ngoại bang hay tham gia trò chơi tham nhũng lan tràn trong các xã hội châu Á dường như bảo đảm thành công hơn ngồi đó mà quán “Tính Không”. Còn tại phương Tây, bóng tối của thời Trung cổ đã vĩnh viễn đi vào quá khứ, thảng có ai nhắc tới Nhà giả kim thì được hiểu như một câu chuyện châm biếm.

Vì những lẽ đó, tác phẩm của Paulo Coelho mang tựa đề **O Alquimista**<sup>6</sup> (**Nhà giả kim**) mới đâu dẽ làm người đọc hoang mang, không hiểu nội dung có thể là điều gì. Thế nhưng chỉ đọc vài trang đầu của cuốn sách, ta đã cảm nhận một mạch văn đầy chất người và khó để cuốn sách xuống. Người đọc sẽ không ngạc nhiên khi biết tác phẩm này đã được dịch ra trên 41 thứ tiếng và đã phát hành 11 triệu bản trên thế giới. Gần đây dịch giả Lê Chu Cầu đã chuyển sang Việt ngữ tác phẩm này và đã cho ra mắt bạn đọc Việt Nam.

Câu chuyện nói về một cậu chăn cừu Santiago sống ở miền nam Tây Ban Nha. Cậu mơ thấy một kho báu tại Kim tự tháp ở Ai Cập. Thế là cậu quyết lên đường đi theo tiếng gọi của giấc mơ. Sau một lần bị lừa bịp ở Bắc Phi, tiền bạc cạn sạch, cậu chỉ mong về lại quê chăn cừu. Thế nhưng đến ngày mà cậu đủ tiền trở lại Tây Ban Nha thì cậu lại nhớ đến giấc mơ của mình và lại lên đường. Giữa đường cậu gặp nhiều người lạ — dường như họ là sứ giả của tâm linh — cậu dần dần tìm ra mối manh của cuộc đời. Trong một cuốn sách nợ cậu lần đầu nghe đến các “Nhà giả kim”, đó là những người luyện được vàng từ kim loại. Cậu tìm gặp được người đó và được dạy cho bài học đích thực của cuộc đời : “*Hãy bảo với trái tim rằng, sợ phải đau khổ còn đau đớn hơn là chính sự đau khổ, và chưa từng có trái tim nào phải chịu đau khổ khi tìm cách thực hiện giấc mơ vì mỗi phút giây tìm kiếm là một khoảnh khắc gấp gỡ Thượng Đế và sự vĩnh hằng*” (trang 141).

“*Đừng bao giờ từ bỏ ước mơ của mình*”, đó là thông điệp của cuốn sách. “*Hãy biết nhìn dấu hiệu và lần theo dấu hiệu của cuộc đời*”, đó là phương pháp sống. “*Vì khi đã quyết tâm muốn điều gì thì cả vũ trụ sẽ tác động để giúp đạt được mục*

đích”, đó là niềm xác tín toát lên từ tác phẩm. Cuối cùng cậu chăn cừu biết tin nghe trái tim, chính cậu cũng đã trở thành một Nhà giả kim. Cậu nói chuyện được với sa mạc, với gió, với mặt trời, với thiên nhiên. “Vì khi kim loại bị nung nóng nhiều năm thì chúng sẽ mất đi những tính chất nguyên thuỷ, chỉ còn lại cái Tâm linh vũ trụ thôi” (trang 88). Kim loại mà đã thế, huống hồ con người, vì “tinh hoá kim loại cũng là trong sạch hoá chính mình”. Cuối cùng cậu tìm ra kho tàng, nó nằm đúng chỗ mà ngày xưa cậu đã xuất phát ra đi.

Nhà giả kim — cậu chăn cừu — của chúng ta đã dùng ước mơ để biến một cuộc sống thường nhật tâm thường như sắt như chì để đi theo tiếng gọi của trái tim, tìm thấy vàng ròng trong giấc mơ của mình. Và nơi đây ta thấy sự tương đồng với suy tư của những Nhà giả kim trong thời Trung cổ vì họ tin một cách ngây thơ rằng nếu con người có thể tự chuyển hoá, tự siêu việt mình thì tại sao thuật đó lại không thể áp dụng cho kim loại. Thế nhưng họ lại không tìm được vàng, — như Nhà giả kim nói — vì họ “chỉ chủ tâm tim vàng thôi” (trang 136). Còn các vị Đại thành tựu của Ấn Độ thì sao ? Minh triết hơn nhiều, các vị đó đã dùng chính đời mình để minh hoạ cho thế nhân thấy, từ những đam mê “thấp kém” nhất của đời làm người, nếu biết nhận thức, biết chuyển hoá, biết quán tưởng thì toàn năng sẽ đến vì “cả vũ trụ sẽ tác động để giúp đạt được mục đích”. Đạo chính là sự chuyển hoá nên biểu tượng của Đạo Phật là hoa sen, mọc trong bùn mà tỏa hương thơm ngát.

Đọc Paulo Coelho đôi lúc ta có cảm tưởng như bắt gặp tư tưởng của Ấn Độ giáo như “...khi anh thật tâm mong muốn điều gì thì điều mong muốn đó sẽ được hình thành trong cõi Tâm Linh vũ trụ” (trang 29) hay của Thiên tông như “...khi ăn tôi không làm gì khác hơn là ăn. Khi chạy tôi không làm gì khác hơn ngoài chạy... Đời bao giờ cũng chỉ là khoảnh khắc ta hiện đang sống” (trang 93). Cũng có khi tư tưởng “thiên mệnh” của Khổng Tử dường như hiện lên trên trang sách. Và có thể người đọc sẽ tự hỏi, gã chăn cừu mà “tri thiên mệnh” được rồi, còn ta sao mãi lóng bồng !

Về bản dịch Việt ngữ thì đây là một bản dịch hoàn toàn thành công. Lê Chu Cầu vốn đã là một nhà dịch thuật giàu từ ngữ, giàu chất thơ. Trong bản dịch này, Lê Chu Cầu — vì không trực tiếp dịch từ tiếng Brazil — đã nghiêm túc so sánh hai bản dịch tiếng Đức<sup>7</sup> và tiếng Anh<sup>9</sup> để đạt được sự trung thực cao nhất. Có lẽ cũng nhờ xuất phát từ hai bản dịch mà Lê Chu Cầu không bị phụ thuộc vào bản nào, để cho ngôn từ tiếng Việt độc lập diễn tả. Nhờ thế mà bản dịch không bị sự vướng víu thường tình của văn dịch. Quan trọng nhất là Lê Chu Cầu đã lựa đúng một tác phẩm có rung động đúng tần số của mình nên bản dịch dường như bản chính viết bằng Việt ngữ. Trong sách có những câu văn nghe rất nhẹ nhàng như “Đời khi không có cách gì ngăn được dòng đời” (trang 65). Người đọc mới nghe thoảng thì như một tiếng thở dài nhưng ngẫm lại, câu văn nói lên tính cá thể nhỏ bé trong một vũ trụ mênh mông và đầy bí ẩn, nói lên lòng kính sợ của con người trước “bí nhiệm của Đại hoá”. Câu nói bâng quơ đó là gì nếu không phải nó chính là hòn đá của sự minh triết ?

Cuốn sách nhỏ bé chưa đầy 200 trang, mới đâu tưởng chừng như chỉ là một câu chuyện đời lâng mạn không ngờ dẫn

ta qua vô số ẩn dụ của triết lý phương Đông và cuối cùng đến nhận thức luận quan trọng nhất : “Thế giới chỉ là phần thấy được của Thượng Đế” (trang 153). Tác phẩm *Nhà giả kim* của một tác giả châu Mỹ la-tinh xa xôi dường như minh chứng một lần nữa, một khi người ta thoát khỏi vòng vây của chủ nghĩa duy vật đang thống trị khoa học và đời sống phương Tây, một khi để cho trái tim và ước mơ lên tiếng, con người dễ đồng qui về một mối.

**Nguyễn Tường Bách**

(1.8.2002)

(1) Xem K. Dowman, *Masters of Mahamudra. Song and Histories of the Eighty-Four Buddhist Siddhas*, State University of New York Press, Albany, 1985.

(2) Theo đạo Phật, “Tính Không” là tự tính cuối cùng của vạn sự.

(3) Xin đừng lầm với Nagarjuna (Long Thụ), luận sư Trung Luận của Phật giáo trong thế kỷ thứ hai.

(4) Theo Kim cương thừa, *Không hành nữ* là các vị nữ thần bảo hộ cho hành giả tu tập Mật tông. Nhập vào thế giới của Không hành nữ là thoát khỏi sinh tử nhưng chưa hoàn toàn đắc đạo.

(5) Trích lời dẫn nhập trong tác phẩm *Nhà giả kim*.

(6) Được viết bằng tiếng Brazil.

(7) *Der Alchimist*, Nhà xuất bản Diogenes, Zürich 1996.

(8) *The Alchemist*, Nhà xuất bản Harper Colins, London 1999

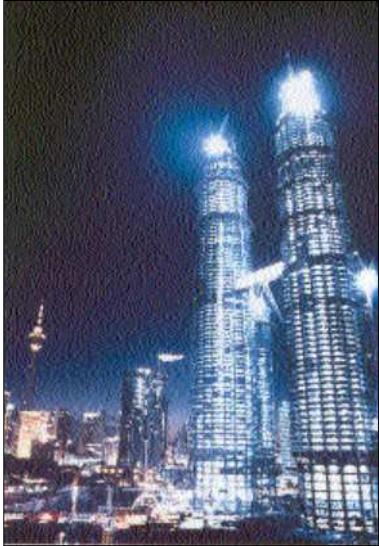
**Mạc Ngôn, Đàm Hương hình**, tiểu thuyết, bản dịch của Trần Đình Hiến, Nhà xuất bản Phụ Nữ, Hà Nội, 2002, 680 trang (nguyên tác : *Đàn hương hình*, Nhà xuất bản Nhà văn, Bắc Kinh, 2001).

Mạc Ngôn là một trong những nhà văn lớn nhất của văn học Trung Quốc đương đại. Bây giờ độc giả Việt Nam may mắn hơn độc giả Pháp : cuối năm nay, bản dịch tiếng Pháp *Gros seins Grosses fesses* của cuốn tiểu thuyết *Phong nhũ phì độn* (Vú to mông nảy) mới được nhà xuất bản Le Seuil phát hành, độc giả Việt Nam đã được đọc bản dịch tiếng Việt của Trần Đình Hiến từ năm ngoái, dưới cái tên, của đáng tội, hiền lành hơn : *Báu vật của đời*. Và năm nay, độc giả Việt Nam lại được đọc *Đàn hương hình*, còn bản dịch Pháp ngữ thì chưa biết bao giờ mới ra. Mà có thể nói chắc chắn là, dù các dịch giả Âu Mĩ có thâm hiểu Hán văn tới đâu, các bản dịch ra ngôn ngữ Án Âu cũng khó bì kịp bản Việt ngữ của Trần Đình Hiến. Bởi vì, hiếm có một sự đồng cảm và đồng điệu giữa tác giả và dịch giả như trong cuốn *Đàn hương hình* giữa họ Mạc và họ Trần. Sự hoà đồng đó thể hiện qua văn phong, nhạc điệu, khiến độc giả có cảm tưởng như được đọc nguyên tác.

**Đàn hương hình** (xử tử hình bằng đóng cọc bằng gỗ đàn hương) là một cuốn tiểu thuyết lịch sử, viết dưới thể loại hiện thực huyền ảo. Hiện thực là con đường xe lửa Đức mở ra ở tỉnh Sơn Đông, một thứ bán thuộc địa cuối thế kỉ 19, đầu thế kỉ 20. Con tàu phun khói trở thành con rồng phun lửa trong cái nhìn huyền thoại của nông dân Trung Quốc. Câu chuyện cũng là lịch sử tiêu vong của *Miêu xoang*, một thể loại kịch của vùng quê này, của một thế giới đang tàn lụi, của một mối tình bất chấp mọi ràng buộc. Một tuyệt phẩm.

K.V.

# Toàn cầu hoá trong lãnh vực *văn hoá nghệ thuật*



Petronas Twin Towers, hai ngôi nhà chọc trời, song sinh, cao 452m ở Kuala Lumpur, Mã Lai (1991-97) - Cesar Pelli, kts

Văn Ngọc

Hiện tượng các sản phẩm văn hoá – chủ yếu do các nước công nghiệp phát triển trực tiếp hay gián tiếp sản xuất – xâm nhập tràn lan vào thị trường mọi nước trên thế giới từ vài ba thập kỷ nay, có nguyên nhân từ chính sách tự do mậu dịch trên phạm vi toàn cầu do chính các nước này chủ trương từ sau những đợt khủng hoảng kinh tế xảy ra vào những năm 70.

Bản thân chính sách này thực chất là một biện pháp kinh tế, nhằm tháo gỡ một tình trạng bế tắc bằng cách mở rộng thị trường, gia tăng các mặt hàng sản xuất và tiêu thụ, phát triển tối đa các công nghệ mới, v.v.

Bởi vậy cho nên, không thể nào giải thích được hiện tượng toàn cầu hoá trong lãnh vực văn hoá, nghệ thuật, mà lại không đào sâu tìm hiểu bản chất và sự vận hành của chính sách toàn cầu hoá, nói chung. (1)

Chẳng hạn như làm sao giải thích được hiện tượng ở Kuala Lumpur, thủ đô Mã Lai, một nước Đông Nam Á còn đang ở mức độ phát triển thấp, mà lại xây được hai tòa nhà chọc trời, song sinh, cao nhất thế giới (Petronas Twin Towers, 452m, 1991-1997) do Cesar Pelli, một kiến trúc sư người Mỹ, gốc Argentina, thiết kế ? Cũng như làm sao hiểu được hiện tượng ở ngay giữa Hà Nội, mà lại mọc lên một toà khách sạn phong cách tân cổ điển (khách sạn Hilton Hanoi Opera) với những thức Hy Lạp-La Mã do các kiến trúc sư, kỹ sư và các hằng thầu người Pháp thiết kế và xây dựng ? Rồi chiếc cầu Mỹ Thuận, do người Úc thiết kế và thực hiện, đẹp và hiện đại không kém gì những chiếc cầu tối tân nhất ở những nước công nghiệp phát triển ?...

Sở dĩ có những hiện tượng này, là vì trong kinh tế thị trường, chính sách toàn cầu hoá tự do mậu dịch được áp dụng cho mọi sản phẩm, kể cả sản phẩm văn hoá và tác phẩm nghệ thuật, vì ở đây sau những sản phẩm này cũng là những chuỗi

công nghệ sản xuất, và những dịch vụ đủ loại. Chính sách đó bao trùm lên mọi hoạt động kinh tế, từ khâu hàng hoá, vốn liếng, đầu tư, kỹ thuật sản xuất, kỹ thuật quản lý, cho đến khâu nhân công (lao động trí óc hay tay chân), và dựa trên nguyên tắc tự do mậu dịch, tự do cạnh tranh, giảm quan thuế, huỷ bỏ các rào cản, hạn ngạch, v.v. (2) Do đó, những nước chưa phát triển, hoặc đang phát triển, có thể mua, nhập, thuê, tất cả những kỹ thuật, thiết bị cần thiết, thậm chí cả những chuyên gia, kỹ sư, kiến trúc sư, của những nước phát triển, để xây dựng trên đất nước mình những công trình hiện đại nhất. (3)

Song, cũng vì thế mà ở những nước này, người ta có xu hướng sao nhãng việc xây dựng, mở mang những ngành công nghệ cần thiết, đào tạo một đội ngũ khoa học kỹ thuật xây dựng hiện đại, và đặt nền móng cho một nền kiến trúc giàu tính chất sáng tạo, với những nét đặc trưng, thể hiện bản sắc văn hoá dân tộc, và phù hợp với những điều kiện thực tế của đất nước mình.

Về phía các nhà tu bản, toàn cầu hoá thực chất là gì ? Ta hãy nghe lời phát biểu của một ông giám đốc công ty ABB (Asea-Brown Boveri), một công ty vào hàng lớn của Thụy Điển : “*Toàn cầu hoá, đối với các công ty thuộc nhóm chúng tôi, là tự do đầu tư vào bất cứ lúc nào và ở bất cứ nơi nào ; là sản xuất những mặt hàng mà chúng tôi muốn ; là mua và bán ở bất cứ nơi đâu mà thuế má, luật lệ lao động và xã hội càng ít càng tốt*” . (Susan George, *La mondialisation libérale*, Grasset, 2002).

Những sản phẩm của các ngành điện ảnh, truyền hình, truyền thông, kiến trúc, v.v. đòi hỏi nhiều phương tiện tài chính và kỹ thuật. Do đó, việc toàn cầu hoá các sản phẩm văn hoá và nghệ thuật gắn liền với sự phát triển của nhiều ngành khoa học, kỹ thuật và công nghệ hiện đại : từ các kỹ thuật xây dựng, công nghệ thiết bị và vật liệu xây dựng, đến các công nghệ điện tử, thông tin, v.v. Văn hoá, nghệ thuật quả là mảnh đất lý tưởng cho chính sách toàn cầu hoá tự do mậu dịch ! (4)

Song, trong sự mua bán, xuất nhập các sản phẩm văn hoá, nghệ thuật, đôi khi cả người bán và người mua đều không mấy quan tâm đến những hệ quả tiêu cực về mặt giáo dục, văn hoá, và xã hội, của việc tiêu thụ một số sản phẩm đối với những người dân trong một nước, cũng như, nói rộng ra, đối với nền văn hoá của một dân tộc.

Mặc dù vậy, cuộc “ giao lưu văn hoá ” phản ánh hơi gượng ép, thậm chí áp đặt này, cũng vẫn có những mặt tích cực nhất định. Nó có thể đem đến cho một cộng đồng, một dân tộc, những thông tin bổ ích về những nền văn hoá, nghệ thuật khác, những cách nhìn và cách suy nghĩ khác.

Do đó, trong vấn đề đánh giá quá trình toàn cầu hoá trong lãnh vực văn hoá, cần phân biệt hai nội dung, hai phạm trù khác hẳn nhau, của cùng một vấn đề :

1- một đằng, là sản phẩm văn hoá-nghệ thuật, đối tượng của sự mua đi bán lại trong kinh tế thị trường, chủ yếu nhằm mục đích kiếm lợi nhuận. Việc sản xuất và phân phối những sản phẩm văn hoá này làm phát triển một số ngành nghề kỹ thuật và thương mại, đồng thời làm phát triển một số công nghệ. Trên bình diện “ giao lưu văn hoá ”, chúng là sản phẩm của một nền văn hoá du nhập một cách đôi khi gượng ép vào một nền văn hoá khác.

2 - một đằng, là những giá trị tinh thần bao gồm những giá trị truyền thống và hiện đại, đặc trưng của một cộng đồng, hoặc của một dân tộc. Có thể gọi đó là bản sắc văn hoá cộng đồng, hay bản sắc dân tộc. Nó là tấm gương phản ánh cái diện

mạo thật, thậm chí cái linh hồn của cộng đồng đó, của dân tộc đó, khiến cho họ tự nhận dạng được mình trong đó. Cũng bởi vậy, nó còn là cái kim chỉ nam hướng dẫn họ trong mọi hoạt động, ứng xử, trong cuộc sống.

Không thiếu gì những thí dụ trong các ngành văn hoá, nghệ thuật cho ta thấy rõ những điều này.

Trong ngành kiến trúc, chẳng hạn, người ta được chứng kiến một sự du nhập bừa bãi những phong cách kiến trúc nhiều khi rất lai tạp, lố lăng, không ăn nhầm gì với môi trường thiên nhiên, văn hoá và kiến trúc của một thành phố, như hiện tượng những mái nhà hình “chóp”, hay hình “củ hành” ở ngay giữa Hà Nội “ngàn năm văn vật” ! Trong lãnh vực điện ảnh, tivi, thí dụ điển hình nhất và phổ biến nhất từ một số năm nay ở khắp mọi nước trên thế giới, là sự xâm nhập tràn lan của các loại phim giật gân “rẻ tiền”, hoặc những loại “phim bộ”, trong đó phân bổ ích thì ít, mà phần tai hại thì nhiều, nhất là đối với các giới trẻ, chưa có được một cái nhìn chung về các giá trị thẩm mỹ và đạo đức.

Việc du nhập những sản phẩm văn hoá ngoại lai đòi hỏi một sự chọn lọc nhất định, bởi nếu chỉ rập theo những sản phẩm đồi kinh đô lai tạp của các nền văn hoá khác, người ta sẽ dễ bị đánh mất đi cái bản sắc văn hoá của chính mình.

Cũng may là còn có những phản ứng lành mạnh trong giới làm nghệ thuật, nói chung. Chẳng hạn như trong hội họa, dù muôn dù không, tranh sơn dầu và acrylique đã trở thành những ngôn ngữ nghệ thuật, những kỹ thuật phổ biến, do giá trị lịch sử, cũng như do chất lượng và cách sử dụng dễ dàng, cộng với những thuận lợi về mặt bảo quản, chuyên chở, v.v. Công nghệ sản xuất các loại chất liệu này cũng ngày một bành trướng, do thị trường tiêu thụ ngày càng được mở rộng thêm. Song, không phải vì thế mà chúng có thể làm mai một đi những kỹ thuật truyền thống : người thổ dân châu Úc và Đại Tây Dương vẫn vẽ chủ yếu trên vỏ cây, với những dụng cụ và kỹ thuật truyền thống ; người Kuna, thổ dân các đảo thuộc Panama, Trung Mỹ, vẫn chủ yếu diễn đạt bằng những mô típ bằng vải màu cắt và khâu chồng lên nhau ; người Á đông (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam) vẫn duy trì được những truyền thống diễn đạt bằng mực tầu trên giấy, trên lụa, hoặc bằng kỹ thuật sơn mài, v.v.

Người ta còn nhớ, vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, khi Nhật Bản đem phương pháp viễn cận của phương tây áp dụng vào tranh khắc gỗ “Phù thế”, thì họ cũng đồng thời đánh mất đi cái độc đáo và cái thơ mộng của cách bối cục và cách thể hiện xa gần theo truyền thống Á đông trong loại tranh này.

Trong nghệ thuật tạo hình, đương nhiên không chỉ có mặt kỹ thuật mà thôi, mà còn có mặt ý tưởng, phong cách, trào lưu, trường phái... Ngày nay, nhờ ở các phương tiện thông tin và truyền thông như : sách, báo (in trên giấy và đưa lên mạng), CD, phim video, tivi, điện ảnh, bảo tàng, triển lãm lưu động, v.v. mọi ý tưởng, phong cách nghệ thuật, đều được giao lưu rộng rãi trên khắp toàn cầu. Đó là một điều mà trước đây chỉ vài thập niên chưa hề có !

Khi còn sinh thời trường Mỹ thuật Đông Dương (1925-1945), với các ông Victor Tardieu, giám đốc kiêm giáo sư, và Inguimberty, giáo sư sơn dầu, thì ở đây, các thế hệ họa sĩ Việt Nam, từ khoá dầu cho đến khoá cuối, đều không được biết gì cả về trường phái ấn tượng ! Không nói gì đến các trường phái biểu hiện, lập thể, siêu thực, hay trừu tượng, cũng đã tồn tại trước đó từ lâu rồi !

Ngày nay, ở bất cứ nơi nào trên thế giới, chỉ cần bấm nút,

lên mạng, là vào được bảo tàng Louvre, là xem được bất cứ loại tranh gì, ở thời kỳ nào, và nói chung, là có thể tham khảo được bất cứ một di sản văn hoá nghệ thuật nào của nhân loại !

Đương nhiên, trong nghệ thuật, sự thuận tiện về giao lưu chỉ nên coi như một phương tiện, mặc dầu đó là một phương tiện quá thiết yếu cho việc sáng tạo ! Nó quan trọng không kém gì sự sáng tạo !

Xem như vậy, cả hai khía cạnh khác nhau vừa nêu trên của khái niệm văn hoá trong vấn đề toàn cầu hoá, đều dẫn chúng ta đến một kết luận, là : trước cái hoạ bị chi phối bởi những ảnh hưởng tiêu cực của những sản phẩm văn hoá “ngoại lai”, một cá nhân hay một dân tộc cần nhìn rõ đâu là bản sắc văn hoá của mình, đâu là những giá trị truyền thống, đâu là những giá trị hiện đại đặc trưng của dân tộc, cũng như đâu là những giá trị phổ biến của nhân loại, để có thể vững tin ở nơi mình và tiếp nhận một cách có phê phán những sản phẩm của các nền văn hoá khác.

Văn hoá (bao gồm cả nghệ thuật) không phải là một khái niệm cứng nhắc, bất di bất dịch, mà luôn luôn thay đổi cùng với xã hội sinh ra nó. Cũng như nó thay đổi cùng với những ý tưởng, quan niệm, lý thuyết : ngày nay văn hoá là một khâu quan trọng trong nền kinh tế thị trường toàn cầu hoá. Nó có một chức năng kinh tế không thể nào phủ nhận được. Sự đóng góp của nó về mặt kinh tế và phát triển thật là đa dạng và đáng kể : nó giúp cho nền kinh tế của một nước (nhất là các nước phát triển) thu được nhiều nguồn lợi tức trong nhiều lãnh vực : từ lãnh vực sản xuất đến lãnh vực thương mại, mua bán những sản phẩm và thiết bị văn hoá thông thường : sách, báo, tác phẩm điện ảnh, tivi, video, băng nhạc, đĩa hát, CD, v.v. ; rồi nào các loại máy móc nghe nhìn, rồi nào máy vi tính, v.v. ! ; từ lãnh vực văn hoá ẩm thực (hiện tượng nhà hàng McDonald tràn lan khắp thế giới), đến các lãnh vực du lịch, thể thao (các “tours” tổ chức đi tham quan khắp các nơi ; bóng đá, với cả một kĩ nghệ các thiết bị đi kèm, kể cả kĩ nghệ mua bán cầu thủ, và tổ chức những Giải vô địch trên phạm vi toàn cầu !). (5)

Ngoại trừ một số mặt tiêu cực đã nêu ở trên – mà mỗi quốc gia cần có những biện pháp để phòng ngừa – chính sách toàn cầu hoá vẫn có thể đem lại được một số hệ quả tích cực, trước hết về mặt phát triển kinh tế, phát triển khoa học kỹ thuật, sau nữa là thông qua giao lưu văn hoá, và nhờ ở những thuận lợi mới trong các lãnh vực thông tin, đi lại, mua bán, v.v., dân trí cũng được mở mang thêm, và những người làm văn hoá, nghệ thuật cũng có điều kiện để mở rộng thêm tầm nhìn của mình.

Tuy nhiên, do sản phẩm văn hoá và tác phẩm nghệ thuật đều được coi là “hàng hoá” trong kinh tế thị trường, cho nên “giá trị văn hoá nghệ thuật đích thực” đôi khi không đi đôi với “giá trị hàng hoá” – giá trị này thường dựa trên một hệ thống giá trị giả tạo và một thứ luật cung cầu cũng giả tạo, hoàn toàn không dính dáng gì đến nghệ thuật ! Hiện tượng đầu cơ, lũng đoạn thị trường mua bán tác phẩm nghệ thuật, với chính sách toàn cầu hoá tự do mậu dịch, chỉ có thể ngày càng nghiêm trọng thêm và lan rộng ra mọi nước trên thế giới.

Ngược lại, việc mở rộng thị trường nghệ thuật ra khu vực và ra thế giới, cho phép các nghệ sĩ dễ sống hơn, có điều kiện để sáng tác thoải mái hơn, và nhất là bán được tác phẩm của mình một cách dễ dàng hơn trước, đương nhiên vẫn phải thông qua một hệ thống mối lái, trung gian, giờ đây đã được... toàn cầu hoá !

Văn Ngọc

Chú thích :

(1) Xu hướng " toàn cầu hoá " của nền kinh tế thị trường tư bản đã được Marx tiên đoán từ hơn 100 năm trước đây, trong tác phẩm **Tuyên ngôn của đảng Cộng sản** (1872) : “ *Vì luôn luôn cần có những nơi tiêu thụ mới cho hàng hoá, nên giai cấp tư sản di xâm lấn khắp hoàn cầu. [...] Do việc bóc lột thị trường thế giới, giai cấp tư sản đã làm cho sự sản xuất và sự tiêu dùng của tất cả các nước đều có tính chất toàn cầu. [...] Những mối quan hệ toàn diện, sự phụ thuộc vào nhau toàn diện giữa các dân tộc đang phát triển [...] Tính chất hép hối và phiến diện dân tộc ngày càng không thể tồn tại được nữa [...]*  ”. (Karl Marx, *Tuyên ngôn của đảng Cộng sản – Tuyển tập C. Mác-F. Ăng-ghen, tập 1, NXB Sự Thật, 1962)*

(2) Từ những năm 60, bắt đầu hình thành một nền kinh tế mà tính chất xuyên quốc gia ngày càng đậm nét, tức là một hệ thống hoạt động kinh tế trong đó các lãnh thổ và biên giới quốc gia không còn là khung cảnh cơ bản nữa, mà ngược lại còn trở thành những chướng ngại..." (Hobsbawm, *Age Of Extrêmes - The Short Twentieth Century*, 1994 / L' Âge des extrêmes, Ed. Complexe, 1999, tr. 366 - trích dẫn dựa theo bài *Đọc Hobsbawm* của Nguyễn Quang, ĐĐ số 109).

(3) " Công cụ thực hiện và bành trướng của nền " kinh tế toàn cầu " là các công ty đa quốc gia, với chức năng quốc tế hoá các thị trường, làm cho chúng trở thành độc lập với Nhà nước và lãnh thổ quốc gia... Năm 1960, người ta ước lượng doanh thu của 200 công ty tư bản cỡ lớn nhất thế giới bằng 17% giá trị tổng sản lượng quốc gia của các nước nằm trong phạm vi hoạt động của chúng ; đến năm 1984, tỷ lệ đó lên tới 26% ". (Hobsbawm, sđd, tr. 369, dựa theo Nguyễn Quang, *Đọc Hobsbawm*, ĐĐ số 109).

(4) Hiện tượng bùng nổ của nền " kinh tế toàn cầu " khởi đầu từ ở các nước tư bản phát triển. Từ 1950 đến 1970 tổng sản lượng hàng hoá công nghiệp thế giới đã nhân lên gấp 4, và kim ngạch thương mại quốc tế về hàng công nghiệp đã nhân gấp 10. Các nước này chiếm từ 75% đến 80% hai tổng số kể trên. Năng suất trong nông nghiệp cũng tăng gấp đôi. Sức mua của người dân được nâng cao, đưa xã hội bước vào thời kỳ " tiêu thụ đại chúng ". Hệ quả kèm theo là sự xuất hiện một " thị trường đại chúng ", cung cấp những mặt hàng trước đây được coi là xa xỉ phẩm (trong đó có nhiều sản phẩm và dịch vụ văn hoá : TiVi, các máy nghe nhìn, máy vi tính, các dịch vụ du lịch đại chúng, v.v.). Chính sự " tiêu dùng đại chúng " này đã cung cấp cho chủ nghĩa tư bản cái lương một động cơ để bành trướng, và thúc đẩy những tiến bộ khoa học, kỹ thuật, và văn hoá, nhằm thực hiện những cải cách trong các lãnh vực sản xuất, vận chuyển, phân phối, và tiêu thụ. (Hobsbawm, sđd, tr. 349, dựa theo bài *Đọc Hobsbawm* của N.Q., ĐĐ số 107).

(5) Theo Benjamin R. Barber, tác giả cuốn **Djihad versus Mc World / Mondialisation et intégrisme contre la démocratie**, NXB Desclée de Brouwer, 1997 : " [...] Thị trường chung [...] tạo ra những cách ứng xử giống y như nhau mà ta có thể gặp ở khắp các đô thị lớn [...]. Bản thân sự tiêu thụ cũng tạo ra những cung cách ứng xử đồng nhất ở mọi nơi trên trái đất [...]. Đó là văn hoá biến thành hàng hoá, y phục trở thành ý thức hệ [...]. Âm nhạc, điện ảnh, kịch nghệ, sách, công viên có chủ đề – những giáo đường mới của một nền văn minh hàng hoá trong đó các trung tâm thương mại trở thành quảng trường công cộng – tất cả đều được thiết kế để phổ biến một hình ảnh, tạo ra một sự mẫn cảm chung cho toàn thế giới, kết cấu bằng những siêu sao, những bài hát, và những nhãn hiệu, những lô gô, nhạc hiệu và khẩu hiệu quảng cáo... " (B.R. Barber, sđd, tr. 38-39, dựa theo trích dẫn của Nguyễn Quang trong bài *Đọc Hobsbawm*, ĐĐ số 109).

## TIN VĂN HOÁ

### Những phát hiện mới về Thành nhà Hồ

Thành nhà Hồ do Hồ Quý Ly cho xây cách đây 600 năm (1397) hiện còn để lại di tích ở Tây Giai, thuộc huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá. Mới đây, một đợt khảo sát đã thâu lượm được thêm một số dữ kiện và nhận xét. Một cuộc đo thử chu vi, cho biết thành nhà Hồ có dạng gần như vuông, với cạnh xấp xỉ 980m. Có 4 cổng ra vào thành. Cổng chính do từ mặt đất lên mặt thành (không tính phần kiến trúc đã đổ) cao 9m, lòng cổng rộng 6m, vòm cao 7m, hai bên có 2 cổng phụ, mỗi cổng rộng 5m, với hai con đường dẫn vào đã bị thời gian xoá hết. Các cổng Bắc, Đông, Tây, không có cửa phụ, song trông còn bề thế, rõ nét. Ở cửa Đông còn tấm bia của Trịnh Cán, khắc ở Thăng Long đem vào dựng tại đây, ca ngợi công trình thành này (thành Tây Giai), đồng thời nói đến việc hao tổn nhân lực, vật lực, tiền của, khiến dân chúng thời đó ta thán. Thành chưa xây xong hẳn, nên nhiều phiến đá lớn chưa kịp sử dụng hiện vẫn còn nằm ngổn ngang. Phiến lớn nhất dài đến 3m. Bè ngang từ 1m tới 1,5m, dày trung bình từ 0,8 đến 1,2m. Với kích thước đó, việc vận chuyển một số lượng lớn các phiến đá lên vùng Tây Giai quả là vất vả. Đó chính là một trong những nguyên do khiến nhà Hồ bị dân tình oán thán. (Thanh Niên, 15-08-2002)

### Đưa lãnh Mỹ A vào thời trang hiện đại

Bộ sưu tập thời trang “ *Mơ về châu Á* ” của nhà tạo mẫu Võ Việt Chung đã được hình thành ngay giữa thủ đô Roma, với hãng thời trang Ý Noa-Noa. Một trong những mẫu kết hợp Âu-Á được thiết kế là bộ trang phục lấy ý tưởng từ áo bà ba, với cổ tim cạn, đi cùng với một chiếc váy kiểu Khmer thường thấy ở miền Tây Nam bộ, với độ phùng cổ điển của thời trang châu Âu thế kỷ 19. Toàn bộ trang phục may bằng lanh (lĩnh) Mỹ A, sản xuất tại Tân Châu, Hồng Ngự. Bắt đầu thiết kế thời trang cho sân khấu từ năm 1995, Võ Việt Chung được bình chọn là nhà tạo mẫu xuất sắc tại Cuộc thi thiết kế thời trang Makuhari tại Nhật Bản năm 1997, và được mời tham dự Festival thời trang tại Hàn Quốc năm 1998. Năm 2001 anh đã được một học bổng để tham dự khoá tu nghiệp về thời trang cao cấp tại Ý và Đan Mạch do Hiệp hội Thời trang châu Âu tổ chức. (TTCN, 4-08-2002)

### Tendo Yoshimi muốn hát *Diễm Xưa* tại VN

Trong ngôi nhà 47C Phạm Ngọc Thach, TP.HCM, đạo diễn truyền hình của hãng NHK (Nhật Bản), Masakazu Ashida, cùng đoàn làm phim đang ghi lại những kỷ vật của cố nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Được hỏi xuất phát từ ý tưởng nào chương trình dựng phim này được thực hiện, đạo diễn Masakazu Ashida cho biết : “ Trước hết, đó là do cô Tendo Yoshimi, một ca sĩ hàng đầu của Nhật Bản, 20 năm về trước đã nghe ca khúc *Diễm Xưa* trong bộ phim *Vợ và con gái đến từ Sài Gòn* chiếu trên Đài truyền hình NHK. Giai điệu của ca khúc Diễm Xưa đã tạo cho cô cảm xúc và cô luôn muốn tìm đến người đã sáng tác và nơi ra đời của bài hát. Đó là lý do lần này Tendo Yoshimi đến Việt Nam và muốn hát *Diễm Xưa* trên đất nước VN ”. Phim có tựa là “ Ca sĩ Tendo Yoshimi đến Việt Nam ”, dài 70 phút, và sẽ được phát sóng trên Đài NHK trong chương trình giao lưu giữa các nền âm nhạc. (Thanh Niên, 12-08-2002).

# Bao giờ cho đến bốn năm sau ?

Phạm Thị Hoài

Lần cuối cùng bạn tự động bắt chuyện với ông giáo sư gì thường lách vội qua cái ngõ bị bạn khuỳnh tay đứng chắn là bao giờ nhỉ ? Bạn thuộc giới vô công rồi nghề, ông ấy thuộc giới vô tích sự, chẳng bên nào hơn bên nào, nhưng ông ấy kém bạn ở cái khuỳnh tay đứng ngõ. Việc gì phải hạ cố bắt chuyện. Lần cuối cùng bạn thấy bọn trí thức cũng đáng hưởng chút tình hàng xóm, thậm chí bạn ngâm thầm nhận cái địa vị và học thức của ông giáo sư gì, là bao giờ nhỉ ? Hình như là đúng bốn năm trước, vào mùa World Cup bóng đá. Nhà văn Uruguay Eduardo Galeano, tác giả cuốn kinh thánh bóng đá *Quả bóng hình tròn*, cho rằng thượng đế và bóng đá giống nhau ở chỗ : dân chúng càng kính ngưỡng thì kẻ trí thức càng hoài nghi. Tôn giáo và bóng đá đều là thuốc phiện cho nhân dân. Thượng đế đã chết thật, hay thượng đế lại đâu thai vào quả bóng ? Pelé vĩ đại đã nói rồi, may mà có bóng đá, nếu không thì nước Brazil chúng tôi chắc phải làm cách mạng. Nhà văn Tây Ban Nha Javier Marias, cổ động viên chung thuỷ của Real Madrid thì cho biết, hai mươi năm trước không một trí thức Tây Ban Nha nào dám công khai ngưỡng mộ bóng đá, bây giờ muốn lên a-văng-gác lại phải rành đá banh. Thuốc phiện cho nhân dân hay viagra cho ám ảnh bất lực của kẻ sĩ trong kỉ nguyên huy hoàng của văn hoá đại chúng ?

Những chuyện ấy chẳng quan hệ đến bạn và ông giáo sư gì. Vào mùa bóng đá, ông ấy hết vô tích sự và bạn hết vô công rồi nghề. Ông ấy thuộc tên các câu lạc bộ, cầu thủ, huấn luyện viên và trọng tài hơn bạn nhiều, toàn tên nước ngoài, bạn làm sao nhớ nổi ? Ông ấy phân tích luật chơi đâu vào đấy, dùng từ chuyên môn chuẩn xác, nhờ vậy mà bạn biết cái vị trí *offside* là “ việt vị ”, trước đây bạn toàn nghe đám thất học gọi bừa là “ liệt vị ”. Việt là vượt, như tên nước mình, ông ấy giải thích và bạn gật gù. Nước mình chả biết vượt đi đâu, nhưng nghe cũng khoái hơn một cái tên vô nghĩa. Bù lại, nhờ bạn mà ngon ngữ bóng đá của ông ấy ác chiến hơn, cũng “ bóng nóng ”, “ bóng nguội ”, “ tanh ”, “ máu ”, “ xích lô chống càng ”, “ ngả bàn đèn ”, “ nhả ”, “ ngoáy ”, “ gãm ”, “ mồi ”, “ bốc ”, “ lí nhí cù lạc ”, “ nấu cháo sườn ”, “ chuối ”, “ siêu chuối ”... Ông ấy bình luận rất chí lí về phong cách chơi tức phong cách tồn tại của từng dân tộc, nhờ vậy mà bạn biết chuyển từ ngưỡng mộ sang khinh bỉ cái tinh thần duy lí, thực dụng, phi nghệ thuật, thiếu hào hoa của bóng đá và chủ nghĩa Đức.Bạn Ý cũng không khéo hơn. Chúng nó cùng một duoc phát xít là phải. Tất nhiên nếu chạy đầu tiên, bạn sẽ cho thằng con lớn đang chờ chiếm cái chỗ khuỳnh tay đứng ngõ của bạn sang Đức tí nạn chứ không sang Brasil. Bóng đá là cả cuộc đời, nhưng cả cuộc đời lại không chỉ là bóng đá, chính ông giáo sư gì đó triết lí

này thế. Năm nay ông ấy cũng gửi con đi Pháp du học chứ không đi Senegal. Nhờ một trò chơi chẳng made gì in Việt Nam mà trí thức Việt bốn năm một lần xứng đáng là thành phần phát ngôn của dân tộc, là thày và bạn của nhân dân.

Còn bạn, lần cuối cùng đồng chí công an khu vực ghé qua quán cà phê có bán thuốc lác <sup>(1)</sup> của ban, không phải để phát mấy chiếc ghế nhựa chiếm hè đường trái phép, là bao giờ nhỉ ? Bạn thuộc giới nhảy rào pháp luật từ phía bên này, đồng chí ấy thuộc giới nhảy rào pháp luật từ phía bên kia. Rồi cũng tập kết ở cùng một điểm mà thôi, nhưng gặp nhau ở quán cà phê của bạn thì không sướng. Lần cuối cùng đồng chí ấy thoái mái tụt giày, ngồi xổm trên một trong những chiếc ghế nhựa phạm pháp ấy và bạn ngừng tay san bịch thuốc lác thành từng gói nhỏ xanh đỏ vui mắt, hai bên say sưa nói về một sự kiện không xảy ra trong khu phố, không xảy ra trong quán cà phê, là bao giờ nhỉ ? Hình như là đúng bốn năm trước, vào mùa World Cup bóng đá. Sự kiện quân đầu gấu Đức đánh trọng thương một cảnh sát Pháp. Việt Nam mà đăng cai mông-đi-an thì cảnh sát mình cho đầu gấu quốc tế biết thế nào là lẽ độ. “ Chuồng cọp ” còn để trống nhiều, cho thuê không được mấy. Năm nay là một đồng chí khác, công an khu vực thuộc quận Hoàn Kiếm của bạn đảo như rang lạc, như cầu thủ chuyển câu lạc bộ, như Bora Milu chuyển đội tuyển quốc gia. Đồng chí năm nay cầm thù mười một thằng điên Hàn Quốc và băng trọng tài mafia. Mười một thằng điên, mỗi thằng nửa triệu đô la chờ ở chung kết, mua mấy tiếng còi chẳng được. Việt Nam mà đăng cai mông-đi-an thì quân hối lộ khóc thét. Nhờ một trò chơi chẳng made gì in Việt Nam mà toàn dân Việt bốn năm một lần chuộng pháp luật và tẩy chay tham nhũng.

Còn bạn, lần cuối cùng bạn quên phắt rằng, gã đàn ông ngồi cạnh đang cắn móng tay và năm phút nữa sẽ tan như giẻ rách theo đội Anh thực ra là thủ trưởng cơ quan bạn, là bao giờ nhỉ ? Hình như là đúng bốn năm trước, vào mùa World Cup bóng đá. Mùa hè. Còn lâu mới Tết. Còn lâu bạn mới phải rụt rè giao lưu chai rượu Tây, tức vừa xinh tháng lương thứ mươi ba, vào tay vợ thủ trưởng và pháp phỏng lo rượu rởm. Mắt mù ấy như mắt cú, nhìn xuyên *Johnny Đen* <sup>(2)</sup>. Bây giờ gã ấy ngồi cạnh bạn, nốc rượu để bằng cái chén bẩn. Kiến thức bóng đá của gã mỏng như áo em, bạn nói gì gã cũng gật. Gã thua cá là phải. Bạn sẽ giành lại nhiều tháng lương thứ mươi ba từ tay gã, giấu mắt cú của vợ. Còn lâu, ít nhất là xong trận chung kết, bạn mới phải trả lại bàn giấy cơ quan, gã nói gì bạn cũng gật. Năm nay bạn cá lớn cho đội Thổ vào bán kết. Thủ trưởng cơ quan bạn, thằng ngốc, thằng nịnh Tây, thằng nô lệ cho thực dân, cắm nguyễn con Daewoo mới chạy rốt-đa vào Pháp. Bóng đá tái thiết lập công bằng xã hội, mà xã hội Việt chẳng tốt một khẩu hiệu nào. Của người phúc ta, kì diệu là như vậy.

Còn bạn, lần cuối cùng vợ chồng bạn thức trắng, không để cãi nhau, không để lo mè xôi sáng mai thử bán, không để tâm sự chuyện nặng bên nội nhẹ bên ngoại, không để xem phim sex dày, không để làm tình muộn, là bao giờ nhỉ ? Hình như là đúng bốn năm trước, vào mùa World Cup bóng đá. Cô ấy mê chàng Beckham bô trai có cái miệng cực kì duyên dáng,

đồng thời mè Klinsmann mắt xanh tóc vàng. Toàn những thằng Tây giỏi trai, trẻ hơn bạn, giàu hơn bạn hàng chục triệu lần, nổi tiếng hơn toàn đàn ông nước Việt gộp lại. Bạn ngạc nhiên thấy mình không ghen. Bạn còn ôm vai vợ an ủi khi Beckham ăn thẻ đỏ và chuốc rượu vợ tiễn Klinsmann theo đội Đức về vườn. Năm nay tóc các cầu thủ Nhật và Hàn cũng vàng, thay cho Klinsmann mà nàng đã quên. Beckham còn quyến rũ hơn. Thằng Raul trông cũng khau. Nhưng vợ bạn đã chuyển điểm ngắm sang Oliver Kahn sát khí dữ dằn. Nàng vẫn yêu bóng đá như bao giờ, yêu cái thế giới toàn đàn ông, trọn mắt, nhẹ răng, nhở nước bọt, yêu cả những cú thượng cẳng chân hạ cẳng tay đầy nam tính, đầy tinh thần chiến tranh. Chiến tranh thật, nếu không thì mười một thằng điên Hàn Quốc chẳng được miễn nghĩa vụ quân sự. Và bạn thấy mình là một phần của cái tình yêu ấy. Bóng đá tái thiết lập bảng phân vui nam nữ như buổi nguyên sơ. Đàn bà nước Việt được cách mạng giải phóng lâu rồi, họ không cần sờ vào quả bóng, không cần thạo luật, không cần phân biệt hai khung thành. Miễn là bóng ở đâu rơi vào. Miễn là xem, hoặc xem chồng xem đá bóng. Nhưng đàn ông nước Việt cũng không cần sờ vào trái banh.

Lần cuối cùng tôi chung một nhịp sống, một ý nghĩa tồn tại với toàn đảng, toàn dân, toàn quân ta, với các cấp, các bộ, các ngành, các giới, các địa phương và một trung ương, là bao giờ nhỉ ? Hình như là đúng bốn năm trước, mùa World Cup bóng đá. Tôi cũng tiêu trọn nửa ngày làm việc vào giấc ngủ bù, vật vờ lê nốt phân giờ hành chính sự nghiệp còn lại trong cục hình của chờ đợi. Rồi nhồm nhoàm ăn uống và ngấu nghiến mọi tờ báo có bài về bóng đá, nghĩa là đứt một sập báo. Rồi về điện thoại gọi vài chục vòng quanh đất nước, hàng ngũ tri kỉ của tôi ở mọi nẻo đường tổ quốc sẽ quyết tử với lí tưởng mâu da cam, dù đội Hà Lan còn hay mất. Rồi cùng cả cái dân tộc chẳng hề quen sống về đêm này thức trọn những canh khuya. Không phải để chiêm nghiệm những suy tư siêu hình, trăn trở những vấn nạn xã hội, ôm ấp những giấc mộng “tự do dân chủ đa nguyên, quốc gia phồn thịnh bình yên, nhân dân phấn khởi triền miên ” gì đó. Tất nhiên là không. Chúng ta không dại dột đến mức ấy. Cả nước Việt chỉ reo vang khẩu hiệu “ Vàààooo ! ” giữa canh ba và canh năm. Người hô trước, chó choàng tỉnh sửa đêm một hồi và sao trời rung rinh phụ họa. Ngày mai lại là một ngày đáng sống.

Lần cuối cùng chúng ta thấy mình thực sự hoà vào hơi thở thời đại, vui niềm vui của toàn nhân loại, khóc nhũng giọt nước mắt Pháp, đập thình thích bằng trái tim Mêhicô ; lần cuối cùng chúng ta được cười vào mũi anh bạn khổng lồ Trung Quốc mà khỏi phải dẫn *Bình Ngô*, được chửi Mỹ thậm tệ mà cóc cân chiếu cố vụ 11 tháng Chín ; lần cuối cùng chúng ta được xả ngược tinh thần kì thị chủng tộc vào các mâu da không trắng mà khỏi cầm gương soi da mình vàng ; lần cuối cùng lòng yêu nước và tinh thần tự hào dân tộc đã thủng két lầm của chúng ta khỏi phải gõ cửa từng nhà, chỉ cần nhờ ba muối hai cái chủ nghĩa dân tộc cháy bỏng trong một cuộc chơi toàn cầu đứng ra quyên góp giúp ; lần cuối cùng chúng ta được

tự do lựa chọn và hội họp, được thông tin đầy đủ và ngôn luận sướng mồm như thói Tây ; vâng, lần cuối cùng chúng ta được làm những người Việt yêu nước mà không cần xả thân vì nước, tự do mà không cần tranh đấu cho tự do, bình đẳng mà không cần chống bất bình đẳng, và đồng thời là công dân thế giới, ở đỉnh cao thời đại, vô tư hướng chiến công nhân loại mà khỏi cần lập công, mà chẳng phải làm gì hơn ngoài ngồi trước một màn hình, là bao giờ nhỉ ? Là suốt tháng Sáu vừa rồi, mùa World Cup bóng đá.

Hay đơn giản hơn, lần cuối cùng bạn tôi ở Sài Gòn, vốn chẳng ham hố được thua ở đài, mà thể thao là phân thắng bại, bỗng châm chỉ ngồi trước màn hình, cũng là suốt tháng Sáu vừa rồi, mùa World Cup bóng đá. Anh bảo : “ Thời thì giết thời gian, đỡ buồn ”. Giết thời gian còn hơn sống mòn. Đỡ buồn tốt hơn với hi vọng.

Năm nay Brazil lại không làm cách mạng. Mọi chú bé sinh năm 2002 ở cái xứ khổng lồ của nghèo khổ, bệnh tật, tham nhũng, bất công ấy chỉ cần mang tên Ronaldo và Ronaldinho là ổn.

Năm nay tôi không có lí tưởng. Bạn biết rồi, lí tưởng của tôi mâu da cam. Nhưng bốn năm nữa lí tưởng ấy sẽ hùng mạnh hơn bao giờ. Bao giờ cho đến bốn năm sau ?

## Phạm Thị Hoài

*Bài này tác giả cũng đã cho đăng trên diễn đàn Talawas ngày 03.07.2002, địa chỉ internet : [www.talawas.de](http://www.talawas.de)*

### Chú thích của tòa soạn :

- (1) Ecstasy, ma tuý.
- (2) rượu whisky hiệu Johnnie Walker nhãn đen, giới uống rượu còn gọi là *Giòn Bột* (Walker là tên riêng, tiếng Anh có nghĩa là người đi bộ).

## Diễn Đàn Forum

Directeur de publication: Nguyễn Quang Đỗ \* Imprimé par nos soins  
Dépot légal: 178/91 \* Commission Paritaire: AS 73 324 \* Prix: 5 €

Địa chỉ bưu điện:  
BP 50, F-92340 Bourg la Reine (FRANCE)

Địa chỉ điện tử (E-mail):  
[diendan@wanadoo.fr](mailto:diendan@wanadoo.fr)  
<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

Đại diện các nước: xin coi thể lệ mua báo (trang 3)

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa PC (phông Unicode, VNI, TCVN, VPS, ...); hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)